

**Đức Kiên  
(Phạm Quốc Trung)**

**Những mẩu chuyện Phật giáo  
dành cho thiếu nhi  
(Tập 3)**



---

*Tp. Hồ Chí Minh, Tháng 6/ 2017*

## LỜI NÓI ĐẦU

Sau khi xuất bản tập 1 và 2 « **Những mẫu chuyện Phật giáo dành cho thiếu nhi** », tác giả đã nhận được nhiều phản hồi, góp ý tích cực và khuyến khích tiếp tục mở rộng các câu chuyện Phật giáo hướng tới các đối tượng thanh thiếu niên, lứa tuổi rất quan trọng trong việc truyền bá Phật pháp. Nhận thấy, tác dụng tích cực của những mẫu chuyện này không những đối với các em nhỏ ở bậc mầm non, thiếu nhi, mà còn có tác dụng tích cực đối với cả các vị phụ huynh trong việc học Phật và giáo dục con trẻ, tác giả đã mạnh dạn tiếp tục hoàn thiện tập 3, với mong muốn bổ túc những câu chuyện hay còn thiếu ở các tập trước. Tập này đề cập nhiều hơn đến chuyện tiền thân của Đức Phật, việc học, và ứng dụng Phật pháp ở tuổi thanh thiếu niên, cũng như các bài học ứng dụng gắn liền với cuộc sống học tập và vui chơi của các em.

Trung thành với mục tiêu ban đầu là giáo dục trẻ, nên các câu chuyện được chọn lọc trong tuyển tập này tiếp tục dựa trên tiêu chí ngắn gọn, đơn giản, dễ hiểu, phù hợp với tâm lý thanh thiếu niên. Đồng thời, thông qua những câu chuyện trong tập 3 này, các khái niệm Phật học căn bản cũng sẽ được giới thiệu, như : Vô thường, Vô ngã, Nhân quả, Nghiệp báo, Bồ thí, Ngũ giới, Tịnh độ... Cuối mỗi câu chuyện đều có phần Bài học liên hệ với những giáo lý căn bản của đạo Phật, sẽ giúp trẻ nhớ, hiểu rõ và có thể áp dụng những bài học này vào cuộc sống. Từ hiểu biết này, hy vọng trẻ có thể tự mình tìm đọc để hiểu thêm về Phật pháp và ứng dụng vào cuộc sống hàng ngày của mình ở trường và ở nhà.

*Cấu trúc tập 3 được chia thành 4 phần, gồm: Chuyện tiền thân Đức Phật, Phật pháp và tuổi trẻ, Chuyện loài vật, và Phật pháp ứng dụng. Bên cạnh các câu chuyện gắn liền với Đức Phật và Phật pháp, một số truyện về loài vật, cổ tích Việt Nam cũng được đưa vào nhằm giúp các em cảm thấy vui thích qua các hình ảnh thân thương của các loài vật, giúp các em hiểu hơn về thế giới tự nhiên, cũng như phát triển lòng yêu thiên nhiên, và biết bảo vệ môi trường sống. Chúc các em nhỏ và các bậc phụ huynh có những niềm vui khi đọc cuốn sách này, và ứng dụng được những điều Phật dạy trong cuộc sống để gia đình luôn an lạc và hạnh phúc !*

*Nhân đây, cũng xin bày tỏ lòng biết ơn đối với các tác giả, tác phẩm, hình vẽ đã được sử dụng trong tuyển tập này, mà tác giả không có điều kiện liên lạc và xin phép. Xin gửi tặng món quà này đến mẹ, bà xã và các con, những người luôn bên cạnh động viên, và khuyến khích tôi hoàn thành tập sách này.*

*Mong tiếp tục nhận được sự hưởng ứng từ các em thiếu nhi và các bậc phụ huynh đối với **Những mẫu chuyện Phật giáo dành cho thiếu nhi tập 3** này. Rất mong nhận được các góp ý để bổ khuyết cho lần tái bản sau được hoàn thiện hơn. Mọi góp ý xin gửi về địa chỉ e-mail: [pqtrung@gmail.com](mailto:pqtrung@gmail.com)*

*Tác giả kính bút,*

*Đức Kiên (Phạm Quốc Trung)*

## MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....	2
MỤC LỤC.....	4
PHẦN A – CHUYỆN TIỀN THÂN ĐỨC PHẬT ...	7
• Bồ-tát Thiện-Huê.....	8
• Bồ-tát Hộ-Minh.....	11
• Người Đạo sĩ chí hiếu.....	13
• Hai nhà vua hiền đức.....	15
• Kẻ ngu hay cãi.....	21
• Quốc vương Hữu Đức.....	25
• Bà la môn Darimukha.....	27
• Hai thiên nữ.....	33
• Chuyện cây kim.....	39
• Vị tà thuật sư.....	45
PHẦN B –PHẬT PHÁP VÀ TUỔI TRẺ.....	50
• Chú tiểu Hiền Trí.....	51
• Sa di Quân Đè.....	58
• Sa di mê cọp.....	61
• Sa di tham ăn.....	63
• Chuyện kẻ đốt lều.....	64
• Chỗ ở của Sa di.....	68
• Ưu-Ba-Ca.....	70

• Uất Xà Ca .....	72
• Hiếu tử Sàma .....	75
• La-Hầu-La hỏi Phật .....	81
PHẦN C – CHUYỆN LOÀI VẬT .....	83
• Em hãy im lặng.....	84
• Thỏ mền đạo .....	88
• Chồn cưới công chúa .....	90
• Chim Phượng hoàng .....	96
• Con nai Diêm lảnh.....	103
• Chuyện gió thổi .....	106
• Đồ ăn cúng người chết.....	108
• Chuyện con chó .....	111
• Đòi bạn thân thiết .....	116
• Cây Hồng Phượng vĩ .....	118
• Con khỉ xấu tính .....	121
• Chuyện chó sói giữ giới.....	123
• Chuyện con cua .....	125
• Chú sâu xấu xí .....	130
PHẦN D –PHẬT PHÁP ỨNG DỤNG .....	134
• Chim con về với Phật .....	135
• Thầy Tỳ kheo với con ngỗng.....	139
• Chuyện con bò.....	141
• Con dao trong tâm .....	145
• Đường lầy .....	147
• Giọt nước màu xanh .....	148

- Phận đẹp duyên may ..... 155
- Thắc mắc của vua A Xà Thế ..... 160
- Thí dụ Phước điền ..... 163
- Tóm lược kinh A Di Đà..... 167
- Bồ-tát Di Lặc ..... 172
- Bút thần ..... 175
- Cậu bé Tích Chu ..... 178
- Sự tích hoa Đại ..... 181
- TÀI LIỆU THAM KHẢO ..... 189



# PHẦN A – CHUYỆN TIỀN THÂN ĐỨC PHẬT



## Bồ-tát Thiện-Huệ

Ở một đời quá khứ xa xưa, thuộc kiếp Trang-Nghiêm, có Thái-tử tên là Phổ-Quang con vua Đấng-Chiếu, xin phép vua cha vào núi Himalaya tìm thầy học đạo, lấy hiệu là Thiện-Huệ. Ngài theo học với nhiều vị đại sư, cầu đạo cao thượng, nhưng lòng chưa thỏa mãn.

Một hôm Thiện-Huệ đấu lý với 500 ngoại đạo được toàn thắng, được thưởng 500 đồng tiền vàng. Thiện-Huệ vui mừng từ giã thầy, mang tiền lên đường tìm đến cúng Phật Nhiên-Đăng đang cư trú tại thủ đô Divapati. Giữa đường gặp một cô gái đang đi, tay cầm bầy hoa sen màu xanh vừa thơm vừa đẹp, chàng liền hỏi mua. Nhưng cô gái đáp: “Tôi mang hoa cúng Phật, đâu có bán mà ông hỏi mua”. Thiện-Huệ đưa ra 500 đồng tiền vàng, năn-nỉ xin mua năm hoa sen để cúng Phật, nhưng cô gái vẫn làm thinh, không đáp. Túng thế, chàng nói:

- Cô cúng dường hai bông cũng được rồi. Tôi từ xa đến đây, mong được hoa sen quý báu này để cúng Phật Nhiên-Đăng và xin học hỏi giáo lý cao thượng của ngài. Xin cô thông cảm nhường lại cho tôi năm bông đi, rồi cô muốn gì tôi cũng làm theo.

Cô gái ửng hồng đôi má, đứng nhìn xuống đất, rụt rè nói: “Anh ơi, không biết sao vừa trông thấy anh thì em đem lòng thương anh liền hà. Em muốn tặng không cho anh năm bông sen này để anh cúng đức Giác ngộ. Nhưng anh phải hứa với em là anh chịu cưới em làm vợ trong kiếp này và mãi mãi về sau”.

Thiện-Huệ đáp: “Cô ơi, cô là người rất dễ mến và rất chân thật. Vừa gặp cô tôi cũng có cảm tình với



cô ngay. Nhưng tôi đã phát tâm cầu đạo giải thoát. Nếu cưới vợ thì bị ràng buộc, làm sao tôi có thể xuất gia tầm đạo !?”

- Anh cứ hứa với em đi. Rồi sau này mỗi khi anh muốn xuất gia thì em cam kết sẽ không ngăn cản mà còn tìm cách giúp anh thực hiện được hoàn toàn chí nguyện.

Nghe cô gái nói như thế, Thiện-Huệ miễn cưỡng nhận lời. Rồi hai người tìm tới nơi đức Phật Nhiên-Đăng đang ngự. Quần chúng đông đảo đang vây quanh đức Phật. Có cả vua và quần thần đến làm lễ dâng hoa cúng Phật. Thiện-Huệ và cô gái cố len lỏi đến gần, nhưng còn khoảng hai mươi bước nữa thì họ không tài nào tiến lên được nữa. Thiện-Huệ rất sung sướng được nhìn thấy Phật Nhiên-Đăng tận mắt. Bỗng nhiên chàng cảm thấy tinh thần sáng khoái lạ thường. Chàng phát nguyện sẽ cố gắng tu học cho đến khi được hoàn toàn giác ngộ như ngài. Chàng chí thành tung năm hoa sen của mình lên không trung để cúng dường Phật theo thông lệ lúc bấy giờ. Năm hoa sen được tung lên không trung bỗng biến thành năm đài sen lớn trang nghiêm rực rỡ, lơ lửng giữa không gian. Cô bạn gái trao cho chàng hai hoa sen của cô, nhờ dâng cúng dùm. Chàng lại chí thành tung lên không trung cúng dường Phật. Hai đóa sen này hiện thành hai đài sen lớn đứng ở hai bên Phật. Trước sự ngạc-nhiên của đại chúng, đức Phật Nhiên-Đăng hoan-hỷ giải thích sở dĩ có sự kỳ diệu như thế là do tâm vô cùng thanh tịnh và thành kính của người cúng dường. Rồi Phật gọi Thiện-Huệ và cô gái đến bảo:

- Ông là người có nhiều thiện căn, hãy ráng tinh tấn tu hành sẽ đạt được đạo quả lớn. Còn cô này cũng

có thiện duyên với ông, nhưng cô nên tôn trọng lời hứa, nên khuyến khích chứ không nên ngăn cản bạn cô xuất gia tu học.

Từ đó, Thiện-Huệ theo Phật Nhiên-Đăng học đạo, về sau thọ Bồ-tát giới và tỷ-kheo giới. Thiện-Huệ cố gắng tinh-tấn tu hạnh Bồ-tát. Một hôm đức Phật Nhiên-Đăng đi từ tinh xá Sudassana đến thành phố Ramma, giữa đường gặp chỗ đất lầy, Bồ-tát Thiện-Huệ liền cởi áo đương mặc mà trải lên chỗ dơ ướt, nhưng còn hệt một chút không biết làm sao, ông bèn xả tóc lột thêm cho Phật đi qua khỏi lấm chân. Nhận thấy Bồ-tát Thiện-Huệ sẽ thực hành đầy đủ 10 thánh hạnh nên đức Phật thọ-ký cho ông sẽ thành Phật hiệu là Thích-Ca Mâu-Ni trong đời Hiền-kiếp.

**Bài học:** Đây là một tiền thân của Đức Phật Thích Ca. Nhờ cúng dường hoa lên Phật Nhiên Đăng, mà ngài được theo Phật học đạo và được thọ ký sẽ thành Phật Thích Ca trong tương lai. Câu chuyện cũng cho thấy nhân duyên xưa của Đức Phật và Da Du Đà La (cô gái cầm hoa sen ở trên).



## Bồ-tát Hộ-Minh

Đến lúc Phật Ca-Diếp ra đời, nhằm Hiền-kiếp thứ chín, Bồ-tát Thiện-Huệ tái sinh làm thái tử Hộ Minh, chuyên thực hành hạnh bố thí từ lúc ấu thơ; khi lớn lên làm vua, rồi xuất gia theo Phật Ca-Diếp và trở thành Bồ-tát Hộ Minh. Nhờ công hạnh đầy đủ nên khi lâm chung Bồ-tát Hộ Minh được sanh về cõi trời Đâu-Suất làm Bồ-tát bồ-xử, lãnh đạo chư Thiên cõi này và diễn thuyết pháp mầu cho Thiên chúng nghe. Ngài ở Đâu-Suất bốn ngàn năm, dùng pháp tướng để giáo-hóa chúng sinh. Một hôm ngài nhìn xuống thế-gian thấy chúng sinh phần nhiều chỉ đua nhau tạo ác, chìm đắm trong tà-kiến, không biết tin nhân quả tội phước, sống đau khổ về thể-xác lẫn tinh-thần, chết bị đọa trong ba đường ác. Ngài phát tâm từ-bi, nguyện giáng thế để giáo-hóa chúng sinh, mang đến ánh sáng chân-lý để cứu chúng sinh thoát khỏi sanh già bệnh chết, chúng được đạo quả niết-bàn, an lạc thanh tịnh.

Ngay lúc đó toàn thân ngài phóng đại-quang-minh, đại địa mười tám tướng động, ma cung ả náu, mặt trời mặt trăng hết tinh quang, chấn động tất cả trời rồng tám bộ. Ngài liền quan sát năm việc dưới đây:

1- Quan sát thời kỳ, ngài thấy tuổi thọ con người lúc bấy giờ khoảng 100 năm, rất thuận lợi; vì với thọ mạng quá dài con người không ý thức được thế nào là già chết, với thọ mạng quá ngắn thì không có đủ thời gian tu tập.

2- Quan sát lục địa, ngài chọn bán đảo Ấn-độ vì lúc bấy giờ ngôn ngữ và tư tưởng triết học nơi đây được phát triển hơn hết.

3- Quan sát quốc độ, ngài chọn Vùng Trung Ấn, (thung lũng sông Hằng) vì nơi đây có nhiều nhà hiền triết và minh quân xuất hiện.

4- Quan sát chủng tộc, ngài chọn dòng dõi Thích-Ca với vua Tịnh Phạn là người có tâm đạo nhất. Theo kinh Lalitavistara thì dòng họ này có 64 đức tính cần thiết.

5- Quan sát người có đủ đức tính làm mẹ vị Phật tương lai, ngài chọn hoàng hậu Maha-Maya; biết rằng bà chỉ còn sống thêm 10 tháng 7 ngày nữa. Theo kinh Lalitavistara thì bà Maha-Maya có 32 đức tính cần thiết.

Khi thấy cơ duyên đã đến, Bồ-tát Hộ-Minh bèn phó chúc ngôi vị lãnh đạo chư Thiên lại cho ngài Di-Lặc làm Bồ-tát bổ xứ, rồi từ cung trời Đâu-Suất giáng trần, thị hiện nhập thai tại thành Ca Tỳ La Vệ, gần chân núi Himalaya, thuộc vùng biên giới đông bắc nước Ấn-độ và Nepal ngày nay, làm con trai của vua Tịnh-Phạn, và hoàng hậu Maha-Maya. Hoàng tộc xứ này đều thuộc dòng dõi Thích-Ca.

**Bài học:** Đây là tiền thân gần nhất của Đức Phật Thích Ca. Qua đây ta biết được lý do ngài chọn Ấn Độ, và dòng họ Thích ca để đản sinh. Cần nhớ rằng, tất cả các đức Phật ra đời đều vì nhân duyên lớn, đó là : « khai thị chúng sinh ngộ, nhập Phật tri kiến » (giúp cho chúng sanh thấy và thể nhập với sự hiểu biết của chư Phật).



## Người Đạo sĩ chí hiếu

Ngày xưa có một vị Đạo Sĩ tên là Quang Thiễm, nhà nghèo, cha mẹ bị mù. Đạo Sĩ luôn hầu hạ cha mẹ suốt ngày đêm. Nhận thấy người đời ham danh trục lợi, không chịu làm lành, tránh dữ cho nên Đạo Sĩ đem cha mẹ vào rừng, dựng một căn chòi nhỏ để phụng dưỡng cha mẹ và lo tu học. Quang Thiễm không bao giờ sát hại súc vật, hằng ngày vào rừng kiếm trái cây, rau cải về nuôi cha mẹ.

Gần chỗ Đạo Sĩ ở, có một con suối nước mát trong vắt, cây cối chung quanh um tùm, có nhiều trái cây thơm ngon. Một buổi trưa mùa hè, Quang Thiễm đến suối hái quả và lấy nước về cho cha mẹ dùng, gặp lúc vua Ca Di vào rừng săn bắn ở gần đó. Nghe tiếng sột soạt bên bờ suối, nhà vua tưởng là hươu nai nên giương cung bắn. Mũi tên cắm phập vào hông Quang Thiễm, chàng té nhào xuống dòng suối bất tỉnh.

Nhà vua và quân lính chạy lại, thấy Quang Thiễm bị thương, mọi người tìm cách cứu, khi hồi tỉnh Đạo Sĩ biết mình bị bắn và khó có thể thoát chết nên than rằng:

- Các ngài ơi, thân tôi dù có chết cũng đành cam chịu. Ngặt vì tôi còn cha mẹ mù lòa không ai nuôi dưỡng, chắc phải chết đói. Kính lạy Phật Trời xin hiểu thấu cho con nông nổi này và cứu độ cho cha mẹ con được nhiều may mắn. Dứt lời chàng tắt thở.

Vua Ca Di nghe xong liền sa nước mắt và than thở:

- Ôi, ta thật là một kẻ bất nhân, chỉ vì ham giết hại thú vật để vui chơi và ăn cho ngon miệng mà bắn làm một người đại hiếu như thế này!

Nhà vua tìm đến nơi cha mẹ của Quang Thiêm ở để đem về săn sóc nuôi dưỡng. Cha mẹ Quang Thiêm khi nghe tin con chết liền kêu gào thảm thiết. Cả hai lần mò đến xác con. Thảm thay ông rờ mặt mày, bà vuốt ve tay chân rồi cả hai nguyện nhịn đói để chết theo đứa con hiếu thảo.

Cảm động trước cảnh ấy nên một vị thần hiện xuống cứu cho Quang Thiêm sống lại. Cha mẹ và con mừng rỡ vô cùng rồi quỳ lạy tạ ơn vị thần cứu mạng. Sau đó chàng dìu cha mẹ trở về chòi cũ.

Đứng trước lòng hiếu thảo của Quang Thiêm, tình cốt nhục đậm đà của cha mẹ mến thương con và sự linh ứng của vị thần cứu mạng, vua Ca Di hồi tâm, sám hối từ đó về sau không săn bắn nữa và chuyên lo làm điều lành. Đạo sĩ Quang Thiêm là tiền thân của đức Phật Thích Ca, cha mẹ Đạo sĩ là tiền thân vua Tịnh Phạn và Hoàng Hậu Ma Gia. Vua Ca Di là tiền thân của ngài A Nan.

**Bài học:** Hiếu là một trong những đức tính quan trọng hàng đầu của người Phật tử. Đạo Phật rất nhấn mạnh chữ Hiếu, và nhiều lần Phật cũng khen ngợi tấm gương hiếu thảo. Vì vậy, đôi khi đạo Phật còn được gọi là đạo Hiếu. Ở đây, tấm lòng hiếu thảo của đạo sĩ Quang Thiêm đã làm cảm động đến quỷ thần, giúp chàng sống lại, để tiếp tục phụng dưỡng cha mẹ. Câu chuyện cũng nhắc chúng ta tránh sát sanh, không nên vì thú vui săn bắn mà giết hại muôn thú và gây ra nhiều đau khổ.



## Hai nhà vua hiền đức

Một hôm đức Phật Thích Ca đang ở trong vườn Trúc-Lâm thuộc thành Vương-Xá, giải đáp những điều thắc mắc cho các đệ tử, thì bất ngờ vua nước Câu-Tát-La đến xin được ra mắt hầu thăm Phật. Vừa trông thấy Phật, vua Câu-Tát-La thành kính cúi đầu đánh lễ sát chân Phật. Đánh lễ xong, vua Câu-Tát-La ngồi qua một bên. Đức Phật hướng về nhà vua ôn tồn hỏi: "Bệ hạ có việc chi mà ngự giá đến đây một cách bất thường như thế này?"

Nhà vua đáp: "Bạch đức Thế-Tôn! Vừa rồi con phê một vụ án khó xử, phải vận dụng nhiều tâm trí, phí nhiều thì giờ mà lòng vẫn thấy chưa được an ổn trọn vẹn".

Đức Phật nói: "Hay thay! Hay thay! Thưa Bệ-hạ, trị nước an dân nên bằng vào sự công bằng đạo đức mà phê xử. Ấy là con đường thánh thiện trị quốc của bậc minh quân. Như-Lai tin Bệ-hạ thấm nhuần giáo pháp từ bi hỷ xả trí tuệ của Như-Lai, chắc thiên hạ đều được an cư lạc nghiệp".

Đức Phật lại tiếp: "Có những nhà vua thời xưa không gặp được Phật chỉ nghiên đọc sách vở của các bậc hiền triết mà khéo tu tâm trị quốc, thế mà cũng đã tránh được việc ác, hiện đời quốc gia được thanh bình thịnh trị, khi mạng chung, những nhà vua đó được sanh về cõi trời hưởng phước báu đời đời".

Vua Câu-Tát-La nghe Phật nói thế xong, liền thưa:

"Bạch đức Thế-Tôn! Xin ngài thương xót kể cho con được biết một vài vị vua nào ở thời quá khứ,

hành xử đạo đức chánh trực, tiêu biểu để cho con học hỏi theo".

Đức Phật nói: "Tốt lắm! Thưa Bệ-hạ! Thuở xưa có một vị vua, kinh đô ở thành Ba-La-Nại, sanh được một thái tử thông minh tuấn tú, tài đức song toàn, nên hoàng thân quốc thích, dân chúng lớn nhỏ đều quý mến. Thái tử tuổi vừa mười sáu, thì vua cha băng hà, và được triều thần suy tôn lên ngôi kế vị, lấy vương hiệu là Phạm-Đa-Ta. Vua Phạm-Đa-Ta đạo đức công bình, tánh tình thuần hậu trung trực hơn cả vua cha. Nhờ vậy mà tiếng thơm đồn xa, thiên hạ trong nước không có tiếng kêu ca oán, khắp nơi dân chúng an cư lạc nghiệp. Những vụ kiện tụng trong nhân gian gần như không còn. Vua Phạm-Đa-Ta thấy dân chúng sống thanh bình, đất nước thịnh trị, nên lại càng tự xét mình về đường tu tâm dưỡng tánh, hành xử chánh pháp. Nhà vua ấy tự nghĩ rằng, chắc ta không thể nào thấy hết lỗi lầm của ta. Vậy ta nên nhờ mọi người khác soi sáng nhắc chỉ dùm ta, như thế, họa hoạn mới có thể thấy được lỗi lầm của mình, và như thế ta mới thật sự tiến bộ trên bước đường thánh thiện an dân trị quốc.

Nghĩ vậy rồi, nhà vua liền cho truyền rao khắp từ trong thành thị cho đến ngoài thôn quê: "Ai biết được lỗi lầm của đức vua nêu ra, thì sẽ được trọng thưởng. Ai có những oan ức nên trình bày ra, thì sẽ được bảo đảm công minh xét xử".

Trải suốt hơn một năm trời, lời truyền rao ấy lan khắp mọi nơi trong dân gian. Nhưng nhà vua chỉ tiếp nhận được những lời khen ngợi, mà không có một lời chê trách nào. Nhà vua tự nghĩ rằng, có lẽ vì ta ở ngôi vị đế vương đầy quyền uy tuyệt đỉnh thiên



hạ, nên chẳng ai dám mở miệng ra phê phán lỗi lầm của ta chăng? Nghĩ vậy rồi, nhà vua liền bí mật gọi quan tể tướng đầu triều thay thế nhà vua xử lý việc triều chính. Nhà vua lại bảo quan hầu cận đổi y phục thường dân cũng như ngài. Rồi ngài cùng với quan cận thân lặng lẽ lên ngựa ra khỏi hoàng thành. Suốt tám tháng trời, nhà vua giả dạng thường dân đi khắp miền quê đô thị hỏi về đời sống của dân chúng, hỏi về cung cách của nhà vua trị nước. Đến đâu ai nấy cũng đều hết lời khen ngợi vua của họ là bậc minh quân hiền đức.

Lúc bấy giờ có vị vua nước láng giềng tên là Ma-Ly-Ca được dân chúng từ trên đến dưới đều kính mến tài đức. Vua Ma-Ly-Ca cũng biết tu tâm dưỡng tánh, thi hành chánh sự công minh cũng đã từng giả dạng thường dân đi khắp trong nước để hỏi thăm về đời sống dân tình, dò xem dân chúng đối với mình như thế nào.

Vào một dịp đi dự hội quốc vương ở nước lân bang, giữa đường, xe vua Ma-Ly-Ca gặp xe vua Phạm-Đa-Ta. Quan đánh xe của vua Ma-Ly-Ca bảo vị quan đánh xe của vua Phạm-Đa-Ta rằng:

- "Anh tránh xe ra một bên, để cho xe đức vua Ma-Ly-Ca của ta đi trước".

Vị quan đánh xe cho vua Phạm-Đa-Ta cũng nói: "Anh nên tránh xe anh ra, để cho xe đức vua Phạm-Đa-Ta của ta đi trước mới phải".

- "Nhà ngươi nên biết đây là xe của đức vua Ma-Ly-Ca, ngài là bậc vua hiền đức được toàn dân cả nước Kosala ca tụng".

Người đánh xe của vua Phạm-Đa-Ta nghĩ bụng rằng: "Bên kia xe cũng đường đường là một nhà

vua, thì biết phải làm sao để họ nhường cho xe của vua ta đi trước bây giờ?"

Đang lúc suy tư tự tìm lời thuyết phục đối phương, thì như nghĩ ra một điều gì kỳ diệu, ông tự nói: "Ờ! Ta có cách!"

Rồi xoay hỏi người đánh xe hầu vua Ma-Ly-Ca kia: "Vậy tuổi tác đức vua của nhà ngươi là bao nhiêu?"

- Đáp rằng: "Vua Ma-Ly-Ca của ta bằng tuổi vua Phạm-Đa-ta của ngươi".

Khi hỏi đến diện tích đất nước, dân số, quân lính, hoàng thân quốc thích, quần thần thì được quan hầu kia cho biết thế lực của quốc vương Ma-Ly-Ca không kém gì thế lực của vua Phạm-Đa-Ta. Người đánh xe của vua Phạm-Đa-Ta. Người đánh xe của vua Phạm-Đa-Ta lại nghĩ rằng, thế lực hai nước đã bằng nhau, bây giờ chỉ còn có cách sánh về đạo đức thử xem ai hơn ai, nên liền hỏi:

"Vua của nhà ngươi đức hạnh như thế nào? Lấy gì làm vinh quang?"

Để trả lời, người đánh xe của vua Ma-Ly-Ca ngâm lớn rằng:

« Với người thế lực hùng cường,  
Vua tôi quyết thắng chẳng nhường cho ai,  
Gặp người thanh nhã văn tài,  
Vua tôi khuyến lệ những bài ái êm,  
Với người đôn hậu thanh liêm,  
Vua tôi quý mến lòng thêm kính nhường  
Gặp kẻ hung ác đứng đường,  
Ngài quyết trừng trị không đường thoát thân. »

Đọc xong bài thơ, người đánh xe cho vua Ma-Ly-Ca hỏi:

"Vây đức tánh của vua nhà ngươi như thế nào, sao không nói ra, để chúng ta cùng quyết định ai nên tránh đường nhường xe cho đức vua của ai đánh được đi trước. Còn đức tánh của vua Ma-Ly-Ca ta thì đã rõ ràng như thế rồi đó".

Vị quan đánh xe cho vua Phạm-Đa-Ta ôn tồn đáp:

« Vua tôi hiền đức ôn hòa,  
Anh minh từ thiện nhà nhà an vui,  
Kẻ hung, người ác, hận đời,  
Vua tôi độ lượng dùng lời nhủ khuyên,  
Khấp trong thiên hạ lạnh hiền,  
Bỏ lòng bợn xẻn, tinh chuyên tu hành,  
Vua tôi dân chúng tín thành,  
Nói lời chân thật, giữ mình tu tâm,  
Việc lành nào chẳng không làm,  
Việc ác nào chẳng lưu tâm tránh chừa,  
Đức vua tâm hạnh đại thừa,  
Nhân dân trên dưới hưởng mưa phước lành. »

Ngồi trong xe, nghe rõ lời đối đáp, thấy rõ cung cách của vua tôi Phạm-Đa-Ta đã hơn hẳn mình, nên vua Ma-Ly-Ca liền bước xuống xe ra lệnh cho quan hầu kéo xe mình qua một bên để nhường lối cho vua Phạm-Đa-Ta đi trước.

Nhân đây vua Phạm-Đa-Ta dùng đạo lý khuyến hóa vua Ma-Ly-Ca. Những lời khuyến hóa đầy đạo lý của vua Phạm-Đa-Ta như những giọt nước mát chảy sâu vào tim phổi vua Ma-Ly-Ca. Thế rồi, cả hai nhà vua sau khi chia tay từ biệt ai về nước nấy, mỗi người đều lấy đạo đức trị dân, còn chính bản thân mình thì ngày đêm ngoài việc quốc sự ra cũng hết sức chuyên cần tinh tấn tu tâm dưỡng tánh hành thiện bố thí không một chút giải đãi. Cả hai nhà vua ấy khi mạng chung đều sanh lên cõi trời hưởng

phước báu và tiếp tục tu hành không đời kiếp nào gián đoạn.

Nói xong, đức Phật khai thị cho vua nước Câu-Tát-La biết rằng: Người đánh xe cho vua Ma-Ly-Ca trong kiếp quá khứ đó, chính là tiền thân của Mục-Kiền-Liên ngày nay. Còn vua Ma-Ly-Ca của kiếp quá khứ xa xưa kia, chính là A-Nan. Người đánh xe cho vua Phạm-Đa-Ta thuở xưa, chính là tiền thân của Xá-Lợi-Phất. Còn vua Phạm-Đa-Ta trong quá khứ đó, chính là tiền thân của Như-Lai ta đây vậy.

**Bài học:** Làm vua hay nhà lãnh đạo cần phải giữ đức hạnh, bởi đó là nhân cho các hành động phước thiện, lợi lạc chúng sanh, và mang lại an vui cho dân chúng. Khi hai nhà vua so sánh với nhau, thì binh lực, đất đai, tài nguyên... đều ngang nhau, nhưng đức hạnh chính là yếu tố quan trọng giúp vua Phạm-đạ-ta chiến thắng, bởi nó giúp cho vua trị vì lâu dài, và tạo ra phước báu vô lượng về sau. Câu chuyện nhắc chúng ta đến câu nói của vua A Dục là “chiến thắng vạn quân không bằng chiến thắng chính mình”. Người có đạo đức là người đã chiến thắng chính mình, nên là người mạnh nhất.



## Kẻ ngu hay cãi

Một thuở nọ, đức Phật đang ở trong vườn Kỳ-Thọ Cấp-Cô-Độc, thành Xá-Vệ, giảng pháp cho đồ đệ nghe. Thính chúng trong pháp hội này gồm hàng tại gia, xuất gia đủ cả tứ chúng, và vua quan, đại thần, tể tướng, bá quan, vạn dân, hơn tám vạn người.

Gần đến giờ ngọ, các thầy tỷ-kheo phân thành từng đoàn bung bình bát vào thành Xá-Vệ khát thực. Trên đường đi vào thành, trời còn sớm, chưa đến giờ ngọ, các thầy tỷ-kheo mới bàn với nhau rằng: "Trời hãy còn sớm, nếu chúng ta vào thành khát thực e rằng các tín chủ chưa chuẩn bị kịp thức ăn cúng dường. Tốt hơn, để tránh sự phiền lòng vợi vã của người tín chủ có thể khởi tâm không được hoan hỷ trọn vẹn, thì chi bằng chúng ta cùng nhau tạm thời đi vào giáo đường của đạo Bà-la-môn nghỉ chân một lát, đồng thời cũng để nghe họ giảng đạo ra sao, rồi sau đó đi vào thành khát thực thì có lẽ hợp thời hơn".

Nghe vậy, đa số đều đồng ý kéo nhau vào giáo đường Bà-la-môn. Các thầy tỷ-kheo lễ phép chào hỏi xong, mỗi người kiếm chỗ ngồi nghe theo các đạo trưởng Bà-la-môn và đồ chúng của họ luận đạo. Các thầy Bà-la-môn bàn cãi đạo lý với nhau, ai cũng tranh phần đúng, ai cũng nói mình có lý, ai cũng nói ý kiến của mình là hợp với chân lý hơn, đáng để thực hành. Các thầy Bà-la-môn luận cãi nhau mỗi lúc một sôi nổi không còn giữ được thái độ bình tĩnh nữa, đưa đến những lời thề thốt văng tục, và tiếp theo đó là chân tay gây gộc, cuối cùng trận đấu khẩu luận đạo của họ biến thành trận ẩu đả hỗn loạn.

Các thầy tỳ-kheo thấy vậy cùng nhau đứng dậy lặng lẽ bỏ đi để vào thành khát thực. Đến giờ Ngọ, các thầy tỳ-kheo đều trở về tịnh xá thọ trai.

Sau khi thọ trai xong, tăng chúng vây quanh Phật và đem những việc đã nghe thấy ở giáo đường Bà-la-môn vừa rồi, bạch lên đức Phật: "Bạch đức Thế-Tôn! Những người đạo Bà-la-môn họ vì tìm chân lý mà biện luận tranh cãi nặng lời, đến nỗi dùng tới dao gậy đả thương nhau. Như thế thì chừng nào họ mới đạt được chân lý? Cúi xin đức Thế-Tôn từ bi chỉ dạy để cho chúng con được rõ".

Đức Phật mỉm cười hiền hòa đáp: "Này các con! Tất cả đều do si mê mà ra. Không phải các người Bà-la-môn kia chỉ ngu dốt sâu hận ở một đời này đâu! Mà ta nhớ từ thuở quá khứ xa xưa, trong một kiếp nọ, cũng ở cõi Ta-bà này, có một nhà vua sùng tín đạo Phật. Ngày ngày ngoài việc triều chính ra, nhà vua còn chuyên cần nghiên cứu thông hiểu nghĩa lý kinh Phật, thực hành lời Phật dạy. Trái lại đình thần dân chúng trong nước không nhiệt tâm hâm mộ Phật Pháp, không thông hiểu đạo lý của chư Phật. Xem một vài trang kinh sách Phật, rồi họ tưởng là đủ thông hiểu lời chư Phật dạy. Họ tỏ ra khinh mạn tự cao tự mãn. Vì vậy, tâm trí hiểu biết của họ đối với giáo nghĩa của chư Phật chẳng khác nào như bọt nước trong biển cả, như ngôi sao đối với ánh trăng, như miệng chum đối với quảng trời bao la cao rộng, như ếch ngồi đáy giếng, như hồ ao nhỏ bé đối với đại dương. Lại có lắm kẻ còn tin theo giáo thuyết tà ma ngoại đạo. Để cho quần thần dân chúng tỉnh ngộ, hâm mộ nghiên cứu giáo lý Phật-Đà, nhà vua truyền lệnh tìm hết những người mù trong nước từ thuở còn lọt lòng, tập trung lại tại một nơi trong hoàng cung.

Sau hơn ba tháng trời, những người mù khắp nơi trong nước, được đưa về triều. Nhà vua lại truyền lệnh các quan trong triều và dân chúng cả nước phải tụ tập ở quảng trường trước cửa Ngọ môn hoàng thành để chứng kiến cảnh thí nghiệm hy hữu. Đồng thời nhà vua cũng ra lệnh cho quan quản tượng dắt voi ra để cho những người mù sờ và cho họ tự do phát biểu ý kiến theo sự hiểu biết của họ. Còn nhà vua thì đích thân chủ tọa cuộc thí nghiệm này.

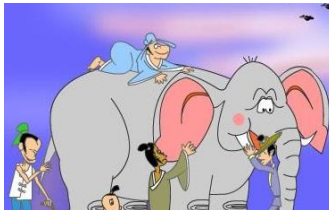
Những người mù được dắt đến vây quanh, để họ tùy thích sờ mó voi một hồi lâu, rồi xem họ phát biểu sự hiểu biết của mình. Người sờ trụng chân voi, thì nói voi giống như cái cột nhà. Kẻ sờ trụng vành lỗ tai, thì nói voi như cái quạt. Người sờ trụng đuôi, thì nói voi giống như cái chổi. Kẻ sờ trụng bụng voi, thì nói voi giống như trống châu. Kẻ sờ trụng hông voi, thì nói voi giống như bức tường. Người sờ trụng lưng voi, thì nói voi như mặt bàn. Kẻ sờ trụng ngà voi, thì nói voi giống như cái kèn. Rồi cả bọn họ cãi nhau ồn ào để tranh phần đúng về mình. Thấy bọn mù tranh cãi về sự hiểu biết của mình đối với voi, mỗi lúc một ồn náo. Không ai chịu thua ai, họ quờ quạng muốn đánh nhau. Thấy cảnh tượng như vậy, không nén được lòng, nhà vua bật cười to ha hả và phán với thần dân rằng: "Các quan văn võ triều thần và dân chúng cả nước đối với Phật Pháp hiểu biết chẳng khác nào như những kẻ mù kia hiểu biết về con voi". Rồi nhà vua ngâm lớn kệ rằng:

*Thần dân cả nước khác chi mù  
Phật Pháp hiển bày cứ vẫn ngu  
Chẳng hiểu, chẳng tin, chẳng nghiên cứu  
Ngông nghênh khoe mép, tướng đặc thù.*

Ngâm xong bài kệ, nhà vua hướng về thần dân giảng nói lớn rằng: "Ồ đời có những kẻ chỉ mới học năm ba quyển sách, hiểu biết nông cạn như vài bụn cát trong bãi biển mà cứ tưởng mình thâm hiểu kinh điển diệu lý cao siêu, rồi vênh váo tự đắc, khua môi múa mép, tự cho ta đây là hơn cả. Những kẻ đó chẳng khác nào những kẻ mù sờ voi kia vậy".

Đức Phật thuật câu chuyện xong, Ngài hướng về đại chúng mà nói rằng: "Những người Bà-la-môn tranh cãi trong giáo đường mà các con vừa thấy đó, tiền kiếp của họ chính là bọn người mù sờ voi ở thời quá khứ. Họ ngu dốt không chịu tìm minh sư học đạo, không chịu thân gần thiện-tri-thức để học hỏi kinh điển, nghiên tầm nghĩa lý, chuyên tâm tu niệm, mà cứ tranh cãi hơn thua, nên mãi đắm chìm trong ngu dốt. Còn vị vua ở thời quá khứ đó, chính là tiên thân của Như-Lai ta đây vậy".

**Bài học:** Trong cuộc sống, cần biết tu tập để phát triển trí tuệ, nhìn được sự thật. Người tu cần tránh cố chấp vào cái biết của mình, mà cần khiêm tốn, biết lắng nghe, để học hỏi. Câu chuyện người mù sờ voi là một bài học rất hay, giúp ta tránh rơi vào tranh cãi, hý luận vô ích, dựa trên sự hiểu biết hạn hẹp, và sự cố chấp của mình. Nếu những người mù dùng tranh cãi, biết cùng nhau thảo luận, chia sẻ cái biết của mình, thì họ sẽ khám phá ra con voi thực sự rất khác với những gì họ đang nghĩ.





## Quốc vương Hữu Đức

Trong thời quá khứ vô lượng kiếp xa xưa, có đấng Phật ra đời hiệu là Hoan-Hỷ Tăng-Ích Như-Lai. Lúc bấy giờ đất nước thái bình thịnh trị, dân chúng ấm no hạnh phúc an vui vô cùng, chẳng khác hạnh phúc của chư Bồ-Tát cõi nước Cực-Lạc. Đấng Phật Hoan-Hỷ Tăng-Ích trụ ở đời rất lâu, đến khi cơ duyên độ sanh viên mãn, Ngài nhập Niết-bàn ở thành Câu-Thi-Na, rừng Ta-La Song-Thọ. Sau khi Phật Tăng-Ích nhập Niết-bàn, chánh pháp còn ở đời rất lâu đến vô lượng ức năm.

Vào lúc chánh pháp chỉ còn 40 năm cuối, bấy giờ có vị tỳ-kheo tên là Giác-Đức trì giới thanh tịnh, đồ chúng dự nghe đông đảo. Tỳ-kheo Giác-Đức khuyên cấm các tỳ-kheo không được chứa nuôi tôi tớ, trâu bò, heo dê cùng những vật phi pháp. Điều này khiến cho các tỳ-kheo phá giới oán ghét tìm cách phá phách hãm hại tỳ-kheo Giác-Đức. Lúc bấy giờ Quốc-vương Hữu-Đức biết được sự việc như vậy. Vì lòng hộ trì chánh pháp, nên nhà vua đem quân lính đến bảo vệ tỳ-kheo Giác-Đức an toàn thoát khỏi nạn.

Bọn tỳ-kheo phá giới kia tức giận gây chiến với nhà vua, làm cho nhà vua bị thương nặng. Thấy cảnh đau lòng, tỳ-kheo Giác-Đức an ủi nhà vua rồi khen: "Lành thay! Lành thay! Vua vì hộ trì chánh pháp mà không tiếc thân mạng. Đời sau thân vua sẽ là vô lượng pháp khí". Nghe xong lời tán thán ấy, nhà vua hoan hỷ thân tâm nhẹ nhàng, rồi tắt thở, thần thức sanh về cõi Phật A-Súc làm đệ tử thứ nhất của Phật này.

Quân lính theo vua chiến đấu với bọn ác tăng và những người tùy hỷ khen ngợi tinh thần vị pháp vong thân của nhà vua đều được tâm Bồ-đề bất thối chuyển, sau khi chết đều được sanh về cõi Phật A-Súc. Còn tỳ-kheo Giác-Đức sau khi mạng chung cũng được sanh về cõi Phật A-Súc làm đệ tử thứ hai trong chúng Thanh-văn của đức Phật này".

Khi thuật câu chuyện trên đây xong, đức Thích-Ca Như-Lai gọi ngài Ca-Diếp nói: "Này Ca-Diếp! Vị Quốc-vương Hữu-Đức kia chính là tiền thân của ta. Còn tỳ-kheo Giác-Đức chính là tiền thân của Ca-Diếp đó vậy.

**Bài học:** Ở thời mạt pháp, nơi mà ma chướng nhiều hơn thuận duyên, người tu cần nỗ lực tinh tấn trong việc tu tập đạo pháp và bảo vệ chánh pháp. Trong câu chuyện này, nhà vua Hữu Đức vì hộ pháp mà phải mất mạng, nhưng đó là cái chết đẹp, mang lại sự tái sanh ở cảnh giới tốt lành. Tỳ kheo Giác Đức là biểu tượng đáng khen ngợi cho người tu hành, vì đã khéo léo hộ trì, giữ gìn chánh pháp cho đời sau. Chúng ta đang sống trong thời mạt pháp, cần nỗ lực tu tập, vượt qua chướng duyên, để có thể hoàng pháp, lợi sanh và tránh những ma lực, chướng ngại của thời đại.



## Bà la môn Darimukha

Một thuở nọ, vua Magadha trị vì tại thành Vương Xá. Bồ-tát được sinh làm con của chánh hậu, được đặt tên là vương tử Brahmadata. Vào ngày ngài ra đời, vị tế sư của hoàng gia cũng sinh một nam tử, diện mạo tuấn tú, vì thế được đặt tên là Darimukha. Cả hai cùng lớn lên trong cung đình và trở thành bạn thân. Năm mười sáu tuổi, hai vị đến Takkasila học đủ mọi môn nghệ thuật. Sau đó muốn ứng dụng các kiến thức vào thực tiễn và tìm hiểu phong tục trong nước, hai vị du hành qua nhiều thành phố, thôn làng khắp mọi miền.

Vì vậy, hai vị đến Ba-la-nại trú ở trong một ngôi đền và hôm sau vào kinh thành khát thực. Có một nhà trong kinh thành đã nấu xong cháo gạo và chuẩn bị chỗ ngồi để cúng dường phần thức ăn cho các Bà-la-môn. Khi họ thấy hai nam tử này khát thực, họ nghĩ: "Các Bà-la-môn đã đến", liền mời vào và trải một tấm khăn trắng trên ghế của Brahmadata (theo phong tục Ấn Độ, điều này báo hiệu Brahmadata sẽ làm vua) và một thảm đỏ dưới chân Darimukkha.

Thời ấy, vua Ba-la-nại đã băng hà đã bảy ngày. Vị tế sư hoàng gia làm lễ hỏa táng xong liền đưa vương xa ra khỏi thành suốt bảy ngày vì chưa có ai kế vị ngai vàng. Vương xa được bốn đạo quân xa pháo mã tượng hộ tống và âm nhạc của hàng trăm nhạc khí trời dậy vang lòng rời kinh thành và đến cổng ngự viên, nơi hai vị đang trú.

Darimukha nghe tiếng nhạc, nghĩ thầm: "Vương xa đến rước thân hữu ta đó, ngài sẽ lên ngôi vua hôm nay, và phong ta chức đại tướng, song ta có nên làm người thế tục chăng? Ta muốn đi ngay làm ần sĩ

khô hạnh". Vì thế không nói gì với Brahmadata, chàng chạy sang một bên đứng ẩn mình.

Vị tế sư ngừng xe trước cổng ngự viên, vừa bước vào thấy Brahmadata đang nằm trên bảo tọa của hoàng gia. Vừa quan sát các tướng tốt trên chân ngài, ông nghĩ: "Ngài có đủ đức độ và xứng đáng làm vua cả bốn đại châu cùng với hai ngàn hải đảo vây quanh. Song lòng can đảm của ngài ra sao đây?". Vì thế ông ra lệnh mọi nhạc khí đồng trời dậy hết sức inh ỏi. Brahmadata thức dậy, giơ tấm khăn ra và thấy đám đông. Rồi che mặt lại, ngài nằm xuống thêm chút nữa, xong trở dậy ngồi xếp bằng trên sàng tọa trong lúc xe vừa dừng lại.

Vị tế sư quỳ xuống, thưa:

- Tâu Chúa thượng, quốc độ được nhường cho Chúa thượng.
- Sao? Vua Ba la nại không có ai kế vị à?
- Tâu Chúa thượng, không.
- Thế thì tốt lắm.

Vậy là ngài nhận lời thỉnh cầu và hội chúng làm lễ quán đánh rảy nước thánh lên đầu ngài tại ngự viên. Trong giờ phút đại vinh quang ấy, ngài quên bằng Darimukha, ngài ngự lên vương xa đi giữa đám quần thần uy nghi diễu vòng quanh kinh thành. Sau đó dừng lại trước cung môn, ngài chỉ định vị trí của các triều thần, xong bước lên lầu thượng.

Cùng lúc ấy, Darimukha thấy ngự viên đã vắng người liền bước ra ngồi trên bảo tọa trong vườn. Một ngọn lá khô rơi xuống trước mặt ngài. Thấy rõ các quy luật lão tử, ngài bừng ngộ Tam pháp ấn (Khổ, Vô thường, Vô ngã) và chứng đắc quả vị Độc

Giác Phật, liền reo mừng hoan hỷ làm vang dậy cả cõi trần. Ngay lập tức các đặc tính của một phàm nhân biến mất khỏi thân Ngài, một bình bát và một tấm y kỳ diệu từ cõi thiên rơi xuống khoác vào người và Ngài có đủ tám món cần thiết cùng tứ oai nghi hoàn thiện của một Sa-môn cả trăm tuổi. Rồi nhờ thần lực, Ngài bay qua không gian đến tận động Nandamùla, nơi an trú của các vị Độc Giác Phật tại miền Tuyết Sơn.

Phần Brahmadata trị nước rất chân chánh. Song cảnh đại vinh quang đã làm ngài say đắm suốt bốn mươi năm ròng. Ngài quên hẳn Darimukha. Đến năm thứ bốn mươi ấy ngài nhớ lại bạn và tự bảo: "Trẫm có thân hữu tên là Darimukha, nay vị ấy ở đâu?". Ngài mong ước gặp lại bạn. Từ đó về sau, ngay trong hậu cung hay giữa quần thần, ngài thường bảo:

- Thân hữu Darimukha nay ở đâu? Trẫm sẽ ban vinh hoa phú quý cho ai báo tin với trẫm về nơi bạn hiện cư trú.

Lại mười năm nữa trôi qua từ khi ngài thỉnh thoảng nhớ đến bạn. Còn Tôn giả Darimukha đã trở thành Độc Giác Phật, sau năm mươi năm, suy xét lại và biết bạn cũng đang nhớ đến Ngài, liền nghĩ: "Nay bạn ta đã già và tăng thêm đàn con cháu, ta muốn đi thuyết Pháp và truyền giáo cho bạn".

Nhờ thần lực, Ngài bay qua không gian và hạ mình xuống vườn ngự uyển, ngồi xuống bảo tọa như một bức tượng vàng ròng. Người giữ vườn thấy Ngài, đi đến hỏi:

- Thưa Ngài, Ngài từ đâu đến?

- Từ động Nandamùlaka.

- Thế Ngài là ai?
- Hiền giả, ta là Phật Độc Giác Darimukha.
- Thưa Ngài, thế Ngài biết đức vua của chúng tôi chẳng?
- Ta biết. Ngài là thân hữu từ thời ta còn ở thế tục.
- Thưa Ngài, đức vua ước ao hội kiến Ngài, tôi xin đi trình báo đức vua rằng Ngài đã đến.

Người làm vườn liền đi trình vua rằng Tôn giả Darimukha đã đến và hiện đang ngồi trên thạch tọa. Vì vậy ngài ngự lên vương xa cùng đám tùy tùng hộ tống đông đảo đến ngự viên, cung kính đánh lễ vị Độc Giác Phật và ngồi xuống một bên. Vị Độc Giác Phật bảo:

- Nay Brahmadata, Đại vương nên trị nước chân chánh, đừng bao giờ theo ác đạo hay đàn áp dân chúng vì tiền bạc. Hãy làm mọi thiện sự với lòng nhân từ.

Và sau đó khi ân cần đáp lễ, Ngài bảo thêm:

- Nay Brahmadata, nay Đại vương đã già đã đến lúc Đại vương nên từ giả dục lạc và xuất gia.

Như thế, Ngài thuyết Pháp và ngâm vãn kệ đầu:

*Dục lạc chỉ là đám bùn dơ bẩn  
 "Nôi kinh hoàng ba góc" được gọi là,  
 Ta bảo rằng khỏi bụi với sương sa,  
 Hãy bỏ chúng, xuất gia là thế tục.*

Nghe vậy, vua ngâm vãn kệ giải thích ngài vẫn đang bị tham dục ràng buộc:

*Trẫm say đắm, lún sâu bùn tham dục,  
 Bà-la-môn, dục lạc đáng kinh thay,*

*Song yêu đời, trẫm không thể bỏ ngay,  
Trẫm xin nguyện suốt đời làm thiện sự.*

Sau đó, mặc dù Bồ-tát bảo: "Ta không muốn thọ giới xuất gia", Tôn giả Darimukha cũng không bài bác vua và khích lệ lần nữa:

*Ai bác bỏ lời bạn hiền khuyên nhủ,  
Thương xót và mong bạn tránh đọa đày,  
Cứ tưởng rằng: "Cõi thế tốt lành thay",  
Sẽ không dứt tái sinh đầu thai mãi.*

*Nơi đày đọa đáng kinh: phân kẻ ấy  
Đầy vật dơ, bị người thiện chê bai,  
Kẻ tham kia dục vọng chẳng hề rời,  
Thân xác chứa ngập đầy mầm nhục dục.*

Như vậy, Độc Giác Phật Darimukha nêu rõ sự khổ đau do nhập thai và vội vàng bày tỏ nỗi khổ đau vì sinh sản qua một vãn kệ nữa:

*Đầu máu mủ, vật hôi tanh thế tục,  
Mọi hữu tình đều phải chịu tái sinh,  
Những vật gì xúc chạm suốt đời mình,  
Chỉ cốt để đem khổ đau trần giới.  
Ta nói lên những điều ta trông thấy,  
Chứ không lo người khác nói ta nghe,  
Ta nhớ rành các đời kiếp xưa kia.*

Vị Độc Giác Phật bày tỏ mọi khổ đau của tham dục và làm vua hiểu lời Ngài dạy xong, liền nói:

- Thưa Đại vương, dù Đại vương có thọ giới xuất gia hay không, ta cũng đã nói hết nỗi khổ cùng của tham dục và hạnh phúc của đời xuất gia, xin Đại vương hãy tỉnh cần.

Rồi giống như một con kim nga vương, Ngài bay bổng lên không, lướt mây về đến động Nandamulaka. Còn bậc Đại Sĩ đánh lễ với mười ngón tay chắp vào nhau, và cúi đầu đứng yên cho tới khi Tôn giả Darimukha khuất bóng. Sau đó vua từ bỏ dục lạc, trong lúc quần chúng đông đảo than khóc kêu gào, ngài đi đến vùng Tuyết Sơn dựng một lều lá và thọ giới làm ẩn sĩ. Chẳng bao lâu ngài thành đạt các Thắng trí và các Thiền chứng, rồi lúc mạng chung, Ngài được sinh lên cõi Phạm thiên.

Khi Pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo Sư tuyên thuyết các Sự Thật, sau đó nhiều Tỷ-kheo đắc sơ quả cùng các quả vị kia, và Ngài nhận diện Tiền thân: thời ấy nhà vua chính là ta.

**Bài học:** Đây là một chuyện tiền thân của đức Phật, thở ấy ngài vì ham mê vinh hoa của một nhà vua, mà quên mất việc tu tập. Nhờ người bạn là Bà la môn Darimukha, đã tu tập đắc đạo nhắc nhở, mà ngài có nhân duyên để thoát khỏi ham mê vinh hoa, phú quý giả tạm, và trở về con đường tu tập, đạo đức, để đạt đến an lạc, giải thoát. Ở đời, mỗi người cần có duyên để có thể hạ quyết tâm tu tập, giải thoát. Trong chuyện này, bà la môn Darimukha nhờ nhân duyên chiếc lá rơi mà quyết tâm tu tập thành Độc giác Phật. Còn Bồ tát nhờ nhân duyên người bạn cũ nhắc nhở mà biết quay về với chánh pháp.





## Hai thiên nữ

Ngày xưa khi vua Brahmadata trị vì ở Ba-la-nại, Bồ-tát làm một thương nhân, bố thí, trì giới và toàn thể con cháu, gia nhân trong nhà cũng làm như vậy. Cho nên ngài được gọi là thương nhân Suciparivāra (Toàn gia Thanh tịnh). Ngài suy nghĩ: "Nếu có vị nào giữ đức giới thanh tịnh hơn ta đến đây, và ta mời vị ấy ngồi trên ghế của ta hay nằm trên giường của ta thì không thích hợp, mà ta phải mời ngồi trên bảo tọa thanh tịnh chưa ai dùng". Như thế ngài dặn gia nhân chuẩn bị một bảo tọa và một bảo sàng mới nguyên đặt vào một bên khách sảnh đặc biệt của ngài.

Vào thời ấy trên cõi trời Thiên vương có hai nàng tiên: Kàlakanni (Bất Hạnh), ái nữ của Virùpakkha (Quảng Mục Thiên vương) và Siri (Hạnh Phúc), ái nữ của Dhatarattha (Trì Quốc Thiên vương) cùng đem nhiều vòng hoa và hương liệu đi đến hồ Anotatta để vui chơi tại đó.

Bấy giờ tại hồ đó có nhiều chỗ tắm. Chư Phật có chỗ tắm riêng, các Độc Giác Phật có chỗ riêng, các Tỷ-kheo có chỗ riêng, các Thiên tử sáu tầng Dục giới (trong đó có Tứ Thiên vương an trú ở tầng thứ nhất) có chỗ riêng và các Thiên nữ có chỗ riêng.

Hai Thiên nữ này đến đây và bắt đầu tranh cãi xem ai được tắm trước. Kàlakanni nói:

- Ta ngự trì cõi trần, ta tắm trước mới hợp lý.

- "Ta cai quản con đường giới hạnh đem lại địa vị tối cao của nhân loại. Ta tắm trước mới hợp lý".  
Siri đáp.

Sau đó cả hai đều nói:

- Tứ Thiên vương sẽ biết giữa hai ta ai sẽ được tắm trước.

Thế là hai nàng đi hỏi các Thiên vương rằng ai giữa hai nàng xứng đáng tắm trước tại hồ Anotatta. Hai Thiên vương Dhatarattha và Virupakkha đáp:

- Chúng ta không thể quyết định được.

Và hai vị giao phận sự ấy cho Virùlha (Tăng Trưởng Thiên vương) và Vesavana (Tỳ-sa-môn Thiên vương). Hai vị này cũng bảo:

- Chúng ta không quyết định được, chúng ta muốn đưa chuyện đến bộ kiến Thiên chủ.

Rồi hai vị đưa chuyện đến Sakka Thiên chủ (Đế Thích). Thiên chủ nghe chuyện, trầm nghĩ: "Hai nàng này là ái nữ của Thiên vương chư hầu của ta, ta không thể quyết định được chuyện ấy", và bảo hai nàng:

- Tại thành Ba-la-nại có một thương nhân tên gọi Toàn-gia-Thanh-tịnh, trong nhà vị ấy có đặt sẵn một bảo tọa và một bảo sàng mới nguyên, nàng nào có thể nằm ngòì ở chỗ ấy trước thì xứng đáng là người được tắm trước.

Kàlakanni nghe vậy lập tức khoác y phục màu xanh, tắm đầu thơm màu xanh và tô điểm nữ trang màu xanh (màu xanh tượng trưng điềm xấu). Rồi từ Thiên giới, nàng giáng trần trên một thạch bàn do chiếc cung thần bắn ra. Sau canh giữa đêm, nàng trụ trên không, tỏa ra một làn ánh sáng xanh, không xa vị thương nhân đang nằm trên một bảo tọa trong khách sảnh đặc biệt của lâu đài. Vị thương nhân nhìn lên thấy nàng, song đối với ngài, nàng không

có vẻ nhân từ, khả ái. Ngài liền ngâm vãn kệ đầu nói chuyện với nàng:

Ai đây xanh thắm hóa đen huyền,  
Không khả ái đâu trước mắt nhìn,  
Con gái nhà ai, nàng ấy nhỉ,  
Làm sao ta biết, hỡi cô tiên?

Nghe lời này, Kàlakanni ngâm vãn kệ thứ hai:

Quảng Mục Thiên vương chính phụ thân,  
Kà-li là Bất Hạnh, tai ương,  
Xin ngài cho một phòng lưu trú  
Kề cận ngài như dạ ước mong.

Sau đó Bồ-tát đáp vãn kệ thứ ba:

Nàng vẫn sống theo giới hạnh gì?  
Đường nào nhân thế bước chân đi?  
Đây là câu hỏi xin nàng đáp,  
Ta muốn chú tâm để lắng nghe.

Nàng lại ngâm vãn kệ thứ tư, giải thích các đặc tính của nàng:

Giả dối, buông lung, cấu kinh luân,  
Vong ân, tật đố, dạ xan tham,  
Ác nhân, ta giúp thành công để  
Thắng lợi làm cho chúng diệt vong.

Nàng còn ngâm thêm vãn kệ thứ năm và thứ sáu:

Sân hận lại còn thân thiết hơn,  
Giao tranh, phi báng, lẫn hung tàn,  
Kẻ ngu không biết người lương thiện,  
Oán ghét lời khuyên, lẫn thiện nhân.

Người nào hành động trí ngu si,  
Bằng hữu thấy đều phải chán chê,

Kẻ ấy với ta là bạn đó,  
Ta tìm lạc thú ở người kia.

Lúc ấy, bậc Đại Sĩ ngâm vần kệ khiển trách nàng:

Kà-li, nàng hãy bước đi ngay,  
Chẳng có gì vui thú ở đây,  
Hãy đến các kinh thành xứ khác,  
Biển nhanh ra khỏi chốn này.

Kàlakanni nghe vậy, buồn rầu ngâm vần kệ đáp lời:

Ta vẫn biết ngài rõ lắm thay,  
Không gì vui thú ở nơi đây,  
Những người ác tạo nhiều mưu kế,  
Huynh đệ ta làm biển mất ngay.

Khi nàng đã đi rồi, Thiên nữ Siri xuất hiện, với y phục, dầu thơm, nữ trang toàn màu rực rỡ ngay trước cửa phòng khách, vừa tỏa ra một làn ánh sáng toàn màu vàng, nàng đứng trên đất bằng hai chân vững chắc và đáng điệu kính cẩn. Bồ-tát thấy nàng liền ngâm hai vần kệ đầu:

Ai đây màu sáng chói Thiên thần  
Trên đất bình yên, đáng thật chân,  
Con gái nhà ai, nàng ấy nhỉ,  
Làm sao ta biết, hỏi tiên nương?

Siri nghe vậy liền đáp vần kệ thứ hai:

Tri Quốc Thiên vương chính phụ thân,  
Ta là Hạnh Phúc, trí am tường,  
Thế nhân tán tụng, xin an trú  
Đại sảnh cùng ngài dạ ước mong.

Sau đó ngài hỏi:

Nàng vẫn sống theo giới hạnh gì?  
Đường nào nhân thế bước chân đi?

Đây là câu hỏi xin nàng đáp,  
Ta muốn chú tâm để lắng nghe.

Siri đáp lại:

Người nào dù nóng, lạnh, phong ba,  
Đói khát, ruồi gây bệnh, độc xà,  
Phận sự ngày đêm làm tròn vẹn,  
Ta luôn quý mến sống cùng nhà.

Nhã nhận, thiết thân, hạnh chánh chân,  
Khoan dung, thẳng thắn, dạ bình an,  
Tín thành, thiện cảm, đầy kham nhẫn,  
Ta điềm tô thêm mọi phước phần,  
Như sóng lan dần trên biển cả,  
Một màu sáng chói ngập trùng dương.

Với bạn thân hay chẳng bạn thân,  
Với người hơn, kém, hoặc ngang hàng,  
Ác nhân hay cả cừu nhân nữa,  
Dù tối trời hay giữa ánh quang,  
Những kẻ nhân từ không ác ngữ  
Từ sinh ta mãi kết thân bằng.

Song nếu kẻ ngu được mến thương  
Lại sinh ngạo mạn với kiêu căng,  
Con đường bất thiện đầy ngoan cố,  
Ta tránh xa như một vũng bùn.

Họa, phúc nghiệp riêng mỗi bản thân,  
Chẳng ai tạo nghiệp của tha nhân,  
Một người không thể gây tai họa,  
Hạnh phúc cho ai ở cõi trần.

Đó là lời giải đáp của Siri khi được vị thương nhân hỏi. Bồ-tát hoan hỷ trước lời nàng, liền bảo:

- Đây là sàng tọa thanh tịnh, xứng đáng dành cho nàng. Hãy nằm ngồi lên đó.

Nàng ở lại đến sáng hôm sau già từ về cõi trời Tứ Thiên vương và tắm trước tiên tại hồ Anotatta. Sàng tọa được Siri dùng tên là Sirisaya. Đó là nguồn gốc của từ Sirisayana (vương sàng) và vì lý do đó, nó được gọi như vậy cho đến ngày nay.

Khi Pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo Sư nhận diện Tiên thân: thời ấy, Thiên nữ Siri là Liên Hoa Sắc và thương nhân Suciparivàra chính là ta.

**Bài học:** Trong câu chuyện trên, nàng Siri biểu tượng cho Hạnh phúc, còn nàng Kalakanni biểu tượng cho sự Bất hạnh. Sở dĩ có tên là Hạnh phúc, bởi nàng thường sống đức hạnh, tu tập theo thập thiện; Sở dĩ có tên là Bất hạnh bởi nàng thường buông lung, sống trôi lăn theo tham, sân, si, tà kiến. Chỉ có Hạnh phúc mới xứng đáng ngự trên chiếc giường Đức hạnh của vị thương nhân Toàn-gia-thanh-tịnh. Chuyện ngụ ngôn này dạy chúng ta nếu biết tu tập, giữ giới, khuyến tấn cả gia đình cùng tu tập thì lúc nào cũng có Hạnh phúc trong nhà, còn ngược lại, sống buông lung, không giữ giới, đó chính là đang mời Bất hạnh vào nhà.



## Chuyện cây kim

Ngày xưa, khi vua Brahmadata trị vì tại Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh ở quốc độ Kasi trong nhà một thợ rèn và khi lớn lên, ngài rất tinh thông nghề này. Cha mẹ ngài rất nghèo. Không xa làng này có một làng khác gồm một ngàn nhà. Người trưởng nghiệp đoàn của cả ngàn thợ rèn này là người được vua ân sủng, giàu tiền của và thế lực. Con gái vị này cực kỳ diễm lệ, chẳng khác nào một Thiên nữ, đầy đủ mọi hảo tướng cát tường của một mệnh phụ phu nhân. Nhiều người từ các làng chung quanh đến nhờ rèn dao kiếm, rìu búa, lưỡi cày, gậy nhọn... đều trông thấy nàng.

Khi họ trở về làng, họ ca tụng sắc đẹp của nàng ở những nơi có đàn ông tụ tập và nhiều nơi khác. Chỉ mới nghe nói về nàng thôi, Bồ-tát đã cảm thấy say mê và nghĩ thầm: "Ta sẽ lấy nàng làm vợ". Vì thế ngài lựa thứ sắt tốt nhất, làm một cây kim thật cứng và mạnh có thể đâm thủng con súc sắc và nổi trên nước. Rồi ngài làm một cái bao bọc ngoài nó cùng thứ sắt ấy và cũng đâm thủng con súc sắc với bao kim kia.

Theo cách ấy, ngài làm bảy cái bao kim, phương pháp Ngài làm chúng ra sao không được tiết lộ, vì việc ấy thành tựu nhờ trí tuệ hiểu biết vĩ đại của ngài. Sau đó ngài đặt kim vào ống và để ống vào một cái hộp, ngài đi vào làng kia, hỏi đường đến nhà trưởng phường thợ rèn. Rồi đứng tại cửa nhà ấy, ngài hỏi:

- Ai muốn mua cây kim loại đặc biệt này của tôi đổi lấy tiền chăng?

Và vừa đứng cạnh nhà ông trưởng phường thợ rèn,  
ngài ngâm vần kệ miêu tả cây kim:

Xâu nhanh, tron lắng, thẳng ngay,  
Được bôi bóng nhoáng bột mài xanh xanh,  
Đầu kim sắc nhọn, thanh thanh,  
Kim đây, ai muốn mua mình trao tay?

Sau đó ngài lại ca tụng cây kim lần nữa qua vần kệ  
thứ hai:

Xâu nhanh, vững mạnh, thẳng ngay,  
Thân kim khéo luyện tròn đầy đẹp sao!  
Sắt kia cũng sẽ xuyên vào,  
Kim đây ai muốn mua nào ai ơi!

Lúc ấy cô gái đang quạt cho cha bằng chiếc quạt lá  
thốt nốt trong lúc ông nằm trên chõng tre để được  
thoải mái sau buổi điem tâm. Khi nghe giọng ngọt  
ngào của Bò-tát, nàng đã cảm thấy buồn nôn như  
thể nuốt một miếng thịt sống, và phải làm cho sự  
khó chịu ấy tan biến bằng cả ngàn ấm nước, nàng  
bảo:

- Người nào đây lại có thể rao bán kim với giọng  
ngọt ngào như thế trong một làng thợ rèn? Người ấy  
đến đây vì việc gì? Ta phải tìm xem sự việc ra sao.

Vì thế nàng đặt cây quạt xuống và bước ra bên  
ngoài, đứng ở hành lang. Mục đích của chú Bò-tát  
luôn đạt thành tựu: chính vì nàng mà ngài đã đến  
ngôi làng này. Nàng bảo ngài:

- Này cậu, dân chúng trong nước đều đến làng này  
mua kim và các vật dụng tương tự. Còn cậu lại  
muốn bán kim trong làng thợ rèn thật là điên rồ! Dù  
cậu có ca tụng kim của cậu suốt ngày, cũng không



ai mua hàng của cậu đâu. Nếu cậu muốn được giá thì qua làng khác.

Thế rồi nàng ngâm hai vắn kệ:

Móc câu ta đã bán rồi,  
Làng trên xóm dưới ai người chẳng hay?  
Thợ rèn ta ở thành này,  
Còn ai bán được kim may nữa à?

Nghề rèn nổi tiếng chúng ta,  
Việc làm khí cụ ai mà sánh ngang?  
Thợ rèn ta ở trong làng,  
Ai còn đem bán kim mang tới mình?

Bồ-tát nghe lời nàng, vội đáp:

- Thưa cô nương, cô nói vậy là do không hiểu biết gì cả đó.

Rồi ngài ngâm hai vắn kệ:

Thợ rèn ta ở trong thành,  
Nhưng người tài bán kim mình mới hay!  
Tổ sư nghề sẵn trong tay,  
Món hàng đệ nhất mua ngay kéo hoài!

Một khi nghiêm phụ biết rồi  
Cây kim này đã do tôi tự làm,  
Tôn ông chắc chắn sẽ ban  
Gia tài sản nghiệp cùng nàng cho tôi!

Người trưởng phường rèn nghe toàn thể câu chuyện, liền gọi con gái vào hỏi:

- Con đang nói chuyện với ai đó?
- Thưa cha, một cậu trai bán kim.
- Thế cho gọi cậu ấy vào đây.

Nàng ra gọi ngài vào. Bò-tát kính chào vị trưởng phường rèn xong, đứng sang một bên. Ông hỏi:

- Cậu ở làng nào?

- Thưa Tôn ông, tôi ở làng nọ, là con trai gia đình thợ rèn kia.

- Tại sao cậu đến đây?

- Thưa, để bán kim.

- Nào, đưa ta thử xem kim của cậu.

Bò-tát mong muốn công bố mọi đặc tính của ngài giữa nhiều người, liền nói:

- Một vật được nhiều người xem lại chẳng tốt hơn chỉ được một người xem hay sao?

- Này bạn, đúng lắm.

Vì thế vị phường trưởng tập hợp tất cả thợ rèn lại và đứng giữa đám đông, ông bảo:

- Nào bạn, hãy lấy kim ra đây.

- Thưa Tôn ông, xin hãy bảo lấy một cái đe và một cái đĩa bằng đồng đựng đầy nước ra đây.

Việc ấy được thực hiện ngay. Bò-tát lấy cây kim ra khỏi hộp đưa cho đám kia xem. Ông trưởng phường rèn cầm lấy và hỏi:

- Đây là cái kim chẳng?

- Không, đó không phải là cái kim, mà là cái bao.

Ông phường trưởng quan sát kỹ cũng không thấy đầu đuôi gì cả. Bò-tát lấy lại, dùng móng tay rút cái bao ra và chỉ cho mọi người:

- Đây là cây kim, đây là cái bao.

Ngài đặt cây kim trong tay ông phường trưởng và cái bao dưới chân. Ông phường trưởng lại bảo:

- Ta chắc đây là cây kim rồi.

Ngài đáp:

- Đây cũng chỉ là cái bao kim.

Rồi ngài lấy móc tay đánh bật nó ra và cứ thế ngài đặt sáu cái bao liên tiếp dưới chân vị phường trưởng và nói:

- Đây là cây kim, và đặt kim vào tay vị kia.

Cả ngàn người thợ rèn búng ngón tay một cách thích thú và bắt đầu vẩy khăn tung hô. Sau đó vị trưởng phường hỏi:

- Nay bạn, thế cây kim này có sức mạnh thế nào?

- Thưa Tôn ông, hãy bảo một người lực lưỡng nâng nghiêng cái đe này lên và đặt chậu nước dưới cái đe. Sau đó đâm thẳng cây kim vào cái đe.

Ông bảo làm đúng như vậy và đâm đầu nhọn của kim vào cái đe. Cây kim xuyên thủng cái đe và nằm ngang mặt nước không nhếch lên hay lệch xuống tý nào dù chỉ bằng một sợi tóc.

Mọi người thợ rèn đồng thanh bảo:

- Chúng ta chưa từng bao giờ nghe thậm chí qua lời đồn đại hiện có những người thợ rèn tài giỏi như thế này.

Như thế họ lại búng ngón tay và tung vẩy cả ngàn chiếc khăn. Ông phường trưởng gọi cô con gái vào, và đứng giữa đám đông ông bảo:

- Đây là cô gái xứng đôi với cậu.

Ông liền rót nước giao kết trên tay hai vị và trao nạng cho ngài đem đi. Về sau khi vị trưởng phường qua đời, Bô-tát trở thành trưởng phường rèn trong làng ấy.

Khi Pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo Sư tuyên thuyết các Sự Thật và nhận diện Tiền thân: Thời ấy, con gái người trưởng phường rèn là mẫu thân của La-hầu-la (Da-du-đà-la), và chàng thợ rèn thông minh chính là Ta.

**Bài học:** Đây là một chuyện tiền thân của đức Phật, qua đó, ta thấy Phật và Da du đà la (mẹ của La hầu la) cũng đã có nhân duyên từ nhiều kiếp. Trong kiếp làm chàng thợ rèn, ngài cũng đã rất giỏi về nghề rèn, nên làm ra được chiếc kim xuất sắc nhất, mà không thợ rèn nào làm được. Nhờ đó, chàng thợ rèn đã lấy được vợ là con gái của trưởng phường thợ rèn. Trong cuộc sống, cần phải học được 1 nghề nghiệp tinh thông để có thể giúp mình thành công, và xây dựng được gia đình hạnh phúc. Câu chuyện cũng nhắc ta đến việc rèn luyện tâm ý, cây kim là vật vô tri vô giác, nhưng khéo dụng công, ta cũng có thể rèn nó theo ý muốn, vậy sao ta không thể rèn luyện được tâm của mình cho ngay thẳng.



## Vị tà thuật sư

Ngày xưa, khi vua Brahmadata trị vì ở Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm Sakka Thiên chủ. Thời ấy có một tà thuật sư dùng phép thuật, nửa đêm đột nhập vào cung, xâm phạm tiết hạnh của hoàng hậu ở Ba-la-nại. Các cung nữ của bà đều biết chuyện này. Chính hoàng hậu đến yết kiến vua và trình:

- Tâu Chúa thượng, có kẻ lạ mặt đột nhập cung thất và xúc phạm thần thiếp.
- Thế hoàng hậu có thể làm một dấu hiệu nào đó lên kẻ ấy chăng?
- Tâu vâng, thiếp có thể.

Do đó bà bảo lấy chén son đỏ thắm, khi kẻ ấy đến nửa đêm và ra đi sau cuộc truy hoan, bà hoàng liền in năm dấu ngón tay bà vào lưng y và sáng hôm sau trình vua. Ngài ra lệnh đám vệ sĩ đi tìm khắp nơi mang về kẻ nào có dấu son đỏ trên lưng.

Bấy giờ, sau khi phạm tà hạnh ban đêm, tà thuật sư đứng giữa ban ngày ở nghĩa địa thờ phụng mặt trời, quân nhà vua thấy được, bao vây y, song y tưởng rằng hành động của y đã bị mọi người phát giác, liền dùng tà thuật bay lên không. Vua hỏi đám vệ sĩ sau khi chứng kiến việc ấy trở về:

- Các người thấy y chăng?
- Tâu Chúa thượng, chúng thần có thấy.
- Y là ai?
- Tâu Chúa thượng, một đạo sĩ.

Sau khi phạm tà hạnh ban đêm, y giả dạng làm đạo sĩ ban ngày. Vua nghĩ thầm: "Những kẻ này ban

ngày đi quanh quần trong chiếc y khô hạnh, còn ban đêm lại phạm tà dục".

Do đó vua đâm ra phẫn nộ với các đạo sĩ và chấp thủ tà kiến liền truyền công bố khắp kinh thành bằng trống lệnh rằng mọi đạo sĩ đều phải rời vương quốc, và sẽ bị quân sĩ trừng phạt nếu bị bắt gặp bất kỳ ở đâu.

Mọi đạo sĩ khô hạnh đều chạy trốn khỏi vương quốc Kàsi rộng ba trăm dặm và đến trú ở các kinh thành khác. Do đó không có Sa-môn hay Bà-la-môn chân chánh nào thuyết Pháp cho dân chúng Kàsi, và vì không nghe được Chánh Pháp, họ trở nên tàn bạo, ghét bỏ bố thí và trì giới, phần lớn phải tái sinh vào đọa xứ lúc mạng chung và không được sinh thiên.

Sakka Thiên chủ không thấy một vị Thiên tử mới nào xuất hiện, liền xem xét lý do gì và thấy chính vì việc tống xuất các Sa-môn, Bà-la-môn ra khỏi vương quốc do vua Ba-la-nại chấp thủ tà kiến trong lúc phẫn nộ vị tà sư. Sau đó ngài suy nghĩ: "Trừ ta không ai có thể phá hủy tà kiến này của vua. Ta muốn cứu giúp vua và thân dân của nước này".

Vì vậy ngài đến gặp các Độc Giác Phật tại động Nandamùla và bảo:

- Này các Tôn giả, hãy cho ta một vị Độc Giác Phật, ta muốn đi cảm hóa quốc độ Kàsi vào đạo.

Ngài mời một vị Trưởng lão trong các vị ấy ra đi. Khi ngài đã cảm y bát của vị ấy, Thiên chủ Sakka mời vị ấy đi trước, ngài theo sau với dáng điệu cung kính đánh lễ vị Độc Giác Phật, ngài biến mình thành một Sa-môn trẻ tuổi, tươi đẹp đi ba vòng quanh thành phố từ đầu đến cuối, rồi đến trước

cổng hoàng cung, ngài đứng trên không. Quân canh đến trình với vua:

- Tâu Hoàng thượng, có một Sa-môn trẻ đầy hảo tướng cùng với một Sa-môn Trưởng lão đang đứng trên không trung tại hoàng môn.

Vua từ bảo tọa đi ra và đứng ở lầu thượng hỏi:

- Nay đạo sĩ trẻ, tại sao ông tuần tú như vậy lại cung kính tâm y bát cho một Sa-môn dị tướng thế kia?

Rồi vua ngâm vần kệ đầu nói chuyện với ngài:

Dung mạo thanh cao, lại cúi đầu,  
Sau người dị tướng, bước theo hầu,  
Người này hơn, kém, hay bình đẳng,  
Xin nói tánh danh, trẫm thỉnh cầu.

Thiên chủ đáp:

- Tâu Đại vương, các Sa-môn ở địa vị của bậc Đạo Sư, vậy nếu ta nêu danh tánh ngài thì thất lễ, nhưng ta sẽ nói cho Đại vương biết tên ta.

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ hai:

Chư Thiên không nói họ cùng tên  
Của thiện nhân toàn hảo, Thánh hiền,  
Riêng chỉ phần ta nêu tước hiệu  
Sak-ka Thiên chủ của chư Thiên.

Vua nghe vậy, liền ngâm vần kệ thứ ba hỏi phước đức gì trong sự tôn sùng Đạo Sư:

Người kính yêu hiền Thánh vẹn toàn  
Sau ngài, tiến bước đáng nghiêm trang,  
Phần gì thừa hưởng, này Thiên chủ,  
Phước đức đời sau sẽ phát ban?

Thiên chủ đáp lại vần kệ thứ tư:

Người kính yêu hiền Thánh vẹn toàn,  
Sau ngài, cất bước đáng nghiêm trang,  
Tiếng khen tràn thế nay thừa hưởng,  
Thiên giới đời sau lúc mạng chung.

Vua nghe lời Thiên chủ liền dứt bỏ mọi tà kiến và  
hoan hỷ ngâm vần kệ thứ năm:

Mặt trời số phận chiếu hôm nay,  
Mắt trăm nhìn Thiên chủ hiển bày  
Bậc Thánh xuất trần, này Đấng Thích,  
Trẫm làm thiện sự kẻ từ rày.

Sakka Thiên chủ nghe vua tán thán vị Đạo sĩ của  
ngài, liền ngâm vần kệ thứ sáu:

Chân chánh thay sùng bái Thánh nhân,  
Tâm tư hướng đến trí cao thâm,  
Giờ đây long nhãn đã chiêm ngưỡng  
Thiên chủ Sak-ka với Thánh nhân,  
Mong ước từ nay nhiều phước nghiệp  
Sẽ là phận sự của mình quân.

Nghe vậy, vua ngâm vần kệ cuối cùng:

Tư tưởng mang đầy đủ phước ân,  
Từ nay lòng dạ trẫm ly sân,  
Lắng tai nghe ngoại nhân cầu thỉnh,  
Trẫm nhận lời khuyên nhủ chánh chân,  
Trẫm sẽ diệt tan lòng ngã mạn,  
Phụng thờ Thiên chủ, dạ tôn sùng.

Sau khi nói xong, vua từ thượng lầu bước xuống,  
đánh lễ vị Độc Giáo Phật và đứng một bên. Vị Độc  
Giác Phật ngồi bất chéo chân trên không và nói:



- Thừa Đại vương, tà thuật sư không phải là đạo sĩ. Từ rày phải nhận thức người đời không phải toàn giả dối, còn có các Sa-môn Bà-la-môn chân thiện, do vậy hãy bố thí, tuân thủ Giới luật và hành trì các ngày trai giới (Bố-tát).

Ngài thuyết Pháp cho vua như vậy, còn Sakka Thiên chủ cũng dùng thần lực đứng trên không thuyết Pháp cho quần chúng: “Từ nay về sau, hãy nhiệt tâm tinh cần”.

Ngài truyền ban hồi trống ra lệnh khắp kinh thành cho các Sa-môn, Bà-la-môn đã đi trốn phải hồi hương. Sau đó cả hai vị trở về cõi của mình. Còn vua tuân thủ lời dạy và thực hành các thiện nghiệp.

Khi Pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo Sư tuyên thuyết các Sự Thật và nhận diện Tiên thân: Thời ấy, vị Độc Giác Phật đắc Niết-bàn, vua là Ànanda và Ta chính là Sakka Thiên chủ.

**Bài học:** Làm vua cần sáng suốt và phân biệt được đúng sai, tránh quy chụp vội vàng, quơ đũa cả nắm. Nhà vua trong chuyện trên, vì tức giận vị tà thuật sư mà ra lệnh đuổi hết những người tu hành ra khỏi đất nước, đó là việc làm sai lầm. Vì không còn người tu hành, nên đạo lý không được mở mang, dân chúng phạm nhiều tội ác, không biết làm lành, cả nước thống khổ. Nhờ Sakka thiên chủ thị hiện thần thông để giúp vua thấy được sai lầm của mình, hủy bỏ các điều luật vô lý và quay về sống với chánh pháp. Từ đó, các tu sĩ trở lại, khuyến hóa dân chúng làm lành, lánh dữ, muôn dân được an lạc, thái bình.



## PHẦN B –PHẬT PHÁP VÀ TUỔI TRẺ



## Chú tiểu Hiền Trí

Thử Phật Ca Diếp còn tại thế, ngài có một tăng đoàn gồm hai mươi ngàn tỳ kheo đã diệt tận các lậu hoặc. Mỗi khi đi du hóa một nơi nào, tất cả chúng tỳ kheo ấy đều theo sau Phật Ca Diếp, cũng như 1250 tỳ kheo thường đi cùng với đức Bổn sư Thích Ca của chúng ta.

Một hôm Phật Ca Diếp và Tăng chúng của Ngài đi đến thành Ba La Nại. Dân chúng đua nhau đến đánh lễ cúng dường và nghe Ngài thuyết pháp. Sau khi thọ thực xong, Phật nói lời tùy hỷ công đức như sau:

- "Này các cư sĩ, trong thế gian có bốn hạng người. Hạng thứ nhất là những người tự mình làm phước bố thí, nhưng không khuyến khích kẻ khác làm. Hạng người này trong tương lai được giàu có, nhưng không được nhiều người theo. Hai là những người khuyên kẻ khác bố thí, nhưng tự mình không bố thí. Hạng này đời sau có phước báo được đông người theo, nhưng không có của cải. Ba là những người tự mình không bố thí cũng không khuyên người bố thí. Hạng này đời sau không có của cải, cũng không có người theo, phải sống cô độc, ăn cơm thừa của kẻ khác. Bốn là hạng người vừa tự bố thí vừa khuyên người bố thí, hạng này trong tương lai sẽ được cả hai phước báo: giàu có và đông người hưởng ứng theo mình."

Khi nghe thế, có một người khởi lên ý nghĩ: "Ta sẽ cố làm sao để được cả hai phước báo ấy". Rồi vị ấy đến đánh lễ Phật, bạch rằng:

- Bạch Thế tôn, xin Ngài đến thọ thực tại làng con vào ngày mai, để chúng con được phước báo cúng dường.

Đức Phật nhận lời. Cầm một mảnh bói diệp (lá bói, thay giấy) trở về làng, người kia đi từng nhà khuyên sửa soạn cúng dường Phật và chúng Tăng tùy khả năng của mỗi gia đình. Có nhà tình nguyện cúng dường 500 vị, nhà 200 vị, nhà 100 vị, nhà 50 vị v.v... Người kia đều ghi dấu vào lá bói để hôm sau thỉnh đúng số tỳ kheo đến từng nhà.

Trong làng, có một gia đình rất nghèo, đến nỗi ông chủ được mệnh danh "ông Chúa Nghèo". Người kia cũng không quên ghé vào nhà ông Chúa Nghèo để tạo phước cho ông ta. Khi Chúa Nghèo nghe người kia muốn mình cúng dường chúng tỳ kheo thì giật bắn người lên:

- Ôi bạn ơi! Bạn coi nhà cửa tôi đây, đến một chỗ ngồi cũng không có, làm sao tôi cúng dường gì được? Tôi có đồng xu nào đâu? Hãy đi đến những nhà cao cửa lớn kia!

- Này bạn, không phải chính vì vậy bạn mới nên nhân cơ hội này mà gieo giống phước sao? Vì sao bạn phải nghèo? Phải chăng vì bạn chưa từng giúp ai một chút gì cả?

Chúa Nghèo ngẫm có lý bèn ưng thuận:

- Được. Vậy thì xin bạn ghi cho tôi cúng dường một vị tỳ kheo.

Người kia bằng lòng, nhưng không ghi vào lá vì y nghĩ rằng một vị thì quá ít, chẳng cần ghi làm gì. Y từ già để tiếp tục đi phổ khuyến.

Khi ấy, từ trong tinh xá của ngài, Phật Ca Diếp đã biết một người nghèo đang thành tâm sửa soạn cúng dường một vị tỳ kheo. Ngài cũng biết rằng tất cả chúng tỳ kheo đã được phân phối đi vào các gia đình phát tâm cúng dường, mỗi nhà cúng một số vị. Duy chỉ có nhà Chúa Nghèo bị bỏ quên, vì Chúa Nghèo chỉ cúng có một vị, người phở khuyến quên ghi, nên không còn một vị nào cho Chúa Nghèo cúng cả. "Vậy chỉ còn Ta để cho Chúa Nghèo gieo phước" đức Phật nghĩ thế, và ngài lấy làm hoan hỉ, vì chư Phật vốn thương những kẻ khổ cùng.

Do phước báu cúng dường Phật Ca Diếp, Chúa Nghèo được sanh lên cõi trời cho đến khi Phật Thích Ca ra đời mới trở xuống trần thế, sanh vào một nhà thí chủ thân tín của nhà Xá Lợi Phất. Khi mang thai Chúa Nghèo, người mẹ bỗng thông minh khác thường. Người trong gia đình ai có bệnh tật gì đều được khỏi, và trở nên thông tuệ. Do đó hài nhi được tôn giả Xá Lợi Phất đặt tên là Hiền Trí. Khi lên bảy, Hiền Trí xin mẹ xuất gia làm đệ tử tôn giả.

Tôn giả dạy cho chú tiểu những uy nghi phép tắc phải theo trước khi vào thành khát thực. Lần đầu tiên ôm bát theo hầu thầy ra đường, chú tiểu hỏi Ngài khi thấy một con đê:

- Bạch Tôn giả, kia là cái gì?
- Chú tiểu, đấy là một con đê.
- Bạch Tôn giả, con đê dùng để làm gì vậy?
- Để dẫn nước đi khắp nơi nào mà người ta muốn.
- Nhưng bạch tôn giả, nước có hiểu biết gì không?
- Không đâu, chú tiểu. Nước là vật vô tri vô giác.

- Bạch tôn giả, Thế thì người ta có thể hướng dẫn một vật vô tri vô giác đến bất cứ chỗ nào người ta muốn hay sao?

- Chính vậy, chú tiểu.

Hiền trí nghĩ: "Nếu người ta có thể hướng dẫn một vật vô tri tùy theo ý muốn, thì tại sao ta không thể nhiếp phục tâm ý của mình để chứng A La Hán quả?"

Đi thêm một quãng, chú thấy những người làm tên đang hơ những cây tên trên lửa và nheo mắt nhắm để uốn chúng cho thẳng. Chú tiểu hỏi:

- Bạch tôn giả, họ làm chi vậy?

- Họ đang uốn những cây tên cho thật thẳng.

- Cây tên có lý trí không?

- Không, nó là vật vô tri.

Chú tiểu nghĩ: "Nếu người ta có thể uốn nắn một vật vô tri cho thẳng theo ý muốn, thì ta cũng có thể nỗ lực điều phục tâm ý để chứng A La Hán quả".

Một lát sau, hai thầy trò gặp những người thợ mộc đang đẽo bánh xe, chú lại hỏi:

- Bạch Tôn giả, họ làm gì thế?

- Đây là thợ mộc đang đẽo bánh xe.

- Bánh xe có lý trí không?

- Không, bánh xe chỉ chạy theo ý người muốn!

Chú tiểu nghĩ: "Nếu người ta có thể lấy gỗ làm ra những bánh xe để chạy theo ý muốn mình, thì tại sao ta không thể điều phục tâm ý của chính mình?"

Khi ấy chú tiểu trao y bát cho thầy và bạch:

- Bạch Tôn giả, con muốn trở về.

Tôn giả Xá Lợi Phất không nói một lời, đỡ lấy y bát trên tay chú tiểu. Chú tiểu vái chào thầy xong còn quay đầu lại dặn tôn giả:

- Bạch Tôn giả, khi nào Ngài đem thức ăn về cho con, xin Ngài chỉ cho con toàn một thứ đậu chiên vàng ngon nhất ấy.

- Ở đâu ta có thể kiếm được những thứ ấy, chú tiểu?

- Bạch Tôn giả, nếu Ngài không thể kiếm được nhờ phước đức của Ngài, thì Ngài cũng sẽ kiếm được do phước đức của con.

Tôn giả Xá Lợi Phất vốn rất cẩn thận. Ngài sợ chú tiểu ngủ ngoài trời có thể bị rắn cắn, hay sâu bọ đốt, bởi Thế Ngài trao chìa khóa cho chú tiểu và bảo:

- Hãy mở cửa tịnh thất của ta mà vào.

Chú tiểu vâng lời. Vào phòng tôn giả, chú bắt đầu tịnh tọa thiền quán. Khi ấy Đê thích ở trên trời cảm thấy chiếc ngai rung động, và nhận ra rằng chú tiểu Hiền Trí đang ngồi thiền quyết chứng quả A La Hán trong ngày đó, nên Ngài muốn giúp chú một tay. Ngài bảo thần mặt trời phải đi chậm lại, kéo dài buổi sáng ra trọn ngày, và sắc cho tứ thiên vương đứng gác bốn góc chùa, đuổi hết tất cả chim chóc ra khỏi vườn để đừng gây tiếng động. Do đó, tinh xá Cấp cô độc trở nên yên tịnh lạ thường. Thỉnh thoảng mới có một âm thanh rất nhỏ gây nên bởi một chiếc lá khô lia cành rơi xuống.

Trong khi ấy, Tôn giả Xá Lợi Phất vào nhà người thí chủ quen biết để khát thực. Gia chủ vừa mua về nhiều bánh tàu hủ chiên vàng, đem đặt vào bát Ngài. Tôn giả định đem về cho chú tiểu như lời chú

dặn, nhưng gia chủ xin thỉnh tôn giả cứ dùng, sẽ còn phân khác để tôn giả đem về. Tôn giả ngồi lại thọ thực.

Đúng lúc ấy, từ tư thất của Ngài, đức Đạo sư quan sát bằng Phật nhãn thanh tịnh thấy chú tiểu có thể chững quả A La Hán trong vòng vài giờ nữa. Nhưng nếu Tôn giả Xá Lợi Phất trở về lúc này, đem thức ăn vào phòng cho chú tiểu thì sẽ lỡ mất dịp đắc quả của chú. Do đó, đức Phật quyết định đi đến tịnh thất của tôn giả để đón đường. Vừa khi tôn giả trở về, Ngài gặp ngay đức Đạo sư đứng trước cửa. Tôn giả thi lễ, đức Đạo sư hỏi vị đệ tử thông tuệ của Ngài một số câu hỏi trong luật tạng, chỉ cốt để câu giờ, chờ cho chú tiểu đắc quả. Khi biết Hiền Trí đã chững quả, Ngài bảo Tôn giả Xá Lợi Phất:

- Bây giờ, này Xá Lợi Phất, hãy đem thức ăn vào cho chú tiểu Hiền Trí đi.

Tôn giả gõ cửa. Chú tiểu bước ra đỡ lấy bát trên tay Ngài đặt xuống một nơi, rồi bắt đầu quạt cho Ngài. Tôn giả bảo:

- Này chú, hãy ăn sáng đi.

- Bạch tôn giả, còn tôn giả thì sao?

- Ta đã ăn rồi.

Khi ấy, chú tiểu mới ngồi xuống quán tưởng năm điều rồi thọ thực. Khi chú đã ăn xong, rửa bát và dọn dẹp xong, thì mọi sự mới trở lại bình thường: mặt trời bắt đầu lặn, trăng từ từ lên, Tứ Thiên Vương hét canh gác bốn góc chùa. Để thích trở về thiên cung ngồi vào chiếc ngai vàng thường lệ. Chúng tỳ kheo bảo nhau:



- Thật kỳ lạ! Hôm nay buổi sáng hầu như dài suốt cả ngày, mà buổi chiều ngắn có một khoảnh khắc. Tại sao thế nhỉ?

Đức Đạo sư giải thích:

- Đúng thế, này các tỳ kheo, chính vì chú tiểu bảy tuổi kia phát tâm chứng quả A La Hán, mà tất cả trời Đế Thích, Tứ Thiên Vương, thần mặt trời, thần mặt trăng đều hỗ trợ cho công việc của chú ấy. Và chính Như Lai cũng đã bỏ cả giờ nghỉ ngơi để canh chừng cho chú bé, một người nhân quan sát con đê dẫn nước, thợ làm tên, người làm bánh xe, mà quyết tâm nỗ lực thiền định để chứng quả.

**Bài học:** Trong kinh Pháp cú, Phật dạy : "Người đào đê dẫn nước, người làm tên uốn tên, thợ mộc đẽo gỗ, còn người trí thì lo điều phục tâm mình". (Pháp cú 80). Trong việc tu tập, cần phải nỗ lực tinh tấn, uốn nắn tâm ý, sửa mình mỗi ngày, thì sẽ thanh tịnh được thân tâm, đạt được an lạc, giải thoát.



## Sa di Quân Đê

Thuở nọ Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất, ngày đêm ba thời thường dùng Thiên nhãn quán sát thế gian, ai đáng được độ thì ngài đi đến đó độ. Lúc đó có các thương buôn, muốn đi đến nước khác. Những thương buôn này đem theo một con chó đi đường. Thấy người ta buôn bán nghỉ ngơi, con chó bèn trộm lấy thịt. Khi ấy những người buôn bán nổi giận, đánh con chó gãy chân, quăng ngoài đồng trống, rồi bỏ đi. Ngài Xá-lợi-phất dùng Thiên nhãn từ xa trông thấy con chó nằm trên đất đói khát khôn cùng, sắp chết. Ngài mặc y ôm bình bát vào thành khát thực, khát thực xong bay đến chỗ con chó, đem lòng thương xót, cho nó thức ăn. Chó được ăn mạnh khỏe sống lại, trong lòng vui mừng vô cùng. Bấy giờ ngài Xá-lợi-phất vì con chó thuyết đầy đủ pháp giải thoát vi diệu. Sau đó con chó mạng chung sinh vào nhà một Bà-la-môn ở nước Xá-vệ.

Lúc đó ngài Xá-lợi-phất một mình đi khát thực, vị Bà-la-môn trông thấy hỏi:

– Tôn giả đi một mình không có Sa-di sao?

Ngài Xá-lợi-phất nói:

– Tôi không có Sa-di, nghe nói ông có con trai, tôi muốn gặp nó.

Vị Bà-la-môn nói:

– Tôi có một đứa con trai tên Quân-đê, còn rất nhỏ, không thể cho theo được, bao giờ nó khôn lớn tôi sẽ cho theo ngài.

Ngài Xá-lợi-phất nghe nói xong ghi nhớ trong lòng, rồi trở về tinh xá Kỳ Hoàn. Bảy năm sau, ngài lại đến nhà ông Bà-la-môn hỏi. Bảy giờ vị Bà-la-môn đem đưa con trai mình giao phó cho ngài Xá-lợi-phất để được xuất gia. Khi đó ngài Xá-lợi-phất bèn nhận cậu bé dẫn về tinh xá Kỳ Hoàn cho làm Sa-di, dần dần thuyết các Diệu pháp, tâm được khai mở, đắc quả A-la-hán, đầy đủ Lục thông, công đức hoàn bị. Lúc ấy Sa-di Quân-đề đắc đạo rồi tự dùng trí lực, quán xét đời quá khứ, vốn tạo hạnh gì mà được thọ thân hình này, gặp được Thánh sư, tu hành chứng quả. Quán thấy tiền thân mình là một con chó nhờ ân Hòa thượng Xá-lợi-phất nay được thân người và đắc đạo quả, trong lòng vui mừng nghĩ rằng: “Ta nhờ ân thầy được dứt các khổ, nay đem thân này phục vụ cúng dường ngài hết mình, trọn đời làm Sa-di, không thọ đại giới.”

Khi đó ngài A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, vị này xưa kia làm hạnh ác như thế nào mà phải thọ thân chó và tạo căn lành gì mà được giải thoát sớm như thế?

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, về thời quá khứ Phật Ca-diếp có các Tỳ-kheo tu tập ở một nơi. Có một Tỳ-kheo trẻ âm thanh tao nhã, tụng niệm rất hay, ai cũng đều ưa thích nghe. Lại có một vị Tỳ-kheo già tuổi đã cao âm thanh ồ ề không thể đọc kinh, mỗi khi cất tiếng tụng niệm nghe không được hay. Vị Tỳ-kheo trẻ lấy đó làm trò đùa cho mình, không ngờ vị Tỳ-kheo già đã đắc A-la-hán, đầy đủ công đức của bậc Sa môn.

Lúc đó Tỳ-kheo trẻ thấy tiếng của mình thanh thoát rất hay, cậy vào tiếng hay của mình mà chê trách vị

trưởng lão kia tụng tiếng như chó sủa. Vị Tỳ-kheo già bèn kêu Tỳ-kheo trẻ nói:

– Ông có biết tôi không?

Vị Tỳ-kheo trẻ đáp:

– Tôi rất biết ông, ông là Tỳ-kheo đệ tử của Phật Ca-diếp.

Vị Trưởng lão Tỳ-kheo nói:

– Tôi đã đắc quả A-la-hán rồi, đầy đủ đức hạnh của bậc Sa-môn.

Khi đó vị Tỳ-kheo trẻ nghe rồi trong lòng lo sợ, lông tóc dựng ngược, tự trách liền bái lạy sám hối tội lỗi của mình. Vị Tỳ-kheo già hoan hỷ cho sám hối. Nhưng do lời nói ác ấy trong năm trăm đời thường thọ thân chó, may là ông có xuất gia trì thọ tịnh giới nên nay được thân người gặp Ta và được giải thoát. Bây giờ ngài A-nan nghe Đức Phật nói xong vui mừng đánh lễ phụng hành.

**Bài học:** Cần phải cẩn thận lời nói, tránh gây khẩu nghiệp, bởi một lời nói ra thì không lấy lại được. Trong chuyện này, tỳ kheo trẻ vì chê bai vị A la hán giọng ồ ồ như chó sủa, mà phải đọa làm thân chó trong nhiều kiếp. Thật là đáng sợ! Tuy nhiên, nhờ có tu tập và biết sám hối, tỳ kheo trên đã được thầy Xá Lợi Phất độ thoát thân chó, tái sinh làm sa di, được theo thầy tu tập và mau chóng đắc đạo.



## Sa di mê cọp

Thuở xưa, có thầy tỳ kheo tu hành trong tịnh thất nhỏ trên núi, nơi xa xôi hẻo lánh, ít người lai vãng. Nếu có ai, cũng chỉ có các vị thợ rừng, thợ săn và tiều phu mà thôi.

Một hôm, thầy tỳ kheo xuống làng khất thực, lượm được một đứa bé trai kháu khỉnh dễ thương, bị người ta bỏ. Thầy đem về, xin sữa nuôi nấng cho đến lớn. Rồi thầy dạy tụng kinh, bái sám, công phu và cho thợ giới Sa di.

Năm ấy, chú Sa di được hai mươi tuổi, ngây thơ, hồn nhiên và chưa lần nào xuống nhân gian. Một hôm, thầy tỳ kheo có pháp sự cần có chú đi theo. Khi xuống làng xóm, chú thấy cái gì cũng lạ, chú liền đưa mắt nhìn say mê, tuy nhiên chú cũng phải đi theo thầy.

Khi pháp sự xong, hai thầy trò trở về tịnh thất. Trên đường tình cờ chú gặp một cô gái độ mười bảy, mười tám tuổi, thân thể dịu dàng, vẻ mặt xinh đẹp. Chú trân người mà nhìn, không chịu đi. Thầy tỳ kheo ngó lại biết việc nên nói, “Đi mau chớ cọp đồng nó bắt nó ăn mất hồn xác đó!”

Chú Sa di miễn cưỡng ra đi. Nhưng khi về tới tịnh thất thì quên ăn, biếng ngủ, vẻ mặt bơ phờ như người mất hồn. Thầy tỳ kheo thấy thế, hỏi, “Sa di, con sao như thế?”

Chú Sa di nước mắt ràn rụa nói rằng, “Con nhớ thương con cọp đồng quá! Thà con xuống núi cho cọp đồng nuốt xác, ăn hồn con cũng được chớ sống thế này khổ lắm thầy ơi!”

Thầy tỳ kheo biết Sa di này nghiệp ái quá nặng không thể tu được, thầy an ủi vỗ về và cho chú xuống núi.

Thế mới biết, nghiệp ái của con người rất là nặng. Người tu hành muốn thoát khỏi nghiệp này cũng thiên nan, vạn nan.

Kinh dạy: Người tu hành thoát khỏi ái dục, giới hạnh thanh tịnh, cho đến mãn tuổi thọ là vị xuất trần La Hán.

Tổ cũng dạy: “Ái bất trọng bất sanh Ta Bà. Niệm bất nhất bất sanh tịnh độ.” Nghĩa là: Ái không nặng nghiệp thì không sanh vào cõi Ta Bà. Niệm Phật không nhất tâm thì không sanh về Tịnh Độ.

**Bài học:** Người tu học cần tránh xa 5 món dục, là : tiền tài, danh vọng, sắc đẹp, ăn uống, và ngủ nghỉ. Câu chuyện trên nói đến lòng tham sắc đẹp (ái dục) của cậu sa di. Đây là thứ dễ cảm dỗ nhất, đặc biệt là đối với những người trẻ tuổi. Người tu học cần rèn luyện hạnh « thiếu dục, tri túc », đồng thời, cần quán chiếu bản chất vô thường của cuộc đời, và bất tịnh của thân thể để đối trị lòng tham dục.



## Sa di tham ăn

Ngày xưa, có ông sa di mới tu nên thường tham ăn. Bữa nào có thức ăn ngon thì ông vui mừng thích thú, tha hồ mà ăn. Bữa nào thức ăn dở thì ông sùi mặt thảm não.

Một hôm, có thí chủ cúng sữa cho chư tăng. Sữa vừa dọn lên còn nóng hổi bốc hơi, ông sa di vừa thổi vừa húp.

Hòa Thượng thấy vậy bảo, “Sữa tuy đã nguội mà tâm ông thì rất nóng”.

Khi ăn gần xong, gặp nhặng ruồi, ông sa di liền mửa ra cũng đầy tô. Hòa Thượng bảo ông ăn trở lại. Ông nói, “Đồ mửa ra bất tịnh làm sao ăn?”

Hòa Thượng dạy, “Chỉ vừa nuốt khỏi cổ, chảy ra thì đã nhèm tởm, không ăn được rồi. Tất cả thức ăn dù ngon đến đâu khi ăn rồi qua ngày trở thành đồ dơ bất tịnh, như uế, chủ nhân cũng không muốn nhìn”. Người quán như thế thì lòng tham ăn từ từ liền mất. Đây là cách đối trị lòng tham ăn hữu hiệu nhất.

**Bài học:** Người tu học cần tránh xa 5 món dục, là : tiền tài, danh vọng, sắc đẹp, ăn uống, và ngủ nghỉ. Câu chuyện trên nói đến lòng tham ăn của cậu sa di. Cần nhìn rõ bản chất của thức ăn, chỉ là vật để nuôi dưỡng thân thể ta, để không bị lòng ham ăn chi phối. Mọi thứ khi đã ăn vào cơ thể, nếu nôn ra đều trở thành bất tịnh, không có gì đáng ham muốn.



## Chuyện kể đót lều

Bấy giờ, Trương lão Đại Ca Diếp sống trong một túp lều ở gần Vương Xá. Có hai chú tiểu lo giúp việc cho Tôn giả, một chú rất được việc, còn chú tiểu kia có tánh hạnh xấu. Bất cứ việc gì chú kia làm, chú này làm như thể do chính chú làm vậy. Chẳng hạn như khi chú kia lấy nước cho Trương lão súc miệng, thì chú này lại đến gặp trưởng lão và thưa:

- Bạch thầy nước đã sẵn, xin thầy súc miệng.

Và khi bạn chú lo thức dậy sớm để lo quét dọn lều của Trương lão, thì ngay khi Trương lão xuất hiện, chú cứ đưng tay vào thứ này vật nọ, làm như là toàn túp lều được chính chú dọn dẹp vậy.

Chú tiểu lo tròn nhiệm vụ kia tự nghĩ: "Anh bạn xấu tính này, hễ ta làm cái gì thì anh ta cứ nói như thể chính anh ta làm. Ta sẽ phơi bày tính xấu của anh ấy mới được".

Vì thế khi anh chàng dôi trá kia từ làng trở về, ăn xong liền đi ngủ, chú tiểu này nấu nước nóng rồi đem dầu trong phòng và chỉ để lại ít nước trong nồi đun. Chú tiểu kia thức dậy, đi đến và thấy hơi bốc lên liền tự nghĩ: "Chắc chắn anh bạn ta đã đun nước và để trong buồng tắm." Thế là chú đến gặp Trương lão và thưa:

- Thưa thầy, nước đã sẵn trong buồng tắm, xin thầy vào tắm.

Trương lão theo chú đi tắm, nhưng chẳng thấy có nước trong buồng tắm, liền hỏi chú nước đâu, chú vội trở vào bếp, bỏ gạo vào nồi trống và múc nước,



chiếc gáo chạm vào đáy nồi kêu lạch cạch (từ đó về sau chú bị người ta gọi là Gáo-lạch-cạch)

Vào lúc ấy chú tiểu kia vào lấy nước trong phòng sau rồi bảo:

- Thưa thầy, xin thầy vào tắm.

Trưởng lão tắm xong và bây giờ Tôn giả đã biết tánh hạnh xấu của Gáo-lạch-cạch. Chiều hôm ấy khi chú ta đến dọn cơm, Tôn giả khiển trách chú:

- Khi kẻ nào đã phát nguyện tu hành, tự mình đã làm điều gì thì kẻ ấy mới có quyền báo: "Tôi đã làm điều ấy". Nếu không, thì đó chỉ là một lời nói dối có toan tính. Từ nay trở đi chớ có phạm ác hạnh như thế nữa.

Chú tiểu giận Trưởng lão và hôm sau chú không chịu theo Tôn giả về thành phố khát thực. Nhưng chú tiểu kia đi theo Tôn giả.

Còn Gáo-lạch-cạch đến viếng một gia đình thủ hộ của Trưởng lão. Người nhà hỏi Trưởng lão đâu, thì chú bảo ngài bị bệnh, phải ở nhà. Họ hỏi chú cần gì, chú bảo:

- Hãy cho tôi các thứ như thế... như thế...

Rồi chú mang các thứ ấy đến một nơi chú thích và ăn xong trở về lều.

Hôm sau, Trưởng lão đến thăm gia đình ấy và ngồi xuống với họ. Họ nói:

- Phải chăng ngài không được khỏe? Nghe nói hôm qua ngài phải ở trong phòng. Chúng tôi có gửi ít thức ăn nhờ chú tiểu kia mang về, ngài có dùng các thứ ấy không?

Trưởng lão giữ về bình thân không nói gì và sau khi dùng xong bữa, Tôn giả trở về Tinh xá.

Vào buổi chiều, khi chú ấy đến hầu thầy, vị Trưởng lão bảo chú:

- Này chú, chú đến xin gia đình kia, trong làng kia, chú bảo: "Trưởng lão cần phải ăn các thứ như thế... như thế...", rồi chính chú ăn các thứ ấy. Khất thực như thế là hết sức bất chánh. Hãy giữ gìn, chớ phạm ác hạnh như vậy nữa.

Thế là chú ấy cứ mãi nuôi lòng thù hận Trưởng lão. Chú nghĩ: "Hôm qua chỉ do một chút nước, ông ấy mắng xối vào mình, còn bây giờ tức giận vì ta đã ăn một nắm cơm ở nhà thủ hộ của ông, ông ta gây sự với mình nữa, ta sẽ tìm cách cư xử xứng hợp với ông ấy".

Ngày hôm sau, khi Trưởng lão vào thành phố khất thực, chú ta lấy búa đập vỡ hết các bình bát để đựng thức ăn và châm lửa đốt túp lều lá rồi phóng chạy đi. Lúc còn sống, chú trở thành kẻ cùng khổ đói khát giữa đời này và tàn tạ dần cho đến khi chết chú bị sinh vào Đại địa ngục A-tỳ (Avici). Mọi người đều biết đến hành vi xấu xa của chú.

Một hôm vài Tỷ-kheo từ Vương Xá đến Xá Vệ. Sau khi cất bình bát và áo ngoài vào trong phòng chung, họ đến đánh lễ bậc Đạo Sư và ngồi xuống.

Bậc Đạo Sư vui vẻ trò chuyện với họ và hỏi họ từ đâu đến.

- Bạch Thế Tôn, từ Vương Xá.
- Thế ai là Pháp sư ở đó? - Ngài hỏi.
- Bạch Thế Tôn, Tôn giả Đại Ca-diếp.

- Nay các Tỷ-kheo, Đại Ca-diếp có được an lành không? Ngài hỏi.

- Bạch Thế Tôn, Trưởng lão vẫn khỏe mạnh. Nhưng một chú tiểu giận dữ vì bị Trưởng lão quở trách đã nổi lửa đốt túp lều của vị ấy rồi bỏ đi.

Bậc Đạo Sư nghe thế liền bảo:

- Nay các Tỷ-kheo, Đại Ca-diếp độ cư còn tốt hơn là sống chung với một kẻ ngu dại như thế.

Nói xong Ngài đọc một bài kệ, được ghi lại trong Kinh Pháp cú:

*Đừng đi cùng với bọn tâm thường,  
Nên tránh giao du với lũ dại cuồng,  
Chọn bạn bằng ta hay vượt trội,  
Hoặc là đơn độc tiến trên đường.*

**Bài học:** Trong cuộc sống, cần tránh làm những việc xấu như chú sa di ở trên, như: dành công, ghen tức, nói dối, sân hận, làm biếng, vô ơn... Làm những việc xấu tất sẽ gặt quả báo xấu trong tương lai. Đối với những kẻ ngu si như thế, Phật dạy nên tránh xa, thà ở một mình còn hơn sống chung với họ, có ngày sẽ bị vạ lây, như thầy Đại Ca-diếp bị đốt mất lều.



## Chỗ ở của Sa di

Khi Đức Thế Tôn ở tại vườn Cù Su La, La Hầu La cũng ở đó với Sa di Quân Đề, cũng theo Sư phụ Xá Lợi Phất hầu Phật nghe pháp. Mỗi ngày La Hầu La dậy sớm quét dọn trong vườn, trong ngoài sạch sẽ rồi mới tu tập theo lời Phật dạy. Hôm nọ, La Hầu La quét dọn xong bèn đi nghe Phật thuyết pháp, đến chiều mới trở về phòng.

Lúc ấy, phòng của La Hầu La bị thầy Tỳ Kheo quản lý để cho một vị Tỳ Kheo khách ở, những y bát tọa cụ của La Hầu La đều bị bỏ ở ngoài, khách thì an nhiên ở trong phòng.

Phật đã quy định một người một phòng, phòng của mình đã bị người khác chiếm, biết làm sao? Hơn nữa La Hầu La còn là Sa di, trong Tăng đoàn, Sa di phải kính trọng Tỳ Kheo, và Phật cũng dạy phải nhẫn nại, nên La Hầu La không dám đến hỏi Thầy kia sao lại ở phòng mình. La Hầu La đứng lơ ngơ ở ngoài cửa, thật là tiến thoái lưỡng nan.

Lúc ấy mây đen kéo đến đầy trời, báo hiệu sắp có mưa to; La Hầu La không biết núp vào chỗ nào bèn chui vào nhà xí, tuy có hôi hám thật, nhưng chỉ còn cách ngồi trong đó thôi. Lúc ấy thật cảm thấy nỗi quạnh quẽ của tình cảnh không nhà. La Hầu La đoán tọa trong nhà xí, nỗ lực nhớ đến lời Phật dạy: *“Bất cứ trong hoàn cảnh khốn khổ nào, bất cứ gặp những phiền phức gì, đều không nên khởi tâm oán hận”*. Sức tu của La Hầu La quả thật tiến bộ rất nhiều. Bên ngoài mưa tuôn xối xả, nước chảy tràn xuống những chỗ trũng, có một con rắn đen ở trong hang bên cạnh, bị ngập nước bèn bò ra, dần dần bò vào nhà xí mà La Hầu La không hề để ý. Rắn độc

miền nhiệt đới rất nguy hiểm, lúc ấy sinh mạng của chú Sa Di La Hầu La như chỉ mảnh treo chuông.

Đức Phật đang ở trong thất, Ngài dùng thiên nhãn thấy được sự nguy hiểm gần kề, bèn đi ra nhà xí, đặng hắng một tiếng, bên trong cũng có tiếng đặng hắng. Phật bèn hỏi:

- “Ai ở trong đó?”

- “Dạ, La Hầu La”.

- “Ra mau! Phật bảo con đi ra”.

La Hầu La không ngờ Đức Thế Tôn đã kêu mình, vội bước ra, bất giác quỳ bên chân Phật nước mắt lưng tròng. La Hầu La còn nhỏ, tình cảm không khỏi yếu ớt.

Phật bèn hỏi vì sao La Hầu La lại ngồi ở trong nhà xí. La Hầu La thuật lại mọi việc. Phật bèn dạy La Hầu La hãy vào trong phòng Ngài. La Hầu La vui mừng, như từ Địa ngục bước lên Thiên đường.

**Bài học:** Trẻ con tuổi nhỏ cất ái từ thân, vào trong Tăng đoàn, cần phải được các Tỷ Kheo lớn chiếu cố đến. Vì nhân duyên La hầu la suýt gặp nguy khi ở trong nhà xí lúc trời mưa gió, đức Phật bèn quy định cho các Sa di, có thể ngủ chung phòng với các Tỷ Kheo. Tình thương của đức Phật, chỗ vi tế nhất đều lưu ý đến.



## Ưu-Ba-Ca

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Bà-la-môn tuổi trẻ tên là Ưu-ba-ca đến chỗ Đức Phật. Sau khi chào hỏi xong, lui ngồi qua một bên, bạch Phật rằng: “Bạch Cù-đàm, các Bà-la-môn thường hay khen ngợi đại hội tà thanh (tế lễ). Còn Sa-môn Cù-đàm có khen ngợi đại hội tế lễ không?”

Phật bảo Ưu-ba-ca: “Ta không khen ngợi một chiều. Hoặc có đại hội tà thanh ta tán thán. Cũng có đại hội tà thanh ta không tán thán”.

Ưu-ba-ca bạch Phật: “Những đại hội tế lễ nào có thể được khen ngợi và những đại hội tế lễ nào không được khen ngợi?”

Phật bảo Ưu-ba-ca: “Nếu có đại hội tế lễ nào mà cật trời cả bày nghề, trâu đực, trâu cái, những con dê và những chúng sanh nhỏ bé khác, tất cả đều bị sát hại; hành hạ áp bức những kẻ nô tỳ, người làm công, đánh đập bằng roi vọt, làm cho sợ hãi, buồn khổ, khóc la, kêu gào, không hoan hỷ, lao dịch khổ nhọc. Những đại hội tế lễ như vậy, ta không khen ngợi, vì chúng gây nên tai nạn lớn.

“Nếu những đại hội tế lễ mà không trói cột các súc vật, cho đến không khiến chúng sanh phải lao dịch khổ nhọc; những đại hội tế lễ như vậy ta khen ngợi tán thán, vì nó không mang lại tai nạn lớn”. Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Đại hội như tế ngựa,  
Gây nên tai họa lớn;  
Các tà thanh như vậy,  
Đại tiên không khen ngợi.  
Trói cột các chúng sanh,*

Sát hại côn trùng nhỏ,  
Chẳng phải lễ hội chánh,  
Đại tiên không tùy thuận.  
Nếu không hại chúng sanh,  
Không gây các tai họa,  
Thì gọi lễ hội chánh,  
Đại tiên thuận tán thán.  
Bố thí và cúng dường,  
Đúng pháp thiết đại tế;  
Người thí, tâm thanh tịnh,  
Phạm hạnh ruộng phước tốt;  
Những đại hội như vậy,  
Gọi lễ hội La-hán.  
Hội này được quả lớn,  
Chư Thiên đều hoan hỷ.  
Tự mình cung kính thỉnh,  
Tự tay ban phát cho,  
Mình người đều thanh tịnh;  
Cho này được quả lớn.  
Kẻ trí cho như vậy,  
Tín tâm được giải thoát.  
Cõi đời vui, không tội,  
Người trí sanh nơi đó.

Phật nói xong, Bà-la-môn Ưu-ba-ca nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ mà lui.

**Bài học:** Cần tránh các lễ hội có sát hại chúng sanh, hoặc bắt mọi người phải vất vả. Phật khuyên chúng ta chỉ nên tổ chức các sự kiện, lễ hội mang lại an lạc, hạnh phúc cho người tổ chức và người tham dự, mà không gây tổn hại đến người hay vật.



## Uất Xà Ca

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn tuổi trẻ tên là Uất-xà-ca đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ sát chân Phật, rồi lui ngồi qua một bên, bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn, người thế tục tại gia nên thực hành bao nhiêu pháp để được lợi ích hiện tại và an lạc ngay hiện tại?”

Phật bảo Bà-la-môn: “Có bốn pháp giúp cho người thế tục tại gia được lợi ích hiện tại và an lạc ngay hiện tại. Đó là: Phương tiện đầy đủ, Thủ hộ đầy đủ, Thiện tri thức đầy đủ, và Chánh mạng đầy đủ.

“Thế nào là Phương tiện đầy đủ? Người thiện nam tự nuôi sống bằng các nghề nghiệp kỹ xảo, như làm ruộng, buôn bán, phục vụ vương sự, chép sách, toán thuật, hội họa. Đối với những nghề nghiệp kỹ xảo đó, luôn tinh tấn siêng năng trau dồi. Đó gọi là Phương tiện đầy đủ.

“Thế nào là Thủ hộ đầy đủ? Người thiện nam có tiền bạc, gạo lúa, do nỗ lực mà thu hoạch, tự tay mình làm ra, đừng như pháp mà có được, tích cực giữ gìn, không để cho vua, giặc, nước, lửa, tước đoạt, hay trôi, chìm, mất mát. Ngược lại, nếu không khéo giữ gìn sẽ tiêu mất; hay nếu không lưu tâm đến chúng, thì sẽ bị người khác chiếm lấy, cùng những tai nạn sẽ làm cho hư hỏng. Đó gọi là người thiện nam khéo thủ hộ.

“Thế nào là Thiện tri thức đầy đủ? Có người thiện nam không mất điều độ, không buông lung, không dối trá, không hung hiểm. Những tri thức như vậy, có khả năng khéo léo an ủi; sự sâu khổ chưa sanh có thể khiến không sanh, sự sâu khổ đã sanh có thể



khai mở, tỉnh giác; những điều vui thích chưa sanh có thể khiến sanh nhanh, những điều vui thích đã sanh khiến giữ gìn không để mất. Đó gọi là người thiện nam thiện trí thức đầy đủ.

“Thế nào là Chánh mạng đầy đủ? Người thiện nam có được những tiền của, trong việc chi thu cân đối, bảo quản chu tất, không để cho việc nhập nhiều mà xuất ít, hay xuất nhiều mà nhập ít; như người cầm cân ít thì phải thêm, nhiều thì phải bớt, cho đến lúc nào biết cân bằng thì mới thôi. Như vậy, người thiện nam đã cân đối được tài vật của mình trong khi xuất nhập ngang nhau, không khiến cho nhập nhiều xuất ít, hay xuất nhiều nhập ít. Nếu người thiện nam không có tiền của nhiều mà sử dụng rộng rãi quá trớn, thì do sự sinh hoạt này mà người ta nói là ‘quả ưu-đàm-bát không có hạt giống’; ham muốn ngu si, không biết nghĩ đến sau này. Hoặc có người thiện nam dư dật mà không dám tiêu dùng, mọi người ở gần đều nói: ‘Người ngu si này như con chó chết đói.’ Cho nên người thiện nam, những tiền của có được, nên tự mình cân đối, xuất nhập ngang nhau. Đó gọi là Chánh mạng đầy đủ. Như vậy Bà-la-môn, đây là bốn pháp thành tựu lợi ích hiện tại và an lạc hiện tại.”

Bà-la-môn bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, những người tại gia có bao nhiêu pháp để có thể làm cho lợi ích đời sau, an lạc đời sau?”

Phật bảo Bà-la-môn: “Có bốn pháp có thể làm cho lợi ích đời sau, an lạc đời sau. Đó là: Tín đầy đủ, Giới đầy đủ, Thí đầy đủ, Tuệ đầy đủ.

“Thế nào là có Đức tin đầy đủ? Đối với Như-lai, người thiện nam có tâm kính tin, gốc rễ tín vững chắc, mà chư Thiên, Ma, Phạm cùng với loài

người không thể phá hoại. Đó gọi là người thiện nam có Đức tin đầy đủ.

“Thế nào là có Giới đầy đủ? Người thiện nam không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Đó gọi là có Giới đầy đủ.

“Thế nào là có Thí đầy đủ? Người thiện nam với tâm không vấy bẩn bởi sự keo kiệt, sống đời tại gia mà hành bố thí buông xả, thường tự tay mình cho, vui vẻ tu hạnh thí xả. Đó gọi là người thiện nam có Thí đầy đủ.

“Thế nào là có Tuệ đầy đủ? Người thiện nam biết như thật về Khổ Thánh đế; biết như thật về Tập, Diệt, Đạo Thánh đế. Đó gọi là người thiện nam có Tuệ đầy đủ.

“Nếu người thiện nam nào ở tại gia đình mà thực hành bốn pháp này, có thể thành tựu lợi ích đời sau và an lạc đời sau.”

Phật nói xong, Uất-xà-ca nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ rồi lui.

**Bài học:** Chuyện này, Phật dạy Uất-xà-ca về những nguyên tắc để được an lạc trong hiện tại và vị lai. Để an vui trong hiện tại, cần nhớ 4 điều: (1) nghề nghiệp giỏi, (2) biết tiết kiệm, (3) không buông lung, và (4) biết cân đối thu chi. Để an vui trong tương lai, cần nhớ 4 điều: (1) tin vào Phật pháp, (2) Giữ năm giới của Phật tử, (3) thường hành bố thí, và (4) Siêng tu tập để mở mang trí tuệ.



## Hiếu tử Sàma

Thuở Phật còn tại thế, có một thương nhân giàu có tại thành Xá-vệ, của cải lên đến một trăm tám mươi triệu, người này có một cậu con trai rất được yêu quý. Một ngày nọ, cậu trai đi lên lầu, mở cửa nhìn xuống đường, khi thấy đám đông dân chúng đang đi đến Kỳ Viên, tay cầm hương hoa cúng dường để nghe thuyết Pháp, cậu bảo rằng cậu cũng muốn đi. Cậu truyền đem hương hoa lại, rồi đi đến tịnh xá cúng dường y phục, dược phẩm, cùng các thức ăn uống cho chúng Tỷ-kheo ở đó và đánh lễ đức Thế Tôn với hương hoa, rồi ngồi xuống một bên...

Sau khi nghe thuyết Pháp, cậu nhận thức được các quả ác do tham dục gây ra và những quả phúc do đời sống tu hành mang lại. Rồi khi hội chúng ra về, cậu xin đức Thế Tôn cho cậu thọ giới. Nhưng đức Như Lai bảo cậu rằng ngài không truyền giới cho ai chưa xin phép cha mẹ. Vì thế cậu ra về, nhịn ăn một tuần, cuối cùng được cha mẹ chấp thuận, cậu trở lại và xin thọ giới. Thế Tôn bảo một Tỷ-kheo làm lễ xuất gia cho cậu.

Sau đó vị Tỷ-kheo mới này được tán thán và đạt nhiều công hạnh, được sự ái mộ của các vị sư trưởng và giáo thọ và khi đã thọ đại giới, ông tinh thông Giáo pháp trong vòng năm năm. Rồi vị Tỷ-kheo này nghĩ: "Ta sống viễn ly ở chốn này thật không hợp với ta". Và ông nóng lòng đạt cứu cánh của Thiên định. Thế là sau khi nghe lời dạy của vị giáo sư về Thiên định, ông đi đến một làng ở biên giới, sống trong rừng sâu hành trì phép Thiên định, nhưng không đạt được ý niệm nào đặc biệt, dù ông đã tinh cần tu tập trong mười hai năm liền mà tâm không được định tĩnh.

Cũng trong thời gian này, cha mẹ của Tỷ-kheo này trở nên nghèo túng vì những người thuê đất hay bán hàng cho nhà này thấy trong nhà không có con em gì đến buộc họ trả nợ, cho nên đã đoạt hết của cải nào rơi vào tay họ và tha hồ chạy trốn; gia nhân tôi tớ trong nhà lại trộm vàng bạc trốn đi. Vì thế cuối cùng hai người lâm vào cảnh khốn cùng, không còn đến cái bình đựng nước nữa, phải bán nhà đi lang thang hết sức cùng cực, phải đi ăn xin, mặc áo rách rưới và mang chiếc bình mẻ trong tay.

Lúc bấy giờ có một trưởng lão Tỷ-kheo từ Kỳ Viên đến nơi cư trú của người con trai ấy, ông tiếp đón ân cần vị khách kia xong, ngồi yên lặng hỏi thăm khách từ đâu đến. Khi được biết từ Kỳ Viên, ông hỏi thăm sức khỏe của bậc Đạo Sư cùng các đại đệ tử của ngài, xong rồi hỏi thăm tin tức cha mẹ mình.

- Thưa Tôn giả, xin Tôn giả cho biết tình cảnh của một gia đình thương nhân ở Xá-vệ.

- Nay hiền hữu, đừng hỏi thăm tin tức gia đình ấy.

- Tại sao thế, thưa Tôn giả?

- Người ta nói gia đình ấy có một cậu con trai, nhưng cậu ta đã đi tu theo đạo pháp, và từ khi cậu ấy xuất gia thì gia đình cậu bị sạt nghiệp, lúc này cả hai ông bà lão đang lâm vào tình cảnh rất thê thảm và phải đi ăn xin.

Khi ông nghe khách nói xong, không thể nào cảm lòng được, nước mắt cứ ràn rụa và khi khách hỏi tại sao lại khóc, ông đáp:

- Thưa Tôn giả, đó chính là cha mẹ tôi, tôi là con của các vị ấy.

- Nay Hiền hữu, cha mẹ bạn đã sạt nghiệp vì bạn, vậy hãy về phụng dưỡng các vị.

Ông liền nghĩ: "Trong mười hai năm liền ta tinh cần tu tập mà không thể nào đạt đạo hay đắc quả, có lẽ ta vô tài trí. Vậy ta có làm gì được với đời sống Phạm hạnh này? Chi bằng ta trở về làm một gia chủ phụng dưỡng cha mẹ già và bổ thí của cải. Như vậy cuối cùng ta cũng được sinh lên thiên giới". Quyết định xong ông nhường chỗ cư trú của mình trong rừng cho vị Trưởng lão kia.

Hôm sau ông ra đi, qua nhiều chặng đường thì tới tinh xá phía sau Kỳ Viên không xa thành Xá-vệ mấy. Tại đó ông thấy hai con đường, một đường dẫn đến Kỳ Viên, một đường dẫn đến Xá-vệ. Khi đứng đó, vị Tỷ-kheo này suy nghĩ: "Ta đến viếng cha mẹ ta trước hay đức Phật trước? Rồi ông tự nhủ: "Ngày xưa ta gặp cha mẹ ta luôn, từ đây ta sẽ ít có dịp yết kiến đức Phật; vậy ta hãy yết kiến bậc Chánh Đẳng Giác ngày hôm nay và nghe thuyết Pháp, rồi ngày mai ta sẽ đi thăm cha mẹ".

Thế là ông bỏ con đường đi Xá-vệ và đi đến Kỳ Viên lúc chiều tối. Vào ngày đó, lúc tảng sáng, bậc Đạo Sư nhìn xuống trần gian, đã thấy được tiềm lực ngộ đạo của vị này, nên khi ông đến yết kiến Thế Tôn, ngài tán thán công đức của cha mẹ theo kinh Mátiposaka. Trong khi đứng cuối hội chúng Tỷ-kheo và nghe thuyết Pháp, ông nghĩ: "Nếu ta trở thành người gia chủ, ta có thể phụng dưỡng cha mẹ ta", nhưng bậc Đạo Sư cũng dạy: "Một người con đi xuất gia vẫn có thể giúp đỡ cha mẹ mình". Trước kia ta rời thế tục mà không đến yết kiến đức Thế Tôn, và ta đã thất bại trong sự thọ giới không trọn vẹn như vậy. Bây giờ ta muốn phụng dưỡng cha mẹ

ta mà vẫn duy trì đời sống tu hành chứ không làm một người gia chủ". Vì vậy ông cầm lấy thẻ cùng các vật thực phát theo thẻ và cháo của mình và cảm thấy như thể mình đã phạm trọng tội đáng bị khai trừ sau mười hai năm độc cư trong rừng.

Sáng hôm sau ông đi đến Xá-vệ và nghĩ thầm: "Ta nên đi lấy cháo trước hay thăm cha mẹ ta trước đây?". Ông nghĩ lại và thấy rằng đi thăm cha mẹ trong lúc cha mẹ nghèo khổ mà không có gì trong tay để biếu thì thật là không phải đạo. Vì thế ông đi lấy cháo trước rồi đến cửa nhà cũ. Vừa thấy cha mẹ ngồi cạnh bức tường đối diện, sau khi đã đi một vòng khát thực được cháo lòng, ông đứng không cách xa họ mấy và bỗng thấy nỗi sầu thương nổi lên, mắt đầm lệ. Còn họ thấy ông nhưng không nhận ra, rồi bà mẹ tưởng rằng đó là một kẻ đang chờ của bố thí, liền nói:

- Chúng ta không có gì để bố thí cho người cả, người chịu khó đi nơi khác.

Nghe bà mẹ nói vậy, ông cố nén nỗi buồn đang tràn đầy trong lòng, đứng yên mắt đầm lệ, và khi được bảo lần thứ hai, thứ ba, ông vẫn đứng yên. Cuối cùng ông cha bảo bà mẹ:

- Bà đến xem thử có phải con trai bà đó không?.

Bà vùng dậy chạy đến nhìn ra con, gục xuống chân mà than khóc, ông cha cũng khóc theo, bao nỗi sầu khổ đều tuôn ra hết. Thấy lại cha mẹ, ông không thể nén được lòng mình, cũng bật khóc. Sau con xúc động, ông nói:

- Đừng buồn nữa, con sẽ phụng dưỡng cha mẹ.

Thế là sau khi an ủi cha mẹ và cho họ húp nước cháo rồi ngồi xuống bên đường, ông lại ra đi khát thực đem về cho cha mẹ dùng, sau đó mới đi khát thực cho chính mình. Xong bữa ăn, ông liền đi tìm nơi trú chân không xa đó mấy. Từ ngày ấy về sau ông chăm sóc cha mẹ bằng cách này: ông đem cho cha mẹ đồ khát thực dành cho mình, luôn cả những vật dụng bổ thí hằng nửa tháng một lần, và ông đi khát thực nhiều lần để thọ dụng. Còn những vật thực dành cho mùa mưa cũng đều đem cho cha mẹ dùng, trong khi ông đem áo quần rách của cha mẹ về đóng cửa kín mà nhuộm lại để mặc. Nhưng rất ít ngày ông đi khát thực được đồ dùng, phần nhiều là chẳng được gì cả, nên y trong cũng như y ngoài đều tả tơi cả. Trong thời gian chăm sóc cha mẹ như thế, ông dần dần trở nên xanh xao gầy ốm, bạn hữu thấy vậy bảo:

- Da dẻ bạn trước đây tươi sáng, nhưng nay bạn xanh xao quá, hẳn có bệnh gì?

Ông đáp:

- Ta không có bệnh gì cả, nhưng ta đang gặp một chướng ngại.

Rồi ông kể cho họ nghe câu chuyện nhà. Họ đáp:

- Thừa hiền giả, bậc Đạo Sư không cho phép ta phạm lễ vật cúng dường của các thí chủ, bạn đã làm việc trái phép khi đem lễ vật cúng dường của thí chủ cho người thế tục.

Nghe nói vậy, ông hổ thẹn cúi gầm mặt xuống, nhưng vẫn chưa thỏa dạ, họ đem chuyện kể với bậc Đạo Sư:

- Bạch Thế Tôn, người này đã phỉ phạm lễ vật cúng dường và đem cho người thế tục.

Bậc Đạo Sư cho gọi vị Tỷ-kheo trẻ ấy đến và hỏi:

- Có phải ông đã xuất gia mà còn lấy vật cúng dường của thí chủ đem cho người thế tục không?

Ông thú nhận là có. Rồi bậc Đạo Sư muốn ngợi khen việc làm của ông và nói về một việc cũ của Ngài, liền hỏi:

- Thế ông phụng dưỡng người thế tục nào đó?

- Bạch Thế Tôn, chính cha mẹ của con.- Ông đáp.

Lúc đó Thế Tôn muốn khuyến khích việc làm của ông hơn nữa, Ngài bảo ba lần:

- Tốt lành thay! Tốt lành thay! Ông đang đi con đường ngày xưa ta đã đi qua, ngày xưa khi đi khát thực ta cũng phụng dưỡng cha mẹ ta.

**Bài học:** Việc hiếu thảo và phụng dưỡng cha mẹ luôn được đức Phật khen ngợi và khuyến khích. Phật từng dạy «Ở đời không có Phật thì cúng dường cha mẹ cũng như cúng dường chư Phật». Vị tỷ kheo trẻ đi khát thực để cúng dường cha mẹ đã không bị đức Thế Tôn trách, mà còn được khen ngợi, vì các đức Phật cũng thường làm như vậy.





## La-Hầu-La hỏi Phật

Một thời, Phật trú trong rừng trúc Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Phật, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, biết như thế nào, thấy như thế nào để cho thân thức này của con cùng tất cả những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không bị vướng mắc vào cái thấy sai lầm (kiết sử trói buộc) là tôi, của tôi, và tự cao về cái tôi?”

Đức Phật dạy La-hầu-la:

“Lành thay! Lành thay! Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

“Này La-hầu-la, hãy quán sát, những gì thuộc về các hình tướng (sắc), hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc xấu, hoặc tốt; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những thứ đó đều chẳng phải tôi, không khác tôi, không ở trong nhau; nên bằng tuệ bình đẳng mà quán sát như thật như vậy. Cũng vậy, đối với cảm xúc, tư tưởng, tâm hành, và ý thức, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc xấu, hoặc tốt; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những thứ đó đều chẳng phải tôi, không khác tôi, không ở trong nhau; nên bằng tuệ bình đẳng quán sát như thật như vậy.

“Nhu vậy, này La-hầu-la, Tỳ-kheo nên biết như vậy, thấy như vậy. Người nào biết như vậy, thấy như vậy, thì đối với thức thân này cùng tất cả

những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không có cái thấy sai lầm về tôi, của tôi và tự cao về tôi.

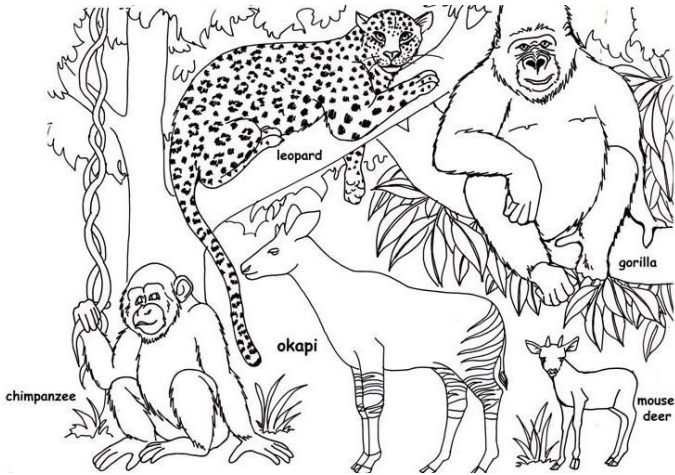
“Này La-hầu-la, Tỳ-kheo nếu như vậy đối với thức thân này cùng tất cả những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không có cái thấy sai lầm về tôi, của tôi và tự cao về tôi, thì Tỳ-kheo đó được gọi là người đoạn ái dục, không còn các kiết sử, chân chánh hiện quán, đạt đến biên tế của khổ.”

La-hầu-la sau khi nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**Bài học:** Phật dạy La hầu la về cách quán chiếu để không bị vướng chấp vào cái nhìn sai lầm về tôi, của tôi, và tự cao về cái tôi. Khái niệm « vô ngã » hay không có cái tôi, là một chủ đề khó và quan trọng trong Phật pháp. Người học Phật cần tập nhìn thấy mọi sự vật, hiện tượng đều không có 1 bản thể cố định. Cũng như giọt nước và đại dương, tuy hai mà là một. Nhờ thấy « vô ngã » nên thoát được khổ đau, bởi nếu không có tôi thì lấy ai đau khổ.



# PHẦN C – CHUYỆN LOÀI VẬT



## Em hãy im lặng

Năm xưa năm xưa, gần mấy mươi triệu năm về trước, trái đất còn chưa có loài người, chỉ có cầm thú sinh sống bên nhau hài hòa, dễ thương. Lúc ấy, trái đất còn nguyên vẹn sự tinh khôi, không bị ô nhiễm một chút nào cho nên cỏ rất ngọt, lá rất ngon. Các loài thú này ưa ăn cỏ, ăn rong rêu, ăn lá non ở các bụi cây.

Do bao nhiêu trận động đất dữ dội, do núi lửa bùng nổ liên miên và do sự va chạm của những tảng đá trời không lồ nên trái đất như một cơ thể non nớt của một em bé đang lớn lên để trưởng thành. Bởi vậy, trái đất chưa có nhiều cây cối to lớn mà chỉ toàn là cỏ non, hoa dại, rong rêu và bụi nhỏ. Thế mà, không hiểu vì sao lại có một cây sồi thật to lớn, che rộng mấy mươi mẫu đất. Hồi đó, vòm khí quyển vừa mới hình thành cho nên trái đất còn lạnh lắm, nhất là vào lúc ban đêm. Cái lạnh băng giá tê buốt thấu xương! Các loài thú vật thường nương náu, sinh sống bên nhau cho ấm áp ở dưới gốc cây cỏ thụ này. Con nai nằm ngủ một bên con cọp. Con thỏ ngủ trên vai con chó sói. Con chim đậu trên thân hình con rắn. Nghĩa là tất cả mọi loài thú vật sống chung hoà hợp bên nhau như anh em ruột thịt.

Cạnh bên cây sồi vĩ đại lại có một tảng đá cổ, chỉ lớn bằng con sư tử nhưng hình thù kỳ lạ, dung mạo khả ái, đoan nghiêm. Không ai biết rõ tảng đá này có mặt từ lúc nào? Có thể nó ngồi dưới gốc cây cỏ thụ này không biết bao nhiêu triệu năm rồi. Có thể tuổi đá cũng là tuổi của trái đất. Mỗi buổi sáng tinh sương, tảng đá thường phát ra ba âm thanh kỳ diệu. Đó là “hãy im lặng”, “hãy bình tĩnh”, “hãy bên nhau”. Âm thanh vang dội đậm ấm và thiêng liêng

đến mức nào! Mỗi lúc như thế, các loài thú thức dậy lắng lòng để nghe tiếng đá. Chẳng ai bảo ai, tất cả loài thú ngồi yên vừa theo dõi hơi thở, vừa nhìn mặt trời lên, vừa nghe tiếng đá thì thầm. Ngày nào cũng như ngày nào, chúng thức dậy đúng lúc âm thanh kỳ diệu ấy vang lên. Nhờ thế, tâm hồn loài thú trở nên hiền lành và hồn nhiên như tuổi thơ.

Sau khi ông mặt trời vừa ló ra khỏi dãy núi, bọn thú cùng nhau đi tìm thức ăn ở các ngọn đồi xa xa, ở nơi các con sông và nơi các bên nước. Thịnh thoảng dừng lại, chúng vui chơi, đùa giỡn, đuổi bắt với nhau một cách thích thú, hồn nhiên, vô tư như các em thiếu nhi bây giờ. Con sư tử đuổi theo con nai. Con thỏ ngồi trên lưng con cọp. Con sóc đu nơi hai chân của con chim đại bàng để bay lên cao. Bọn thú chơi đùa với nhau thật vui vẻ và hạnh phúc. Tiếng cười, tiếng nói vang lên đến tận trời xanh. Chúng yêu thương nhau, bảo hộ cho nhau, ăn chung, ngủ chung thật là dễ thương.

Một hôm, con nai ham chơi, chạy nhanh quá nên bị trượt chân chảy máu, vì vậy nó phải cà nhấc cà thọt đi tìm một nơi yên tĩnh để trị thương.

Các bạn khác vẫn còn tiếp tục chơi các trò chơi hấp dẫn. Chỉ có con cọp cảm thấy bất an trong lòng. Lần đầu tiên, cọp ngửi được mùi tanh của máu, và cơ thể của nó chuyển biến, rung động dữ dội, có một sự thèm khát mãnh liệt đang xảy ra trong lòng. Tự nhiên, nó muốn vồ lấy con nai đang bị thương. May quá, nó dừng lại được cái ý tưởng ấy. Con nai là bạn thân của nó mà. Con cọp không thể nào hiểu nổi cái cảm giác quái lạ này. Con cọp đang đau khổ bởi sự thèm khát mạnh mẽ này, do đó nó tìm một nơi yên tĩnh để ôm ấp để chờ che. Nó đi đến bên bờ

hồ vừa ngồi xuống vừa thở để xét lại lòng mình. Hơi thở tuy có phần hỗn hển nhưng cũng đủ làm cho nó bình an trở lại. Nó nhớ tới những ngày anh em sống bên nhau, chơi đùa với nhau, ngủ chung dưới gốc cây, thương yêu nhau như thể tay chân. Nó sực hiểu ra rằng tại sao tảng đá thường phát ra ba âm kỳ diệu là “hãy im lặng”, “hãy bình tĩnh”, “hãy bên nhau”. Hãy bình tĩnh! Đúng rồi. Hãy bên nhau bởi vì nó thương con nai lắm. Tuy hiểu như thế, nhưng sự thèm thuồng này sao mà mạnh quá! Con cọp tiếp tục ngồi yên theo hơi thở để làm lắng xuống cảm xúc thèm thuồng này. Cọp đâu có ngờ rằng tâm trạng của báo, hổ, gấu, rắn cũng như thế. Các bạn hình như cũng đang ngồi im lặng, bình tĩnh mà ôm ấp cảm xúc như con cọp.

Lần đầu tiên người được mùi máu, các loài thú này đều cảm thấy nóng nóng trong cơ thể, có một sự chuyển động âm thầm trong xương thịt. Bọn thú rặng nhọn này bắt đầu cảm thấy ngờ ngợ mỗi khi tới gần nhau, có một chút gì bất an, sợ hãi, lo âu trong lòng đối với các con thú khác. Đặc biệt, chúng cảm thấy có một sự thèm khát đang sôi sục trong thân thể cho nên nước miếng cứ tuôn trào ra.

Cũng vậy, các con thú nhỏ bé hiền lành cảm thấy sợ sợ các bạn to lớn hơn. Không biết tại sao cái nhìn của anh cọp sao hung dữ quá. Cái nhìn của chó sói sao mà đáng nghi quá. Do vậy, các con thú bé nhỏ, hiền lành này bắt đầu lánh xa các bạn to lớn kia.

Một hôm, tụi nai, sóc, thỏ tìm thấy một con cá bị ai ăn hết thịt chỉ còn bộ xương sườn. Chúng cảm thấy tội nghiệp cho con cá! Lá non trên các bụi cây cũng thiếu người hái ăn. Bãi cỏ non chẳng còn ai vui chơi như ngày trước nữa. Cái hồ mát mẻ bên kia đồi

cũng ít người bơi lội hoặc qua lại. Không khí quanh đây có vẻ không được an ổn lắm.

Từ đó, chúng bắt đầu lánh xa, không còn trở về ở bên cội cây cổ thụ nữa. Các con thú dữ khác như cọp, beo, gấu, chó sói bắt đầu rình bắt các con thú bé nhỏ, hiền lành. Họ bị con thèm khát chinh phục và quên đi tình bạn bè, nghĩa anh em. Họ nghe theo tiếng gọi của bản năng, tập khí của chủng loại để rình bắt các bạn hiền lành, yếu đuối đã một thời sống bên nhau dưới gốc cây cổ thụ.

Cây sồi vẫn còn đó đang dang rộng tàng cây che chở cho muôn thú. Tảng đá cổ vẫn đứng yên bất động và mỗi buổi sáng vẫn thường phát ra ba âm thanh vi diệu, nhưng các con thú kia không còn có khả năng để lắng nghe các âm thanh ấy nữa. Một bên sợ hãi cố xa lánh, một bên thèm thường rình rập đã chi phối hết tâm hồn của họ. Từ đây, trái đất xinh đẹp này không còn nghe tiếng cười đùa, vui chơi của các loài thú nữa, thay bằng những tiếng kêu la, than khóc của sự tàn nhẫn bởi lòng tham lam.

**Bài học:** Loài người ngày nay cần trở về với thiên nhiên, để thấy mình và muôn loài là cùng một bản thể, để có thể lắng nghe tiếng của đá “*hãy im lặng, hãy bình tĩnh, hãy bên nhau*”. Phật đã dạy, trong vạn kiếp luân hồi, chúng ta đã từng là anh em, cha mẹ, bằng hữu với muôn loại chúng sinh. Vì vậy cần biết yêu thương, ngừng giết hại, tàn phá môi sinh, và hãy học lại bài học “cùng chung sống”.



## Thỏ mền đạo

Ngày xưa có một con thỏ rất thông minh và ngoan ngoãn. Ngày đêm thường quanh quẩn bên một Đạo Sĩ tu hành trong rừng để nghe giảng kinh kệ. Thường ngày thỏ đi kiếm hoa quả về dâng cho Đạo Sĩ đúng vào giờ Ngọ.

Được ít lâu bỗng nhiên trời đổi khí hậu, gió mưa tầm tã lạnh đến tận xương nên hoa quả đều thúi rụng hết. Thỏ đi kiếm khắp nơi nhưng không có thức ăn để dâng cho Đạo Sĩ. Vì thế Đạo Sĩ phải chịu đói rét, chịu cực khổ. Ngài định thu dọn đồ đạc trở về chùa một thời gian rồi sẽ lên rừng tu luyện lại trong mùa Xuân tới.

Biết được ý định của Đạo Sĩ thỏ vô cùng buồn bã vì nếu Đạo Sĩ đi rồi thì thỏ ở lại một mình không ai giảng cho thỏ nghe câu kinh tiếng kệ để tu học. Thỏ nghĩ bụng rằng lâu nay Thầy ta thường ngày giảng dạy ta, bây giờ Thầy gặp con hoạn nạn thế này mà ta không cứu giúp thì còn gì buồn tủi cho bằng. Nghĩ xong thỏ chạy biến vào rừng để kiếm thức ăn nhưng không tìm đâu ra được thức ăn. Thỏ buồn bã trở về nói với Đạo Sĩ rằng:

- Thưa ngài con đã kiếm được thức ăn xin ngài nhóm lửa lên để nướng thức ăn con vừa kiếm được. Đạo Sĩ nghe theo lời thỏ, lấy củi nhóm lửa. Khi ngọn lửa bốc cao đỏ rực thì con thỏ lanh lẹ lao vào lửa mà thưa rằng: “Món ăn chính là con đây xin ngài dùng cho đỡ đói”.

Đạo Sĩ hoảng hồn vội ôm thỏ đem ra và hỏi thỏ tại sao lại làm như vậy.

Thỏ sụt sùi thưa rằng:



- Con mang ơn Ngài quá nhiều, ngày nay gặp con đói rét ngài phải tạm rời bỏ nơi này lòng con không yên, nên con xin hiến thân để ngài dùng cho qua ngày khỏi bỏ dỡ việc tu hành.

Đạo Sĩ nghe thỏ nói lấy làm cảm động, thương mến thỏ hơn xưa và bỏ ý định trở về chùa, ở lại rừng tu hành không sợ đói khát cực khổ.

Con thỏ mến đạo này chính là tiền thân của đức Phật Thích Ca.

**Bài học:** Trong việc tu học cần duy trì sự tinh tấn dù trong bất cứ hoàn cảnh khó khăn nào. Ở câu chuyện trên, vì hoàn cảnh thời tiết bất lợi, vị đạo sĩ đã không duy trì được tinh tấn. Tuy nhiên, nhờ con thỏ có lòng mến đạo, quyết xả thân để làm món ăn cho thầy ăn đỡ đói qua mùa đông giá rét, đã làm vị đạo sĩ suy nghĩ lại. Tấm lòng hiếu thảo và yêu mến đạo pháp của con thỏ đã làm cảm động vị đạo sĩ, khiến cho vị đạo sĩ trở nên tinh tấn hơn, quyết tâm ở lại rừng để tu tập, vượt qua cơn đói rét.



## Chồn cưới công chúa

Thuở xa xưa vào một kiếp nọ, có vị đạo sĩ lánh mình ẩn tu trong hang động, ngày ngày sống với núi rừng cỏ cây, vui với chim hót suối reo, đêm đêm chuyên tâm thiền tọa tụng kinh âm thanh lãnh lót thiên vị làm sao!

Trong lúc ấy, có một con chồn đêm đêm cứ đứng giờ tụng kinh của đạo sĩ là nó đến nằm trước cửa để nghe. Cho dù gặp phải những đêm giông tố sấm sét gió mưa, chồn cũng vẫn không vắng thiếu bữa nào. Lâu ngày, con chồn kia như thấm được lời kinh tiếng kệ, hiểu được nghĩa lý vi diệu một vài đoạn kinh. Thế rồi một hôm chồn nảy sinh ra ý nghĩ kỳ lạ: "Nay ta đã hiểu được nghĩa lý kinh điển thánh hiền. Thánh hiền là bậc tôn quý của loài người. Còn ta nay hiểu được giáo lý của thánh hiền, thì ta chắc phải được làm vua trong loài thú. Mà vua thì phải có quần thần". Nghĩ như thế rồi, chồn kia đứng dậy lập mưu chiêu binh mãi mã.

Trên đường chiêu mộ binh sĩ, đầu tiên chồn gặp một con cáo đang mắc bệnh liền phô trương hùng hổ ra oai nhảy lại toan muốn giết cáo. Cáo kia đang lúc bệnh mỗi mệ thấy vậy thất kinh mới hỏi chồn: "Tôi với anh không có oán thù, sao anh lại muốn giết tôi".

Chồn gầm gừ hung hăng đáp: "Người có biết ta đây là chúa tể của muôn loài hay không? Tại sao người thấy ta mà không biết hạ mình cung kính lễ chào? Như thế là người đắc tội khi quân. Ta không giết thì để người sống làm gì nữa chứ? Nếu người chịu phục tùng theo ta, thì ta tha cho mạng sống, sẽ hưởng được sung sướng sau này".

Vì con bệnh hoành hành đau nhức không còn sức lực để tranh hùng, nên cáo phải hạ mình nói: "Thưa ngài! Xin ngài tha tội. Tôi xin tuân lệnh phục tùng theo hầu hạ ngài".

Thế rồi hai con chồn cáo cùng kéo nhau đi. Đi được một quãng đường thì gặp một con chó sói lạc đàn đói khát đang đi kiếm ăn. Chồn và cáo liền bao vây tấn công muốn giết chó sói. Bất ngờ trước hành động hung tợn của đối phương, chó sói lấy làm kinh hoàng ngạc nhiên hỏi: "Tôi với hai anh có oán thù gì đâu? Tại sao hai anh lại muốn hãm hại tôi?"

Chồn hùng hổ nói: "Nhà ngươi gặp vua tôi của ta đi kinh lý mà không biết giữ lễ vái chào, lại còn tỏ ra lơ là mục hạ vô nhơn. Ta không triệt hạ ngươi thì để làm chi nữa chứ? Nếu ngươi chịu theo ta thì được sống. Bằng không thì tự chuốc lấy cái chết vào thân ngay bây giờ. Một trong hai con đường, theo ta thì sống, chống lại thì chết, ngươi phải chọn gấp". Nghe thế, sói thấy mình thân cô thế yếu, đành nuốt hận hạ giọng nói: "Thưa ngài! Xin ngài bớt giận tha mạng cho. Tôi nguyện tuân theo lời ngài, phục tùng hầu hạ".

Được sói xong, chồn lại tiếp tục đi chiêu mộ binh mã, khéo lợi dụng khí thế quần bầy để uy hiếp thế cô, khéo mưu mô dùng voi khấc phục cọp, lợi dụng loài thú này khấc phục loài thú khác. Nên chẳng bao lâu cọp, beo, voi, sư tử đều bị mắc mưu phục tùng chồn. Từ đây, chồn tự xưng làm chúa tể muôn loài. Từ khi các loài ác thú núi rừng phục tùng dưới sự chỉ huy của chồn, thì chồn tự cho mình là có uy thế hùng mạnh nhất trong muôn loài. Nên chồn lại nghĩ rằng: "Ta bây giờ nghiễm nhiên là một vị vua của muôn loài. Thế là ta phải có hoàng hậu. Mà

hoàng hậu thuộc loài thú thì hóa ra tầm thường thấp hèn lắm sao?! Không được, ta phải kiếm trong loài người một công chúa trẻ đẹp để làm hoàng hậu, như thế mới tỏ ra được cái đặc biệt hơn muôn loài thú vật". Nghĩ vậy rồi, chôn cuội trên lưng một thớt voi to mạnh dẫn theo sau đoàn cáo, sư tử, voi vào thành Ba-La-Nại. Dân chúng trong thành thấy đoàn ác thú hung hăng đi đứng lảng xãng trên các đường xá phố phường, nên ai nấy đều khiếp sợ. Chẳng mấy chốc, tin này được trình báo đến nhà vua tới tấp. Vua lập tức phái sứ giả ra nói: "Chúng ngươi là loài thú ở chôn núi rừng, sao lại dám cả gan ngang tàng đi trong phố xá làm cho dân chúng lo sợ bất an như thế này?"

Ngồi chễm chệ trên lưng voi, chôn hất mặt xác xược đáp: "Ta là vua của tất cả muôn loài. Ta nay đến đây là muốn cưới công chúa của thành Ba-La-Nại này để làm hoàng hậu. Các ngươi có thuận theo lời ta thì tốt. Ta để cho dân chúng được an ổn. Bằng không thuận gả công chúa cho ta. Thì trước hết các ngươi hãy nhìn vào binh tướng hùng dũng của ta đây, chỉ trong giây lát thành trì này sẽ sụp đổ tan tành, dân chúng trong thành sẽ bị nghiền nát không còn một mạng. Vậy ngươi hãy lập tức trở về tâu lại cho vua của các ngươi biết quyết định của ta".

Sau khi được sứ giả trình tâu, nhà vua rất là lo âu, liền hội quần thần văn võ bá quan trình bày rõ sự việc để tìm phương kịp thời đối phó. Các quần thần nghe nói đến voi, sư-tử, cọp, beo kết thành đoàn kéo vào phố phường, ai nấy đều xanh mặt thất sắc đồng tâu lên vua rằng: "Xin Bệ-hạ nên thuận theo lời của chôn, mà đem công chúa gả cho nó, để đổi lấy sự sanh tồn của trăm họ, sự an toàn của thành trì, và sự thanh bình của quốc gia xã tắc. Bằng

không thì chúng ta không thể tránh được hiểm nguy. Bởi vì trong nước ta hiện nay chỉ có voi, ngựa là bậc giỏi hơn hết. Nhưng chồn kia không những chỉ có voi, ngựa mà còn có cả cọp, beo, sư-tử nữa, thì chúng ta đâu có cách nào địch nổi. Hơn nữa, hễ ngựa, voi nghe tiếng sư-tử rống thì chúng hoảng hốt bỏ mọp kinh hãi khiếp sợ chạy trốn. Như vậy, khi ra trận với chồn, thì thua là điều chắc, chúng ta khó tránh được sự tổn thất tiêu diệt. Chi bằng Bệ-hạ không nên vì tiếc một người mà để cả nước trăm họ phải chịu hậu quả không thể lường được".

Trong lúc nhà vua còn phân vân suy nghĩ chưa biết phải quyết định ra sao, thì có một đại thần từ trước giờ yên lặng, nhưng vốn nổi tiếng là người can đảm, thông minh tài trí xưa nay, đứng lên tâu rằng: "Tâu Bệ-hạ! Hạ thần từng xem sách thánh hiền cổ kim, xưa nay chưa hề thấy công chúa mà đem gả cho loài thú như vậy. Và lại, làm như thế thì còn gì quốc thể kỷ cương của triều đình, còn gì uy quyền cao quý của ngôi vua chí tôn chí thượng!? Tuy hạ thần là kẻ tài sơ trí mọn, nhưng hạ thần này quyết phải giết con chồn hỗn láo kia đi, để giải thoát hiểm nguy cho quốc gia xã tắc, đem lại sự an lành cho bá tánh muôn dân trăm họ, và giải cứu muôn thú bị con chồn quỷ quyết đốn mạng kia không chế".

Trong lúc băng khuâng lo âu chưa biết phải giải quyết cách nào cho thỏa đáng, thì nghe được lời tâu như thế, nhà vua hiện rõ trên sắc mặt nỗi vui mừng hy vọng, liền hướng về vị đại thần kia hỏi: "Vây khanh có kế nào tuyệt diệu, hãy mau nói ra cho Trẫm nghe đi?"

Vị đại thần kia đáp: "Tâu Bệ-hạ! Bệ-hạ cứ phái sứ thần ra định ngày giáp chiến và giao hẹn với con chồn yêu quái kia rằng, nếu ngày lâm trận, chồn để sư-tử đi tiên phong, thì hai bên xáp trận đánh trước rồi sau đó mới cho sư-tử rống. Giao hẹn như thế, con chồn quý quyết kia tưởng mình sợ sư-tử, nó sẽ cho sư-tử đi tiên phong và rống trước khi xáp trận. Khi sư-tử rống lên thì các loài thú của chồn kia đều hoảng hốt mất hồn rối loạn bỏ chạy. Đồng thời trước đó Bệ-hạ nên ra lệnh trong thành dân chúng cũng như voi, ngựa của ta tất cả đều lấy bông gòn nhét lỗ tai thật chặt. Khi nghe sư-tử của chồn rống lên thì ta cho lệnh xung phong tấn công. Như thế là ta sẽ tiêu diệt lũ chồn, cáo kia như trở bàn tay".

Nhà vua nghe vị đại thần tâu xong, không dấu được nổi vui mừng, liền phán rằng: "Hay lắm! Hay lắm! Lời tâu của khanh quả thật là diệu kế. Chí lý lắm!" Không để mất cơ hội tốt, nhà vua liền sai sứ ra định ngày xáp trận với chồn, và căn dặn chồn phải giữ đúng những điều giao ước là: "Sư-tử đi tiên phong xáp trận trước rồi mới được rống sau".

Chồn tâm dạ vốn quỷ quyết, tuy nhận lời giao ước, nhưng không làm đúng những điều ước định. Nên khi voi, ngựa binh lính của nhà vua ra trước cửa thành, dàn trận tề chỉnh để chờ lệnh lâm trận xáp chiến, thì chồn ra lệnh cho sư-tử rống to, với mưu đồ để cho ngựa, voi nhà vua kinh sợ bỏ chạy. Nhưng chồn đâu có biết rằng, nhà vua đã ra lệnh nhét bông gòn kỹ cho voi ngựa trước đó rồi. Vừa nghe tiếng rống vang trời của sư-tử, chính chồn giật mình kinh hãi từ trên lưng voi rớt xuống đất bề tìm gặp mặt chết ngay tại chỗ, không kịp nhắm mắt. Các loài thú theo sau con chồn kia cũng đều kinh hoàng run sợ chạy tứ tán vào rừng. Chỉ trong chốc

lát, không mất người tôn của mà nhà vua thắng trận, giải thoát được hoạn nạn tàn sát của con chồn ác ôn một cách dễ dàng.

Vị đại thần thông minh tài trí hiền kế kia chính là tiền thân Xá-Lợi-Phất. Con chồn đòi cưới công chúa là tiền thân của Đề-Bà Đạt-Đa. Vị vua xứ Ba-La-Nại thời bấy giờ chính là tiền thân của Như-Lai.

**Bài học:** Việc tu học là việc lâu dài, cần dụng công tinh tấn để tránh rơi vào đường tà. Trong câu chuyện trên, ban đầu con chồn nhờ tu tập, nên biết được chút ít đạo lý. Tuy nhiên, khi khởi lên tâm ngã mạn cho rằng mình đắc đạo, thì ngay lập tức rơi vào đường tà. Chính vì thế, nó mới đòi thống lĩnh muôn thú, và còn đòi cưới cả công chúa. Nhưng nhờ tài trí của vị đại thần, đoàn quân của con chồn đã bỏ chạy tán loạn bởi tiếng rống của sư tử. Trên đường tu học, người Phật tử cần kiểm soát tâm mình một cách nghiêm ngặt, duy trì tinh tấn, và tránh cống cao, ngã mạn, cho rằng mình đắc đạo.



## Chim Phượng hoàng

Thuở quá khứ xa xưa, có một kiếp nợ Như-Lai làm chim Phượng-hoàng chúa với năm trăm người vợ đẹp theo hầu hạ, cuộc sống vinh hoa phú quý quyền uy hạnh phúc như thế, tưởng đã êm đềm với ngày tháng trôi qua. Nhưng bỗng một ngày kia Phượng-hoàng chúa bay dạo trên khu rừng già để thưởng ngoạn những hoa thơm trái lạ, chợt thấy một nàng Phượng-hoàng trẻ đẹp sắc xanh da trời với bộ lông tuyệt mỹ, dáng bay dịu dàng, tiếng hót thanh tao, khiến cho Phượng-hoàng chúa khởi tâm đắm sắc, mê mẩn dục tình, bỏ năm trăm vợ hiền trẻ đẹp để theo nàng Phượng-hoàng yêu kiều diễm lệ kia. Nàng Phượng-hoàng trẻ đẹp mới này khó tánh, kén ăn kén ở lại thích chiều chuộng, làm cho Phượng-hoàng chúa phải chiều lòng để cho đẹp dạ nàng. Vì thế, ngày ngày Phượng-hoàng chúa phải bay đi khắp đó đây để tìm những trái cây ngon ngọt thơm tốt đem về để làm đẹp lòng nàng Phượng-hoàng tình nhân.

Lúc bấy giờ Hoàng-hậu thành Vương-Xá đau nặng, nhà vua đã mấy phen cho mời các ngự y, danh y trong nước đến xem bệnh hốt thuốc, nhưng bệnh tình Hoàng-hậu vẫn không thuyên giảm chút nào. Một hôm, Hoàng-hậu bị cơn bệnh hoành hành mê sảng thiếp đi, trong cơn mê sảng chiêm bao thấy có người đến mách rằng, bệnh của lệnh bà chỉ có ăn thịt Phượng-hoàng chúa mới hết, bằng không thì chẳng bao lâu nữa sẽ phải chết. Khi thức giấc, Hoàng-hậu lo sợ khóc lóc đem điềm chiêm bao tâu cho vua nghe. Vua lấy làm lo âu liền triệu tập quần thần để đoán mộng. Các thầy đoán mộng tâu vua rằng: "Nếu căn cứ vào điềm chiêm bao của Hoàng-



hậu, thì chỉ còn có cách là ăn thịt chim Phượng-hoàng chúa, hoàng hậu mới hết bệnh". Thế rồi, nhà vua truyền lệnh rằng: "Ai bắt được chim Phượng-hoàng chúa về dâng lên vua thì sẽ được trọng thưởng ngàn lượng vàng và gả công chúa làm vợ".

Khi lệnh nhà vua vừa truyền ra, các người thợ săn vội vã thi đua nhau đi khắp núi rừng để tìm bắt chim Phượng-hoàng chúa với hy vọng được trọng thưởng và được làm chồng công chúa. Những thợ săn không quản ngại ngày đêm đi lùng tìm, họ dùng đủ trăm phương ngàn kế bủa vây khắp nơi để tìm cách bắt cho được Phượng-hoàng chúa. Chẳng bao lâu, một trong số những thợ săn đã theo dõi biết được tông tích nơi ẩn trú của Phượng-hoàng chúa và nài Phượng-hoàng tình nhân.

Gã thợ săn này biết rằng con Phượng-hoàng chúa không dễ gì bắt được. Trong lúc suy tư tìm phương cách, thì anh ta nghĩ ra một diệu kế, lấy mật và bánh bột nhồi trộn lẫn nhau rồi tự trét lên thân mình anh ta. Đồng thời chọn mua trái cây thơm ngọt gắn dính lên khắp mình anh nhìn như một đống trái cây. Xong rồi, gã thợ săn giả trang ngồi yên bất động trên một cành cây cổ thụ, kiên nhẫn đợi chờ mấy ngày liền.

Bỗng vào một buổi mai khi ánh bình minh vừa rạng chiếu chân trời, chim chóc khắp nơi trên cành cây kẽ lá reo hò thi đua nhau bay đi tìm mồi, thì Phượng-hoàng chúa cũng như mọi ngày bay đi tìm trái cây ngon ngọt cho tình nhân. Khi Phượng-hoàng chúa bay qua đám rừng già, thoát ngửi thấy mùi thơm ngọt thoảng trong gió, liền tìm bay đến chỗ phát ra mùi thơm, lượn mấy vòng trên không

quan sát kiểm tìm. Phụng-hoàng nhìn kỹ thì thấy trên cây cô thụ một đồng trái cây thơm tốt, nên lòng rất mừng rỡ tự nhủ rằng: "Đỡ quá! Sao mà nhiều trái cây ngon ngọt thế này! Từ đây ta sẽ không còn phải mất thì giờ khổ công ngày ngày tìm kiếm trái cây cho người yêu quý của ta nữa!"

Chẳng ngần ngại, Phụng-hoàng đáp nhanh xuống cây cô thụ quán sát một hồi thấy rõ một khối trái cây tươi tốt thơm ngọt. Tin chắc không còn ngại ngần e sợ, Phụng-hoàng liền bay đến đậu trên đồng trái cây, đứng ngay vị trí bả vai của gã thợ săn nguy trang kia, miệng vừa cắn trái cây, chân dính mặt. Nhanh như chớp, gã thợ săn chụp lấy. Phụng-hoàng kinh hãi thét lên mấy tiếng vùng vẫy. Nhưng đã quá chậm rồi. Phụng-hoàng run rẩy van xin: "Ông ơi! Chắc ông đã phải khổ cực lắm mới bắt được tôi. Vì tôi mà ông đã phải ngồi bất động cực nhọc như thế này. Chắc là để đổi lấy điều gì lợi ích lớn lao lắm đây, nên ông mới tốn hao khổ công thế này? Nếu ông chịu thả tôi ra, tôi sẽ dẫn chỉ cho ông một núi vàng. Nơi đó, ông sẽ lấy được nhiều vàng, trở thành giàu sang triệu phú. Còn mạng tôi đây có đáng gì đâu! Xin ông thương xót tha cho".

Gã thợ săn đáp: "Sao lại không đáng? Nhà vua đã hứa rằng, hễ ai bắt được người đem nộp, thì sẽ được thưởng ngàn lượng vàng và được gả công chúa làm vợ. Còn núi vàng kia làm sao bằng công chúa? Bộ người muốn đùa với ta sao chứ?"

Nói xong, kẻ thợ săn trói chặt Phụng-hoàng đem về dâng nộp lên vua. Được chim Phụng-hoàng chúa, nhà vua rất đổi vui mừng, liền truyền lệnh làm thịt nấu cho Hoàng-hậu ăn để hết bệnh. Phụng-hoàng chúa thưa:

"Muôn tâu Thánh-thượng! Thánh thượng là bậc chí tôn trong thiên hạ, ân đức trùm khắp cả bốn phương. Nay vì cứu mạng sống của Hoàng-hậu mà tôi phải hy sinh, thì tôi cũng không lấy gì làm tiếc cái thân mạng hèn hạ này. Nhưng tâu Thánh-thượng, tôi vốn biết bùa phép linh thiêng kỳ diệu, có thể cứu Hoàng-hậu ra khỏi ngặt nghèo mà không cần phải ăn thịt tôi. Nếu Thánh-thượng tin thương, thì xin cho một thau nước, tôi sẽ vẽ thân chú linh phù trong nước rồi đem dâng cho Hoàng-hậu uống và tắm thì bệnh hết ngay. Nhược bằng không hiệu nghiệm, tôi xin chịu tội mất mạng cũng chẳng muộn. Còn nếu Hoàng-hậu lành bệnh, xin Ngài thả tôi về lại với núi rừng".

Nhà vua lấy làm ngạc nhiên, nhưng vẫn nhận lời và ra lệnh cận thần bưng thau nước đến.

Quả đúng như vậy. Sau khi Hoàng-hậu uống và tắm nước linh phù xong, thì cảm thấy mạnh khỏe và sắc diện Hoàng-hậu trở nên trẻ đẹp hơn trước. Nỗi sầu lo ưu buồn của nhà vua và của cả hoàng triều cũng liền theo đó không còn nữa. Được tin Hoàng-hậu bình phục như thường, từ trong thành nội cho đến ngoài nhân gian, khắp mọi cõi lòng tràn ngập nguồn vui.

Sau khi Hoàng-hậu trở nên mạnh khỏe trẻ đẹp hơn xưa, nhà vua vô cùng mừng rỡ và thắm khen tài nghệ thần bí của Phượng-hoàng. Nhà vua muốn giữ Phượng-hoàng ở lại hoàng cung. Nhưng trước đó nhà vua đã hứa thả Phượng-hoàng về với núi rừng, khi Hoàng-hậu lành bệnh. Trong lúc đó, Phượng-hoàng để thử ý nhà vua, xem có con thiết tha cần mình nữa không, nên xin nhà vua giữ lời hứa. Riêng về nhà vua lúc này thì mãi bận vui với

Hoàng-hậu, nên chẳng còn để ý tới Phụng-hoàng nữa.

Trước khi rời khỏi cung vua để bay về núi rừng sống lại cuộc đời mây nước trời cao rừng thẳm bao la, Phụng-hoàng còn tâm với vua lần chót rằng: "Muôn tâm Bệ-hạ! Để trả ơn Bệ-hạ tha sống, xin Bệ-hạ cho phép tôi được đáp xuống hồ sen bán nguyệt đọc thần chú linh phù, để nhân dân trong nước của Ngài nếu ai có bệnh tật mà uống nước hồ này thì cũng sẽ được tiêu trừ". Nhà vua cả mừng bằng lòng ngay. Từ đấy, nhân dân trong nước, hễ ai có bệnh tật gì đến xin lấy nước hồ sen uống thì đều được lành bệnh ngay.

Phụng-hoàng bay đậu trên nóc cung điện bái chào nhà vua và hoàng triều lần cuối trước khi từ biệt. Từ trên nóc cung điện, Phụng-hoàng nói lớn lên rằng:

"Trên đời này có ba kẻ điên: Kẻ thứ nhất là tôi, kẻ thứ nhì là gã thợ săn, và kẻ thứ ba là Bệ-hạ".

Nói xong thấy nhà vua và cả hoàng triều nhìn chằm Phụng-hoàng với dáng điệu ngỡ ngác ngạc nhiên, Phụng-hoàng liền nói tiếp:

"Chư Phật đã từng nói, nữ sắc cắt giết mạng người. Tôi vì mê sắc đẹp của tình nhân mà bội bạc bỏ năm trăm người vợ hiền chung tình ngày đêm săn sóc cho tôi. Tôi vốn là vua của loài Phụng-hoàng, trời cao mây nước vốn là giang sơn của tôi. Thế mà vì nữ sắc, tôi phải ngày ngày đem thân làm tôi mọi đi kiếm tìm thức ăn ngon ngọt để về cung phụng cho một con Phụng-hoàng mái, để đến nỗi phải rơi vào tay gã thợ săn xuyết nữa toi mạng. Ấy là tôi điên.

Còn gã thợ săn kia, tôi đã thật tình khấn khoản chỉ núi vàng cho gã để đổi lấy mạng sống của tôi, để gã trở nên người giàu sang triệu phú. Nhưng gã vì quá ước mơ được lấy công chúa. Lời hứa của đàn bà chẳng khác sương sáng cảnh hoa, mây chiều lãng đãng, có chắc gì đâu? Nghe thì hay ho êm dịu, thấy thì đẹp như hoa nở bướm lượn, nhưng tất cả đều là ảo tưởng huyền mộng, không có gì thật cả. Sự nghiệp danh giá của kẻ nam nhi sẽ lại tan tành trong nháy mắt vì nữ sắc. Như gã thợ săn kia, vì nghe lời hứa của nhà vua, say sưa sẽ được công chúa, mà mất cả núi vàng, mất cả giàu sang và mất cả công chúa. Ấy là kẻ điên thứ hai.

Còn Bệ-hạ được một danh y cứu sống Hoàng-hậu, cứu bệnh tật muôn dân, đem lại sự an lành cho thiên hạ. Ấy thế mà Bệ-hạ để cho danh y ấy ra đi không một lời khấn khoản nài nỉ, không một chút tiếc nuối. Bệ-hạ chỉ biết vui với Hoàng-hậu, sẵn sàng chém đầu bất cứ ai, miễn là được Hoàng-hậu vui vẻ bên vua. Nếu tôi không có thần chú linh phù thì chắc cái đầu tôi cũng bay đi rồi, và giờ này thân tôi đã vào bụng Hoàng-hậu. Thế có phải Bệ-hạ là kẻ điên thứ ba không?"

Nói xong, Phượng-hoàng cất cánh bay cao vào khoảng trời mây bao la cao rộng xanh biếc.

Thuật câu chuyện xong, đức Phật nói với đại chúng rằng: "Người thợ săn trong mẩu chuyện mà ta mới vừa kể chính là tiền thân của Đề-Bà Đạt-Đa. Còn Hoàng-hậu đòi ăn thịt chim Phượng-hoàng kia chính là tiền thân vợ của Đề-Bà Đạt-Đa ngày nay. Nhà vua thuở đó chính là tiền thân của Xá-Lợi-Phất. Chim Phượng-hoàng chính là tiền thân của Như-Lai đây vậy".

Đức Phật còn nói tiếp, thưở ấy, tui đọa làm thân súc sanh, nhưng ta đã phát tâm tu BỒ-Tát hạnh, hành BỒ-Tát đạo với tâm từ bi hỷ xả cứu độ thế nhân. Chẳng qua vì một niệm mê đắm sắc dục mà ta đã phải lụy thân làm kiếp con Phượng hoàng.

**Bài học:** Không nên đắm mê sắc dục, bởi đó là nguyên nhân của khổ đau và nhiều tai nạn trong cuộc sống. Ái dục dễ làm con người mê đắm và sa đọa, trôi lăn trong nhiều kiếp luân hồi. Nhưng bản chất của ái dục thì vui ít, khổ nhiều, và chẳng mấy khi được thỏa mãn. Người tu học cần “thiểu dục, tri túc”, tránh xa các cám dỗ của ái dục để có thể an ổn, và đạt được chân hạnh phúc, giải thoát. Trong câu chuyện trên, cả chim Phượng hoàng, gã thợ săn và nhà Vua đều là nạn nhân của ái dục, dẫn đến trí tuệ mê mờ và hành động không sáng suốt (được chim Phượng hoàng ví như 3 kẻ điên). Vì vậy, người tu cần tránh xa ngũ dục (tài, danh, sắc, thực, thù), đặc biệt là sắc dục là thứ dễ khiến con người ta điên đảo và trầm luân sanh tử.



## Con nai Diêm lành

Thuở xưa, tại nước Ma-kiệt-đà, trong thành Vương Xá, một vị vua Ma-kiệt-đà đang trị vì. Lúc ấy, Bò-tát ra đời làm con nai, lớn lên và ở trong rừng với đàn nai một ngàn con. Bò-tát sanh được hai con nai, tên là Diêm lành và Diêm xấu. Khi đã già, Bò-tát nói với hai con:

- Nay con thân, ta nay đã già, các con hãy coi sóc đàn nai.

Rồi Bò-tát giao năm trăm nai cho mỗi con. Từ đây về sau, hai con nai ấy chăm sóc đàn nai.

Trong nước Ma-kiệt-đà, vào mùa lúa chín, khi lúa trở đầy, có nhiều nguy hiểm cho đàn nai. Với mục đích giết hại những con thú ăn lúa, dân làng đào hầm hố, cắm chông, bày bẫy đá, đặt bẫy sập và các loại cạm bẫy khác. Nhiều con nai bị nạn phải chết.

Bò-tát biết là thời lúa chín trở đầy, cho gọi hai con lại và nói:

- Nay con thân, nay là thời lúa chín trở đầy, nhiều con nai đã gặp nạn. Ta nay đã già sẽ dùng bất cứ phương tiện nào để ở lại một chỗ. Còn các con hãy đem đàn nai của các con, ẩn vào những con đường núi đá trong rừng, đợi khi lúa gặt hái xong, sẽ trở về lại!

Chúng vâng theo lời dạy của cha, ra đi với đàn nai tùy tùng. Dân làng biết được con đường của chúng đi. Trong thời này, các con nai leo núi; trong thời này, chúng xuống núi, nên họ ẩn núp tại các chỗ kín, đây đó dọc đường, để bắn và giết chúng vô số.

Con nai Diêm xấu, với sự ngu si của mình, không biết thời nào nên đi, thời nào không nên đi, cứ đem đàn nai đi sáng, chiều, khi chạng vạng, khi rạng đông, ngang qua cửa làng. Và các nông dân hoặc lộ liễu hoặc ẩn núp chỗ này chỗ kia giết chúng, khiến nhiều con nai gặp nạn. Như vậy, với sự ngu si của mình, nai Diêm xấu làm cho nhiều con nai gặp nạn, số còn lại đi vào rừng với nó rất ít.

Con nai Diêm lành nhờ có trí, thông minh, thiện xảo, biết thời nào nên đi, thời nào không nên đi, nó không đi ngang qua cửa làng, không đi ban ngày, không đi lúc hoàng hôn, khi rạng đông, mà chỉ đem đàn nai đi vào lúc nửa đêm. Do vậy, không một nai nào gặp nạn, và chúng cùng nó đi vào rừng. Chúng sống bốn tháng tại đây khi lúa đã được gặt hái, mới xuống núi.

Nai Diêm xấu, trên đường về, lặp lại hành động ngu si trước, khiến những con nai còn lại gặp nạn, một lần nữa, chỉ có một mình nó trở về. Con nai Diêm lành không làm một nai nào bị nạn, cùng với năm trăm nai vây quanh, đi về với cha mẹ. Khi Bò-tát thấy hai con đi về, nghĩ về đàn nai, liền nói lên bài kệ này:

*Con người có giới hạnh  
Được phần thưởng đón mừng,  
Xem nai Diêm lành về,  
Cầm đầu chúng bà con,  
Hãy xem Diêm xấu này  
Với bà con hủy diệt.*

Như vậy, Bò-tát đón mừng hai nai con, sống tại đây cho hết tuổi thọ rồi đi theo nghiệp của mình.



Sau khi thuyết pháp thoại này xong, so sánh hai câu chuyện, và kết hợp chúng với nhau, Ngài kết luận với sự nhận diện Tiền thân như sau:

- Thời ấy, con nai Điem xấu là Đê-bà-đạt-đa, đoàn tùy tùng của nó là đoàn tùy tùng của Đê-bà-đạt-đa; con nai Điem lành là Xá-lợi-phất; nai mẹ là mẹ của La-hầu-la và nai cha là Ta vậy.

**Bài học:** Là người lãnh đạo cần phải có trí tuệ và khéo léo để bảo vệ các thành viên của mình. Trong chuyện trên, con nai Điem lành nhờ thông minh, khéo biết thời nên đã bảo vệ được đàn nai của mình một cách an toàn, trong khi đó, con nai Điem xấu vì ngu si, lại không biết thời điểm thích hợp, nên đã dẫn dắt đàn nai của mình gặp hết tai nạn này đến tai nạn khác, và gây thiệt hại cho cả đàn. Trong cuộc sống ngày nay, chúng ta cần khéo biết chọn người lãnh đạo tài giỏi, sáng suốt, và biết vì lợi ích của số đông thì tổ chức, xã hội, hay quốc gia sẽ hưng thịnh và phát triển.



## Chuyện gió thổi

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo Sư kể về hai Tỷ-kheo xuất gia đã lớn tuổi. Truyền thuyết kể rằng, tại quốc độ Kosala, họ sống tại một khu rừng, một trưởng lão tên Tối, và một trưởng lão tên là Sáng. Một hôm, Tối hỏi Sáng:

- Thưa Tôn giả, thời nào gọi là lạnh?

Sáng nói:

- Trong thời tối trăng.

Một hôm, Sáng hỏi Tối:

- Thưa Tôn giả, thời nào gọi là lạnh?

Tối nói:

- Trong thời sáng trăng.

Cả hai không thể tự giải quyết sự phân vân, bèn đi đến bậc Đạo Sư, đánh lễ Ngài rồi hỏi:

- Bạch Thế Tôn, thời nào gọi là lạnh?

Bậc Đạo Sư, lắng nghe câu chuyện của họ xong, liền nói:

- Nay các Tỷ-kheo, thuở xưa, Ta đã trả lời câu hỏi này cho các ông. Do nhiều đời sống chất chứa, nên các ông nhận định không rõ ràng nữa.

Nói xong, bậc Đạo Sư kể câu chuyện quá khứ.

\*

Một thời dưới chân núi, một con sư tử và một con hổ làm bạn với nhau, cùng ở trong một cái hang. Lúc bấy giờ, Bồ-tát xuất gia làm một ẩn sĩ, cũng ở dưới chân núi ấy. Một hôm, một cuộc tranh cãi khởi lên giữa hai con vật ấy về vấn đề lạnh. Con cọp nói

trời lạnh trong thời mặt trăng tối. Con sư tử lại nói trời lạnh trong thời mặt trăng sáng. Chúng không thể tự giải quyết sự phân vân, bèn đến hỏi Bồ-tát. Ngài giải thích trời lạnh là do có gió thổi, mà không liên quan gì đến trời sáng hay tối, rồi nói lên bài kệ:

Nếu là tối hay sáng  
Khi nào có gió thổi,  
Có gió thổi, trời lạnh  
Cả hai, không ai thua.

Như vậy, Bồ-tát giải hòa đôi bạn.

\*

Thuyết pháp thoại này xong, Ngài thuyết giảng Bốn Sự thật. Cuối bài giảng ấy, hai vị Trưởng lão chứng quả Dự lưu. Sau khi kết hợp hai chuyện, bậc Đạo Sư kết luận với sự nhận diện Tiền thân:

- Lúc ấy, con cạp là Sáng, con sư tử là Tối, còn Ta là người khổ hạnh đã trả lời câu hỏi.

**Bài học:** Người tu cần hiểu biết chính xác nguyên nhân của những sự việc, hiện tượng trong cuộc sống. Như câu chuyện trên, vì cố chấp nên 2 thầy tỳ kheo cho rằng nguyên nhân của trời lạnh là do sáng hay tối. Nhưng thực ra, nguyên nhân của trời lạnh là do có gió thổi. Người học Phật cần tu tập để có trí tuệ và nhìn nhận căn nguyên gốc rễ của sự việc mà không bị thành kiến hay cố chấp che mờ.



## Đồ ăn cúng người chết

Thuở xưa, khi vua Brahmadata đang trị vì ở Ba-la-nại, một Bà-la-môn thông hiểu ba tập Vệ-đà, một danh sư nổi tiếng bốn phương, muốn cúng dường đồ ăn cho người chết, cho bắt một con dê và bảo các đệ tử.

- Này các con thân, hãy dẫn con dê này đến sông, tắm cho nó, đeo vòng hoa ở cổ nó, cho nó ăn lúa độ nửa đấu, chải chuốt cho nó rồi đem nó lại đây.

Các đệ tử vâng lời, dắt dê đến sông, tắm cho nó, chải chuốt cho nó, rồi để nó đứng trên bờ sông. Con dê ấy thấy được việc của mình đã làm từ đời trước, suy nghĩ: "Hôm nay, ta sẽ được thoát đau khổ", vì vậy nó cảm thấy sung sướng, cười lớn tiếng như đập bễ cái ghè, lại nghĩ: "Bà-la-môn này, khi giết ta, sẽ chịu nỗi đau khổ của ta thuở trước", nó khởi lòng thương hại người Ba-la-môn và khóc lớn tiếng. Các thanh niên ấy hỏi nó:

- Này bạn, bạn cười lớn tiếng rồi khóc lớn tiếng. Vì nhân gì bạn cười, vì nhân gì bạn khóc?

- Hãy hỏi câu hỏi này trước mặt thầy các ông!

Họ đem con dê ấy đi, và báo cáo cho thầy biết. Vị thầy nghe câu chuyện, hỏi con dê:

- Này dê, sao ngươi lại cười và sao ngươi lại khóc?

Con dê nhờ trí biết được đời trước, nhớ đến việc đã làm của mình, và nói với Bà-la-môn:

- Này Bà-la-môn, thuở trước, giống như ông, ta là một Bà-la-môn học giỏi các chú thuật, muốn cúng dường đồ ăn cho người chết, đã giết một con dê để cúng dường. Vì giết chỉ một con dê, ta bị chém đầu

trong bốn trăm chín mươi chín lần sống chết. Nay là lần thứ năm trăm sống chết cuối cùng của ta. Hôm nay, ta sẽ thoát khỏi sự đau khổ ấy. Nghĩ vậy, ta cảm thấy sung sướng, do nhân duyên này ta cười. Còn ta khóc, vì ta nghĩ rằng chỉ vì giết một con dê, ta phải chịu khổ hình chặt đầu đến năm trăm lần. Hôm nay ta sẽ thoát cái khổ ấy. Nhưng Bà-la-môn này, vì giết ta, sẽ như ta chịu khổ hình chặt đầu trải năm trăm đời sống. Vì thương xót ông, nên ta khóc.

- Nay dê, chớ sợ, ta sẽ không giết ngươi!

- Nay Bà-la-môn, ông nói gì thế? Dầu ông có giết ta hay không, hôm nay ta cũng không thể thoát chết!

- Nay dê, chớ sợ, ta sẽ bảo vệ ngươi, sẽ cùng đi với ngươi!

- Nay Bà-la-môn, nhờ nhoi thay là sự bảo vệ của ông và mạnh bạo thay là nghiệp ác ta làm!

Vị Bà-la-môn nói với các đệ tử: “Thả con dê ra!”

Và cùng với các đệ tử, vị Bà-la-môn đi theo con vật. Con dê vừa được thả, vươn cổ lên, đến bụi cỏ mọc sau lưng tảng đá ấy, và bắt đầu ăn lá cỏ. Liên khi ấy, sét đánh trên lưng tảng đá ấy, một mảng đá bị đánh vỡ, rơi trên cổ con dê đang vươn ra và chặt đứt đầu. Nhiều người qui tụ lại xem.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát sanh làm vị thần cây tại chỗ ấy. Với uy lực của vị thần, Bồ-tát ngồi kiết-già trên hư không, trên đại chúng đang đứng nhìn, và suy nghĩ: "Những chúng sanh này, nếu biết được kết quả của việc ác như vậy, sẽ không làm ác nữa!" Rồi với âm thanh dịu ngọt, Ngài thuyết pháp qua bài kệ:

*Nếu chúng sanh biết được  
Sự này sanh đau khổ,*

*Hữu tình sẽ không còn  
Giết hại hữu tình nữa,  
Vì ai giết hữu tình,  
Sẽ phải sầu, phải khổ.*

Như vậy, bậc Đại Sĩ thuyết pháp khiến cho mọi người sợ hãi địa ngục. Và nhiều người nghe bài thuyết pháp ấy, biết sợ hãi địa ngục, nên từ bỏ sát sanh. Bỏ-tát thuyết pháp xong, an trú quần chúng vào Ngũ giới, rồi về sau đi theo nghiệp của mình. Còn quần chúng, an trú trong lời khuyên của Bồ-tát, sau khi làm các phước đức được sanh lên thiên giới, làm tràn đầy thành phố chư Thiên.

**Bài học:** Không nên sát sanh, đặc biệt là sát sanh để tế lễ hay cúng dường cho người chết. Như thế không những là việc mê tín mà còn tạo tội ác sẽ phải đọa lạc trong nhiều kiếp luân hồi. Như câu chuyện trên, tiền thân của con dê là một người Bà la môn vì giết dê để cúng tế mà phải bị đọa làm thân dê chịu khổ sở suốt 500 kiếp. Vì vậy, trong năm giới của người Phật tử tại gia (không sát sinh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, và không uống rượu), giới không sát sanh là đứng đầu, vì vi phạm giới này sẽ tạo nghiệp xấu, và chịu khổ sở nhiều kiếp trong tương lai.



## Chuyện con chó

Thuở xưa, khi vua Brahamadatta đang trị vì ở Ba-la-nại, Bò-tát do duyên hành động lợi ích cho bà con như vậy, được sanh làm con chó đầu đàn rất thông minh, sống trong một nghĩa địa lớn với đàn chó hàng trăm con vây quanh.

Một hôm, vua ngự lên xe được trang hoàng đẹp đẽ, được kéo bởi những con ngựa Sindh giống quý, đi đến khu vườn, trọn ngày vui chơi tại đây, và khi mặt trời lặn, vua mới trở về thành. Yên cương của xe vẫn mắc vào xe, và quân hầu để xe trong sân hoàng cung trọn đêm. Ban đêm, trời mưa, yên cương bị ướt. Các con chó nhà vua thuộc nòi giống tốt, từ trên lầu đi xuống, nhai ăn da và dây cương chiếc xe ấy. Hôm sau, họ báo cáo với vua:

- Thừa Thiên tử, từ những miệng cống chui vào, các con chó đã nhai ăn da và dây cương chiếc xe.

Vua nổi giận, ra lệnh giết tất cả chó mà họ thấy được. Từ đấy trở đi, khởi lên tai nạn lớn cho loài chó. Chúng chạy trốn vào nghĩa địa và đến bên cạnh Bò-tát. Bò-tát hỏi:

- Các con tụ họp đông ở đây vì duyên cớ gì?

Chúng đáp:

- Trong nội thành, da và dây cương của chiếc xe vua bị chó nhai ăn. Vua tức giận ra lệnh tàn sát chúng con. Nhiều anh em con bị giết hại. Cuộc khủng bố lớn đã khởi lên.

Bò-tát suy nghĩ: "Tại một chỗ được bảo vệ như vậy, các con chó ở ngoài không có cơ hội để vào. Đây là việc làm của đàn chó giống tốt trong nội cung. Nay những con có tội không gặp việc gì, còn những con

vô tội lại bị giết. Ta hãy cho vua thấy những con chó có tội kia và cứu mạng sống cho bà con vô tội của ta.

Bồ-tát an ủi:

- Các con chớ sợ, ta sẽ làm cho các con hết sợ hãi. Hãy chờ ở đây cho đến khi ta yết kiến nhà vua.

Rồi ngài hướng tâm đến các Ba-la-mật, đặt hạnh từ bi lên hàng đầu, ngài nguyện: "Không một ai dám quăng đá hay gây để hại ta". Rồi Bồ-tát một mình đi vào thành.

Sau khi ra lệnh sát hại các con chó, vua ngồi một mình trong pháp đình. Bồ-tát đi đến đây, nhảy thẳng đến dưới chỗ ngồi của vua. Các người hầu cận của vua cố gắng hết sức đuổi ra, nhưng vua ngăn lại. Bồ-tát nghỉ một lát, từ dưới ghé đi ra, đánh lễ vua rồi hỏi:

- Có phải Đại vương sai giết hại các loài chó?

- Phải, chính ta.

- Lỗi của chúng là gì, thưa bậc nhơn chủ?

- Chúng nhai ăn đồ da phụ tùng và dây cương ở xe của ta!

- Ngài có biết những con nào đã ăn đồ da không?

- Ta không biết.

- Không biết những con chó nào đã ăn đồ da, lại ra lệnh giết, như vậy không phải lẽ, thưa Đại Vương.

- Vì các con chó đã ăn đồ da ở xe ta, nên ta ra lệnh tàn sát tất cả con chó thấy được.

- Các người của ngài giết tất cả chó hay có tha chết một số chó?



- Những con chó nòi giống tốt trong cung của ta được khỏi chết!

- Tâu Đại vương, vừa rồi ngài nói ra lệnh giết tất cả con chó mà họ thấy được vì chúng đã ăn đồ da ở xe của ngài. Nhưng nay ngài lại nói những con chó giống tốt trong cung của ngài được khỏi chết! Sự việc là vậy, ngài đã thực hành theo bốn sở hành vô lý: thiên vị, ghét bỏ, ngu si và sợ hãi. Hành động vô lý như vậy là không chính đáng, không phải là phép vua. Vì vua, trong khi xử kiện, cần phải giống như cán cân. Nay các con chó nòi giống tốt được khỏi chết, còn các con chó yếu đuối lại bị giết. Sự việc như vậy, thì đây không phải sự giết hại không thiên vị tất cả loài chó mà chỉ là sự giết hại các loài chó yếu đuối thôi!

Nói xong, bậc Đại Sĩ, với âm thanh dịu ngọt bảo vua:

- Tâu Đại vương, sở hành của ngài không phải là công lý.

Rồi thuyết pháp cho vua, Bồ-tát đọc bài kệ này:

*Những con chó lớn lên  
Trong cung điện nhà vua,  
Thuộc loài nòi giống tốt,  
Có dung sắc, sức mạnh,  
Chúng khỏi bị giết hại.  
Chỉ chúng tôi bị giết.  
Đây không giết tất cả;  
Chỉ giết kẻ yếu hèn.*

Nghe Bồ-tát nói, vua bèn hỏi:

- Nay chó hiền trí, người có biết ai đã ăn da ở xe ta không?

- Vâng, tôi có biết

- Ai đã ăn?

- Chính những con chó nòi giống tốt trong cung của ngài!

- Làm thế nào biết được chúng đã ăn?

- Tôi sẽ nêu rõ chính chúng đã ăn.

- Nay chó hiền trí, hãy nói rõ đi.

- Hãy cho gọi các con chó nòi giống tốt trong cung của ngài, cho đem một ít nước sữa và cỏ dabba đến đây.

Vua làm theo lời yêu cầu. Rồi bậc Đại Sĩ nói:

- Hãy cho nghiền nát cỏ này trong nước sữa và cho những con chó ấy uống.

Vua làm theo như vậy. Khi đang uống, các con chó liền nôn ra những miếng da.

- Ôi! Thật giống như đức Phật toàn tri xử kiện!

Vua reo mừng, liền tỏ lòng tôn kính Bồ-tát bằng cách dâng cúng cái lọng trắng. Nhưng Bồ-tát thuyết pháp cho vua với mười câu kệ về pháp hành, mở đầu với câu:

- Hãy hành Chánh pháp! Thừa bậc Đại vương thuộc dòng Sát-đế-ly, từ nay trở đi, Đại vương chớ phóng dật!

Sau khi khuyên nhà vua giữ Năm giới, Bồ-tát trả lại vua cái lọng trắng.

Nghe lời bậc Đại Sĩ thuyết pháp, vua tha chết cho mọi loài chúng sanh, rồi ra lệnh cung cấp cho tất cả loài chó, bắt đầu từ Bồ-tát, cơm ăn thường xuyên

giống như thức ăn của vua. Tuân theo lời Bồ-tát khuyến giáo cho đến trọn đời, vua làm các phước đức như bố thí, giữ giới v.v..., vì vậy sau khi mạng chung, vua sanh lên cõi trời. Lời "Khuyến giáo của con Chó" tồn tại đến mười ngàn năm. Còn Bồ-tát sống đến hết thọ mạng, rồi đi theo nghiệp của mình.

Thời ấy, nhà vua là Ananda, hội chúng của đức Phật là bảy chó hiền lành, còn con chó hiền trí là Như Lai vậy.

**Bài học:** Là người lãnh đạo cần giữ được đạo công bằng, bởi một quyết định của người lãnh đạo sẽ gây ảnh hưởng tốt/ xấu lên rất nhiều người. Trong câu chuyện trên, nhà vua đã không công bằng khi ra lệnh sát hại tất cả những con chó trong thành vì nghi chúng ăn da ở xe của vua, nhưng lại không đụng đến những con chó quý tộc. Nhờ tài trí của Bồ tát, mà nhà vua đã tìm ra thủ phạm chính là những con chó quý tộc, và trả lại công bằng cho các con chó trong thành. Sau khi nghe theo lời con chó Bồ tát, nhà vua đã làm nhiều việc tốt, nhờ đó mà tăng trưởng phước đức và mang lại nhiều lợi lạc cho bản thân và thân dân trăm họ. Vì vậy, việc tu dưỡng đạo đức, và làm nhiều việc lành nên là bài học cho mọi nhà lãnh đạo trên thế giới.



## Đôi bạn thân thiết

Thuở xưa, khi vua Brahmadata trị vì ở Ba-la-nại, Bò-tát làm vị đại thần. Lúc ấy, một con chó đi đến chuồng con voi báu và ăn những vắt cơm rơi tại chỗ con voi báu ăn. Dần dần, con chó đã trở thành thân thiết với con voi báu, và thường ăn gần con voi. Cả hai không có nhau không thể sống được. Con chó thường nắm lấy vòi con voi, và chơi đùa bằng cách đưa qua đưa lại.

Một hôm, một người ở làng cho tiền người nài, và đem con chó ấy về làng của mình. Từ đó về sau, không thấy con chó, con voi bỏ ăn, bỏ tắm. Người nài báo việc ấy lên vua rõ. Vua cho gọi Bò-tát đến: “Này bậc Hiền trí, hãy đi tìm hiểu lý do gì con voi làm như vậy”.

Bò-tát đi đến chuồng voi, biết được con voi rất buồn nản, tự nghĩ: "Thân thể con vật này không tỏ lộ bệnh gì. Có thể nó có tình bạn thân thiết với ai đó, và vì không thấy bạn, nó trở nên sầu muộn.

Bò-tát hỏi người nài:

- Con voi này có thân thiết với ai không?
- Thưa ngài, nó có tình bạn thân thiết với con chó.
- Con chó ấy nay đâu rồi?
- Có một người dắt nó đi rồi.
- Chú có biết chỗ ở của người ấy không?
- Thưa Ngài, tôi không biết.

Bò-tát đi tâu với vua:

- Thưa Thiên tử, con voi không có bệnh gì. Nhưng nó có tình bạn thân thiết sâu đậm với con chó. Nay không thấy bạn, nên nó không ăn.

Nói xong, Bò-tát đọc bài kệ:

*Một miếng, nó không ăn,  
Không nuốt cơm và cỏ,  
Tôi nghĩ vì con voi  
Thường thấy bạn, con chó,  
Cho nên nó luyến ái  
Con chó ấy, bạn mình.*

Vua nghe lời Bò-tát nói liền hỏi:

- Thưa bậc Hiền trí, nay phải làm gì?

- Thưa Thiên tử, hãy cho người đánh trống và tuyên bố như sau: “Con chó, bạn con voi báu của nhà vua, bị người bắt lấy đem đi. Nhà nào có con chó ấy, nhà đó sẽ bị trừng phạt!”.

Vua làm theo lời khuyên này. Nghe được tin, người ấy liền thả con chó ra. Con chó lập tức chạy thật mau đến gần con voi. Con voi vừa lấy vùi đặt con chó lên trên đầu trán mình vừa mừng rỡ khóc lớn và đặt nó từ đầu trán xuống, để con chó ăn trước, rồi mình ăn sau.

- Ngay cả tâm hướng của loài vật, vị ấy cũng biết!

Vua nói vậy và tặng cho Bò-tát danh vọng lớn.

**Bài học:** Tình bạn giữa con voi và con chó trong câu chuyện trên thật đáng quý. Bởi vậy, cần giữ gìn và trân trọng những tình bạn đẹp, nó sẽ làm cuộc sống của ta thêm ý nghĩa. Câu thành ngữ “một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ” quả không sai.



## Cây Hồng Phượng vĩ

Ngày xưa, dưới triều Brahnadatta, vua ở Ba-la-nại, Bồ-tát sinh ra là một con Ngỗng vàng và khi lớn lên, ngài sống trong một cái hang vàng trong núi Cittakùta thuộc vùng Tuyết Sơn và thường đến ăn lúa hoang mọc ở trên một cái hồ thiên nhiên. Trên con đường ngài vẫn thường qua lại có cây Hồng Phượng vĩ (Judas) lớn. Cứ mỗi bận đi và về, ngài đều dừng nghỉ tại đó. Vì thế, một mối tình bạn nảy sinh giữa ngài và vị Thần sống trong cây ấy.

Thế rồi có một con chim nọ, sau khi ăn trái chín của cây đa, đến đậu trên cây Hồng Phượng vĩ và rút phân vào nhánh chĩa của cây ấy. Sau đó, một cây đa con mọc lên nơi ấy, cao tới một tấc và rục rĩ với những chồi đỏ, lá xanh. Ngỗng chúa thấy thế liền bảo với Thần giữ cây:

- Này Hiền hữu, hễ cây nào bị chồi đa mọc đều bị hủy diệt vì chồi ấy lớn lên. Chớ để cho nó lớn lên, nếu không nó sẽ phá hủy chỗ ở của bạn đây. Hãy trở về ngay, nhổ nó lên và ném nó đi. Ta phải dè chừng thứ gì tỏ ra đáng nghi ngại.

Nói với Thần cây như thế xong, Ngỗng đọc bài kệ đầu:

*Ngỗng này nói với cội Ju-das:  
Chồi của cây đa bám bạn kia,  
Vật bạn vẫn nuôi trong bụng ấy  
E rồi sẽ xé bạn toi ra.*

Nghe như vậy, vị thần cây không chú ý đến những lời ấy, đọc bài kệ thứ hai:

*Để nó lớn lên tôi sẽ là  
Nơi nương tựa của một cây đa.*

*Tôi sẵn sóc nó, tình cha mẹ,  
Phước lạc cho tôi, nó tỏ ra.*

Thế rồi Ngỗng đọc bài kệ thứ ba:

*Sợ rằng đây là mầm tai ách  
Sâu tận trong lòng, bạn vẫn nuôi.  
Từ biệt bạn thôi, tôi bay vút,  
Hỡi ơi, nó lớn, bực lòng tôi!*

Nói xong những lời kia, Ngỗng chừa dang rộng cánh và bay thẳng về núi Cittakùta. Từ đó, Ngỗng không quay lại nữa. Thế rồi cây đa lớn lên. Cây này cũng có vị Thần cây đổ xuống cùng với một cành. Bấy giờ nghĩ lại những lời của Ngỗng chúa, vị Thần cây tự bảo: "Vua của loài ngỗng đã thấy được mối nguy hại sắp tới và báo cho ta biết nhưng ta chẳng nghe lời vị ấy". Sâu than như thế, Thần đọc bài kệ thứ tư:

*Quý hung cao tợ núi Tu-di  
Đã đẩy ta vào cảnh khôn nguy;  
Lời bạn Ngỗng kia ta miệt thị,  
Giờ đây ta ngập nỗi sầu bi.*

Như vậy cây đa khi lớn lên làm đổ nguyên cả cây Hồng Phượng vĩ xuống, làm cho nó chỉ còn trơ một gốc và chỗ ở của vị Thần cây bị tiêu mất hẳn.

*Người khôn sinh sợ loài tâm gửi  
Chèn nghệt vật chi nó bám mình,  
Bậc trí dè chừng nguy có đại,  
Diệt ngay rễ trước lúc mầm sinh.*

**Bài học:** Không nên xem thường những gì nhỏ bé. Câu chuyện này, cây Hồng phượng vĩ đã xem thường một nhánh đa tâm gửi nhỏ, nên khi nó lớn lên đã làm cây Hồng phượng vĩ bật gốc. Phật dạy,

có 4 thứ nhỏ bé nhưng không được xem thường, đó là: đóm lửa nhỏ, con rắn nhỏ, hoàng tử nhỏ, và sa di nhỏ. Bởi, người/vật nhỏ sẽ là mầm mống cho những thứ lớn hơn mai sau. Đóm lửa nhỏ có thể thiêu đốt cả cánh rừng, con rắn nhỏ có thể giết chết con bò lớn, hoàng tử nhỏ sau này trở thành vua có thể ảnh hưởng đến cả đất nước, sa di nhỏ nếu tu hành đắc đạo có thể mang lại an lạc cho nhiều người. Bởi thế, kinh thường dạy “chớ xem thường việc thiện nhỏ mà không làm, chớ xem thường việc ác nhỏ mà phạm phải” là vậy.





## Con khỉ xấu tính

Ngày xưa, khi Brahmadata là vua xứ Ba-la-nại, Bồ-tát là một Thần cây ở trong rừng. Bấy giờ là mùa mưa, mỗi lần mưa thường kéo dài tới bảy ngày. Một con Khỉ nhỏ bé mặt đỏ sống trong một cái hang đá, tránh được mưa.

Một hôm, nó đang ngồi trước cửa hang, khô ráo và rất sung sướng. Bấy giờ một con Khỉ mặt đen to lớn, ướt đầm đìa, rã rời vì lạnh, nhìn thấy nó, rồi tự nghĩ: "Làm sao ta có thể đuổi anh bạn kia để sống trong hang của nó nhỉ?"

Thế rồi nó trương bụng ra, làm như thể mới được ăn no một bữa thịnh soạn, nó dừng lại trước con Khỉ mặt đỏ kia và đọc bài kệ đầu:

*Sung đã chín trên cây ngon đẹp,  
Khỉ nhà ta được dịp no nê.  
Cùng ta đến đó ăn đi,  
Bạn ơi, nào phải sợ gì đói đâu?*

Khỉ mặt đỏ nghe thế liền tin ngay. Nó muốn có những trái cây ấy để ăn. Vì vậy nó ra đi, sẵn đây, kiếm đó, vẫn chẳng thấy trái cây nào. Thế là nó quay trở về, và bây giờ con Khỉ mặt đen đã ngồi trong hang rồi! Khỉ mặt đỏ quyết đánh lừa con kia, nên đến trước nó đọc bài kệ thứ hai:

*Hạnh phúc thay kẻ nào cảm phục  
Và tôn sùng những bậc niên cao,  
Tôi đây hạnh phúc làm sao!  
Bao nhiêu trái ấy ăn vào thỏa thuê!*

Con Khỉ mặt đen nghe vậy liền đọc bài kệ thứ ba:

*Người Hy Lạp gặp nhau sinh chiến,  
Khỉ gặp nhau, ngữi chuyện mưu xa,  
Dù cho trẻ nọ tinh ma,  
Đời nào lừa bắt chim già được đâu.*

Khỉ mặt đỏ biết rằng không thể đánh lừa khỉ mặt đen để dành lại hang. Thế là con Khỉ mặt đỏ đành bỏ đi nơi khác.

**Bài học:** Trong cuộc sống cần phải biết tinh táo, tránh bị lòng tham xui khiến, nên dễ bị người khác lừa gạt. Ở trên, con khỉ mặt đỏ vì tham được ăn trái sung mà bỏ nơi tốt đẹp đang ở, và bị con khỉ mặt đen chiếm lấy hang. Ngoài ra, trong cuộc sống không nên tham lam và dùng mưu kế để chiếm đoạt tài sản của người khác như con khỉ mặt đen ở trên, vì làm ác thì tất sẽ gặt hái những quả báo xấu ác trong tương lai.



## Chuyện chó sói giữ giới

Ngày xưa, khi Brahmadata là vua xứ Ba-la-nại, Bồ-Tát sinh làm Thiên chủ Sakka (Đế Thích). Bấy giờ có một con Chó Sói sống trên một phiến đá cạnh bờ sông Hằng. Nước lũ mùa đông tràn tới, vây quanh phiến đá. Con Chó Sói nằm trên phiến đá, chẳng có gì để ăn và cũng chẳng có cách nào để kiếm đồ ăn cả. Nước cứ dâng lên, và Chó Sói tự nghĩ: "Đây chẳng có đồ ăn, cũng chẳng có cách gì kiếm được đồ ăn. Ta nằm đây, chẳng biết làm gì cả. Tốt hơn ta nên giữ ngày trai giới (Bồ-tát). Thế là nó quyết định giữ ngày trai giới. Nó nằm xuống, trang trọng quyết giữ giới luật. Đế Thích trong lúc suy xét thấy sự quyết định yếu đuối của con sói. Ngài tự nghĩ: "Ta sẽ quấy phá con Sói kia". Rồi ngài hóa thành một con Dê rừng, tới đứng gần cho con Sói trông thấy.

"Đề hôm khác rồi ta giữ ngày trai giới!" - Sói nghĩ vậy khi nhìn thấy dê. Nó đứng lên và vồ lấy Dê. Nhưng Dê liền nhảy tránh nên Sói không chộp được nó. Sói thấy rằng nó không thể bắt con vật kia được, nó chẳng biết làm gì hơn đành quay trở về, nằm xuống lại và tự nghĩ: "Được rồi, dù sao ngày trai giới của ta vẫn không bị phá".

Bấy giờ, Đế Thích, do thần lực bay lên không và nói:

- Quá thiếu cương quyết như ngươi thì làm sao giữ được ngày trai giới? Ngươi đã không biết ta là Đế Thích và ngươi đã muốn một bữa thịt dê!

Sau khi chế nhạo, khiển trách Sói xong, Đế Thích quay về thiên giới

*Chó Sói nọ chuyên bắt sống thú  
Làm bữa ăn với máu thịt kia.  
Một lần phát thành nguyện ra,  
Giữ ngày trai giới quyết là chẳng sai.*

*Thần Đê Thích biết ngay chuyện ấy  
Hóa thành dê đến đây thử coi.  
Sói kia khát máu vô môi,  
Hạnh liền ném mắt, quên lời nguyện ngay.*

*Người trên thế gian này cũng vậy,  
Định việc mà chẳng thấy sức mình,  
Sai đường mục đích chẳng thành,  
Như khi Sói nọ thấy hình Dê kia.*

**Bài học:** Phật khuyên các đệ tử tại gia nên tập trai giới (ăn chay) mỗi tháng vài ngày để nuôi dưỡng lòng từ bi. Việc giữ gìn trai giới cần phải được nỗ lực một cách nghiêm túc, không nên lấy lý do gì đó mà vi phạm. Nhiều Phật tử hay ăn chay “đụng”, nghĩa là không cương quyết để giữ được giới ăn chay cho trọn ngày, người đó nên học bài học của con chó sói ở trên. Tu như vậy thì bao giờ mới thành chánh quả. Cần nhớ đến lời quả trách của Đê Thích mà tinh tấn giữ giới cho trọn vẹn.



## Chuyện con cua

Ngày xưa, có một làng Bà-la-môn tên là Sàlindiya ở phía đông thành Vương Xá. Bò-tát được sinh ở ngôi làng ấy trong một gia đình Bà-la-môn làm ruộng. Khi lớn lên ngài lập nghiệp và canh tác trang trại khoảng 8000 mẫu trong một huyện ở nước Ma-kiệt-đà về phía Đông Bắc làng ấy.

Ngày kia ngài cùng gia nhân ra đồng bảo họ cày cấy xong, ngài đi đến một ao lớn cuối cánh đồng để rửa mặt. Trong ao ấy có một con Cua màu vàng óng ả, xinh đẹp, khả ái.

Bò-tát bước xuống ao sau khi xĩa răng. Khi ngài rửa miệng, con Cua đến gần, ngài liền nhấc con Cua lên và đặt nó nằm trong áo khoác ngoài. Sau khi làm việc đồng áng xong, ngài đặt con Cua xuống ao như cũ và đi về nhà. Từ đó mỗi lần ra đồng, ngài thường đến ao ấy trước tiên, đặt Cua lên áo ngoài rồi ra đi làm việc. Vì thế một tình cảm tin cậy thắm thiết nảy sinh giữa người và vật. Ngày ngày Bò-tát vẫn đi làm ruộng đều đặn.

Bảy giờ trong mắt ngài có năm vẻ đẹp và ba vòng tròn trong vắt. Một con Quạ cái trên cây thốt nốt ở góc cánh đồng trông thấy mắt ngài, muốn ăn chúng, bèn bảo Quạ đực:

- Này chàng, em có một điều ước.
- Nàng ước chuyện gì?
- Em ước được ăn đôi mắt của một vị Bà-la-môn.
- Điều ước của nàng thật chẳng hay ho tí nào. Ai có thể lấy đôi mắt ấy cho nàng chứ?

- Em biết chàng không thể lấy được, song ở tổ kiến gần cây này có một con Rắn hồ đen, chàng hãy đến hầu hạ nó, rồi nó sẽ cắn vị Bà-la-môn để giết ông, sau đó chàng mổ mắt ông ra và mang về cho em.

Quạ đực đồng ý, sau đó nó đến hầu hạ con Rắn hồ. Con Cua cũng to lớn dần vào thời hạt giống do Bồ-tát gieo đã nảy mầm.

Một hôm con Rắn bảo Quạ:

- Nay bạn, bạn luôn phục vụ tôi, vậy tôi có thể làm gì cho bạn?

- Thưa Tôn ông, nữ tỳ của ngài đã mang niềm ao ước có được đôi mắt của vị chủ đám ruộng này. Tôi đến hầu hạ ngài chỉ cốt hy vọng nhờ ngài ban ân lấy cho được đôi mắt ấy.

Rắn bảo:

- Được lắm, việc ấy không khó, bạn phải được đôi mắt kia.

Con Rắn còn khích lệ con Quạ như thế.

Hôm sau, con Rắn nằm đợi vị Bà-la-môn đến, nó ẩn mình dưới đám cỏ, cạnh bờ ruộng ngài sắp bước tới. Bồ-tát xuống ao rửa miệng, cảm thấy môi thân ái với con Cua, nên ôm lấy nó đặt vào áo ngoài ra đồng.

Con rắn thấy ngài đến liền lao tới cắn vào bắp vế ngài khiến ngài ngã xuống ngay tại chỗ, rồi nó trốn trong tổ kiến. Sự kiện Bồ-tát ngã xuống đó, con cua vàng nhảy ra khỏi áo và con quạ sà xuống đậu trên ngực Bồ-tát diễn ra liên tiếp nhau.

Con quạ vừa đậu xong, liền lấy mỏ chụp đôi mắt Bồ-tát. Con cua suy nghĩ: "Chính vì con quạ này

mà hiểm họa đã xảy đến với vị thân hữu của ta. Nếu ta kẹp lấy nó thì con rắn sẽ bò tới". Vì vậy con của kẹp ngay cổ quạ với chiếc còng xiết chặt như thể gọng kềm, khiến nó mệt phải nói lỏng ra đôi chút. Con quạ cầu cứu con rắn:

- Này bạn, tại sao bỏ rơi tôi mà chạy trốn? Con của này phá hại tôi. Hãy đến ngay trước khi tôi chết mất.

Rồi quạ ngâm vần kệ đầu:

Một chú còng vàng với mắt lồi,  
Ở hồ, trần trụi, bọc xương mai,  
Chụp tôi, nghe tiếng tôi kêu thét  
Sao bỏ bạn thân quý mến ngài?

Con rắn nghe tiếng, giương mào rộng bò đến an ủi con quạ. Lúc đó, cua dùng chiếc còng còn lại tấn công ngay chú rắn bò. Con của mệt mỏi nói lỏng quạ ra đôi chút, con rắn suy nghĩ: "Loài cua chẳng hề ăn thịt quạ hay rắn, vậy vì lý do gì con của này chụp chúng ta?" Rồi nó ngâm vần kệ hỏi cua:

Chẳng phải vì lo kiếm miếng mồi  
Mà Cua bắt Rắn, Quạ trên trời,  
Mắt lồi hãy nói cho tôi biết  
Sao chú lại kèm kẹp chúng tôi?

Nghe vậy, cua ngâm hai vần kệ giải thích lý do:

Ngài đem ta tự dưới ao kia,  
Bày tỏ ân cần, quý mến ta,  
Nếu chết, thời ta đây khổ não,  
Ngài và ta, chỉ một thôi mà.

\*

Thấy ta nay đã lớn lên dần,  
Ai nấy đều mong giết hưởng phần:

Cua mập ngọt ngon đầy mỹ vị,  
Nhìn ta, Quạ muốn xé tan thân.

Nghe vậy rắn suy nghĩ: "Ta phải dùng mưu kế lừa nó, rồi ta và quạ thoát thân". Vì thế nó ngậm vằn kẹ như sau để lừa cua:

Nếu Cua kẹp Rắn, Quạ vì ngài,  
Ta sẽ rút chất độc ấy thôi,  
Ngài tỉnh dậy, mau tha Rắn, Quạ,  
Thấm sâu chất độc, ắt tàn đời.

Nghe vậy, cua suy nghĩ: "Con rắn này muốn làm cho ta thả cả hai ra bằng mưu kế lừa bịp rồi bỏ chạy, nó không biết tài năng khôn khéo của ta. Nay ta muốn nói càng đôi chút để con rắn có thể nhúc nhích, nhưng ta sẽ không thả con quạ này". Rồi nó ngậm vằn kẹ đáp lời:

Ta thả Rắn, không thả Quạ đây,  
Con tin là Quạ buộc nơi này,  
Ta không thả nó đi nơi khác,  
Cho đến khi an ổn với ngài.

Nói xong cua nói lỏng càng để cho rắn bò đi tự do. Con rắn thu hồi nọc độc và thân thể Bò-tát thoát khỏi nọc rắn. Ngài đứng dậy vững vàng trong sắc thái tự nhiên.

Lúc đó, con cua suy nghĩ: "Nếu hai con vật này bình an, chắc chắn bạn thân của ta không được thịnh vượng. Ta muốn giết cả bọn chúng", rồi lấy càng chà nát đầu con quạ cho chết đi.

Con quạ mái liền bay đi trốn mất khỏi chỗ ấy. Bò-tát lấy gậy đâm qua mình rắn và ném vào bụi, để cua vàng bò xuống ao nước rồi tắm rửa và trở về



Sàlindiya. Từ đây tinh thần hữu càng thắm thiết hơn giữa ngài và con cua ấy.

Khi Pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo Sư tuyên thuyết các Sự Thật và nhận diện Tiền thân qua những vần kệ cuối cùng:

Con Rắn hổ là chính Ác ma,  
Đề-bà-đạt, ấy Quạ đen kia,  
A-nan thiện hạnh là Cua nọ,  
Điền chủ La-môn ấy chính Ta.

**Bài học:** Ở đời cần nhớ luật nhân quả, “làm lành gặp lành, làm ác gặp ác”. Trong câu chuyện này, vị điền chủ Bà la môn đã giúp đỡ con cua, nên đã được cua trả ơn, và được cua bảo vệ mình trong lúc gặp hoạn nạn. Con quạ và con rắn mưu đồ việc ác, nên cuối cùng phải chuốc lấy tai họa, mất mạng.



## Chú sâu xấu xí

Nó không có khái niệm gì về sự đẹp xấu của cơ thể nó cho đến một hôm nó nghe thấy tiếng la thát thanh của một bé gái “mẹ ơi! ghê quá ... mẹ ơi, con sợ”. Khi đó nó không tin là người ta sợ nó.

Nó nghĩ chắc cô bé đó sợ một cái gì khác, nhưng mẹ của cô bé đã dùng cây hắt nó đi nơi khác. Bị tung lên không trung rồi rơi xuống đất. Nó thấy cơ thể nó rã rời, đau đớn. Nhưng vẫn không đau đớn bằng khi nó biết nó xấu xí, và mọi người ghê sợ. Nó bò đi trong cô đơn, buồn tủi và cuộn tròn thân lại ở một góc cây.

Sáng hôm sau, nó cảm thấy cơ thể đôi khủng khiếp, đói đến nỗi nó có thể ăn hết một chiếc lá trong vòng vài phút. Thế là nó bò lên cây, bò ra những nhánh nơi có những chiếc lá non ngọt, mềm. Nó ăn nhiều lắm, và nó lớn rất nhanh. Sau cái lần nó bị hắt tung lên cao, nó thấy mình có một mặc cảm là xấu xí, là dễ sợ. Vì vậy nó dễ dàng phản ứng và làm đau khổ bất cứ ai đến gần mà vô tình chạm phải nó. Nó không muốn làm người khác sợ, nó không muốn ai phải xa lánh khi gặp nó cả. Nhưng chính sự mặc cảm đang lớn dần trong nó ngăn nó đến với mọi người và ngăn mọi người đến với nó.

Thần tượng của nó là những chú bướm xinh đẹp. Nó say mê, chiêm ngưỡng những chú bướm không chỉ vì đôi cánh đẹp rực rỡ mà còn vì sự bình an, nhẹ nhàng toát lên từ những gì bên trong, xa thẳm. Bỗng trong nó xuất hiện một ước muốn lớn lao. Nó muốn trở thành một chú bướm. Nó muốn có được sự bình an, nhẹ nhàng và tự do bay lượn đến những phương trời cao rộng mà nó hằng mong ước.

Nó cũng muốn có được vẻ đẹp ít ra là hơn hình dáng của cơ thể nó bây giờ. Nó không dám mơ ước là nó sẽ đẹp như những chú bướm, vì mặc cảm xấu xí trong nó hãy còn quá lớn.

Sau khi ăn xong vài chiếc lá, nó nằm yên và thiếp ngủ đi. Trong giấc ngủ nó nghe có ai đó đang gọi nó. Nó căng mình thức dậy. Bên cạnh nó là một chú bướm đang đứng âu yếm nhìn nó. Nó hạnh phúc lắm vì hôm nay nó được thấy thần tượng của nó – Một chú bướm xinh đẹp. Trong giây phút ngỡ ngàng đó nó không nói được gì. Nó chỉ yên lặng và ngắm nhìn.

- “Anh muốn thông báo cho em một tin vui. Tổ tiên của chúng ta đã nhận được những lời ước của em, và đã cử anh đến để hướng dẫn em đi tiếp lộ trình còn lại.” Chú bướm nhẹ nhàng nói với nó. Nó rất ngạc nhiên khi nghe chú bướm nói từ “tổ tiên của chúng ta”. Nó hỏi: “Ý anh là ... ?”

Dường như hiểu được điều nó muốn hỏi, nên chú bướm ôn tồn nói tiếp.

- “Đúng vậy, em và anh cùng một nguồn. Trước đây anh cũng từng trải qua những khổ đau, mặc cảm như em bây giờ. Anh từng bị người ta xa lánh, hắt hủi. Anh cô đơn, thậm chí có khi anh nghĩ mình sẽ tìm đến cái chết, hoặc sống một đời sống buông thả như những chú sâu ở các vùng tối, nơi luôn có những tiếng nhạc vang rền của dế đêm, và tận hưởng những cảm giác lâng lâng tuyệt đỉnh của những chiếc lá say. Nhưng em biết không? Anh đã may mắn nhận ra được con người đích thực của mình. Anh đã may mắn thấy được con đường. Vẻ đẹp đích thực sẽ không đến từ những gì hào nhoáng bên ngoài. Nó đến từ bên trong, bên trong những

tâm hồn đẹp, trong sáng và thánh thiện. Và con đường chuyển hóa là con đường đã từng giúp anh có được vẻ đẹp và sự bình an như ngày hôm nay. Con đường đó không dành riêng cho anh, mà nó dành cho tất cả mọi người, cho những ai muốn đạt đến một vẻ đẹp đích thực và toàn vẹn”.

- “Vậy anh hãy chỉ cho em cách để đi trên con đường đó đi”.

- “Chỉ cho em con đường, đó cũng chính là lý do mà anh có mặt với em hôm nay. Con đường chuyển hóa là con đường tìm lại với chính mình, đối diện với tất cả những khó khăn, khổ đau và bế tắc của bản thân, để thấy được những nguyên nhân gây ra những khổ đau đó và tìm cách chuyển hóa chúng”.

Những lời chia sẻ của chú bướm về một con đường đã giải tỏa cho nó rất nhiều những bế tắc, giúp cho nó thấy được một hướng đi. Nó đã làm một cái kén và chui vào trong đó. Giờ đây nó đang ở trong kén. Nó ở trong kén không phải là để trốn tránh mọi người, mà nó muốn dành trọn thời gian còn lại để đối diện với chính nó, để thấy cho rõ mặt mũi đích thực của nó. Nó thấy mình có rất nhiều chuyển hóa khi ở trong kén. Thời gian yên tĩnh khi ở trong kén đã cho nó rất nhiều bình an, nhưng nó cũng cần phải phá bỏ luôn chiếc kén để đạt được niềm bình an và vẻ đẹp toàn vẹn. Đó là những gì mà chú bướm đã dặn nó trong những giây phút cuối cùng trước khi bay đi. Ở đầu kén đã xuất hiện một lỗ nhỏ. Chỉ còn một giai đoạn cuối cùng này thôi là nó sẽ lột xác, và một chú bướm xinh đẹp xuất hiện. Bỗng đâu đó có tiếng hát vang lên:

*Chú sâu xấu xí kia  
Chú bướm xinh đẹp này*

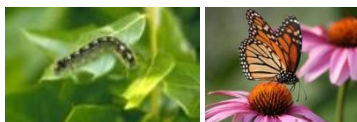
*Tuy hai mà lại một  
Cuộc đời ôi lạ thay*

Rồi từ từ nó cũng vượt qua giai đoạn cuối cùng. Nó tung đôi cánh sắc sỡ nhiều màu lượn ba vòng xung quanh chiếc kén. Nó bay lên cao rồi hạ xuống thấp như thể nó đang cảm ơn đất trời đã tạo ra sự hiện hữu màu nhiệm của nó.

“Mẹ ơi! Có chú bướm xinh đẹp đang đậu trên hoa phong lan kìa. Con thích quá! Mẹ dừng lại cho con xem chút đi”. Nó nghe rất rõ những lời mà cô bé đang nói với mẹ. Nó biết giờ đây cô bé không còn sợ nó nữa và nó cũng sẽ không bị hất tung lên không trung như lần trước. Vì vậy nó đã đậu trên nhánh phong lan một cách bình an và nhìn cô bé mỉm cười. Rồi nó lại nghe thấy tiếng hát ở đâu đó vọng lại thêm lần nữa:

*Em đừng sợ sâu nhé  
Sâu sẽ hóa bướm thôi  
Cũng như khổ đau vậy  
Mang hạnh phúc cho đời.*

**Bài học:** Chú sâu xấu xí của ngày hôm qua cũng chính là chú bướm xinh đẹp của ngày hôm nay. Thành ngữ có câu « tốt gỗ hơn tốt nước sơn » để chỉ đến tầm quan trọng của cái đẹp bên trong. Không nên mặc cảm về vẻ bề ngoài, mà mỗi người nên cố gắng hoàn thiện bản thân, trau dồi đạo đức, trí tuệ, để một ngày nào đó, ta có thể chuyển hóa những tập khí phiền não thành an lạc, hạnh phúc, như chú sâu xấu xí hóa thành bướm xinh đẹp.



## PHẦN D –PHẬT PHÁP ỨNG DỤNG



## Chim con về với Phật

Chú tiểu Minh nhặt được chú chim con lúc chiều khi đang cúng thí thực. Con chim run rẩy sà xuống như chiếc lá khô rơi rụng trong buổi chiều tà. Nó cùng bầy với lũ chim được phóng sanh hồi sáng này. Nhưng lại quá kiệt sức nên không thể bay xa được. Động lòng, chú mang chim về liêu mình để chăm sóc và cho ăn.

Buổi tối lên ngòai học kinh trên giảng đường, chú tiểu mang chim để trên bàn, nơi có ngọn đèn ne-on toả sáng. Hơi ấm của ánh đèn làm cho bộ lông chim khô ráo, và ánh mắt của nó trở nên linh hoạt hơn đôi chút.

Chú tiểu nhìn vào quyển kinh ngâm nga đọc, nhưng mắt cứ cụp xuống, gật gù. Bỗng chú giật mình khi nghe có tiếng chim hót. Mà không, hình như chim đang nói. Một giọng nói thật nhỏ nhẹ mà rõ ràng:

- Chú tiểu ơi! Tôi là loài chim sẻ ra đời chưa bao lâu mà đã bị bắt lui bắt tới đã bao lần rồi. Sáng nay khi được thả, tôi yếu quá nên không thể bay ra khỏi cổng chùa. Nhưng ở đây tôi có thể an tâm vì không sợ bị bắt lại nữa.

Thấy chú tiểu có vẻ ngạc nhiên, chim lại nói tiếp:

- Chú tiểu ở chùa nên không hiểu hết mọi chuyện ở bên ngoài cuộc đời đâu. Tôi và các anh chị mình cùng được sanh ra bên bìa rừng, cạnh một làng quê yên ả. Khi chúng tôi vừa chập chững biết bay liền rơi ngay vào một mẻ lưới của mấy tay chuyên bẫy chim đem bán. Tôi may mắn trôi dạt về tận chợ chim trên thành phố. Sau nhiều ngày bị nhốt chặt

chội, một hôm có người đến mua chúng tôi đem về chùa nhờ mấy thầy tụng kinh chú nguyện. Sau đó thì được sổ lồng cho bay đi. Khi được tự do tung cánh trên bầu trời, tôi định bay về nơi cánh rừng xưa, để mong sống lại với những cảm giác thân thương của thuở mới lọt lòng. Nhưng trời đất bao la, giữa chốn thị thành muôn lối, tôi không còn tìm thấy dấu lối về quê cũ xa tít mù sương khói, nên đành ở lại làm một kẻ tha hương. Vậy mà...hỡi ơi! Dòng đời là một trò cạm bẫy khôn lường. Một sinh vật nhỏ bé lạc bước như tôi lại dễ dàng sa chân vào những chiếc lưới giăng ra cách sân chùa không bao xa. Tôi bị săn bắt đem bán, rồi được mang đến sân chùa nhiều lần làm vật phóng sanh cầu thọ cho người. Nhờ được nghe quý thầy tụng kinh thuyết giảng mà dần dần tôi thoáng hiểu ra rằng: Đạo Phật là đạo từ bi cứu khổ. Phật vì muốn trừ tai ách cho chúng sanh nên dạy họ tu phước. Người có tín tâm thì hết lòng làm lành, cứu giúp sinh linh. Và cũng có những người chuyên lợi dụng niềm tin của kẻ khác để mưu cầu lợi lộc cho mình. Vậy thì tôi xin hỏi chú tiểu câu này: Như tôi đây bỗng trở thành chiếc cầu nối cho người tu phước và tạo tội, vậy rốt cuộc tôi là kẻ có tội hay có phước?

Bị hỏi bất ngờ, tiểu Minh hơi lúng túng, giây lâu chú mới trả lời:

- À... điều này theo như tôi được biết thì... à... vào thời Phật chưa có tục phóng sanh, nên Phật chỉ nói đến việc giữ giới chớ nên giết hại sanh mạng dù là những loài vật nhỏ nhít. Làm việc phước lành không gì hơn là cứu độ muôn sinh. Và thế là lệ phóng sinh bỗng trở nên một nhu cầu cấp thiết cho người tu cầu phước thọ sau này. Làm phước thì được phước, tạo tội thì chịu tội. Chuyện nhân quả



trong kinh Phật đều có nói rõ. Còn như chim nói mình có phước hay tội. Theo tôi nghĩ: khi thọ thân súc sanh là đã mang lấy tội nghiệp từ nhiều đời rồi. Nhưng nay chim được đến chùa, được nghe tụng kinh, lại hiểu rõ tội phước, đó cũng là gieo chút duyên lành giải thoát cho ngày sau. Tôi chỉ có hiểu chừng đó thôi... còn gì nữa thì để tôi đi hỏi sư phụ rồi sẽ trả lời cho chim sau nhé!

Chim thờ dài, thều thào:

- Tôi đâu còn sống để đợi chú đi hỏi sư phụ. Có điều tôi cũng tự nhận biết rằng: Dù đời sống ngắn ngủi. Thân này lại mang nhiều tội nghiệp. Nhưng loài súc sanh như tôi vẫn có quyền và những giá trị riêng của nó. Ít nhiều chúng tôi đã khơi dậy chút từ tâm nơi lòng người và giúp họ có được một niềm tin sâu sắc vào những điều làm phước tu thiện. Còn với ai vì cuộc sống nên phải lợi dụng niềm tin của người cùng sự vụng dại của những con vật nhỏ bé này, thì tôi cũng có góp phần giúp họ trong việc tồn tại mưu sinh. Một bên vì đời sống tâm linh. Một bên vì nhu cầu hiện tại. Ai cũng tìm thấy mục đích thiết thực của mình. Như vậy tôi cũng làm được điều lợi ích cho đời, cho người. Tội phước đâu vô hình. Nhưng tôi vẫn tin là phước này sẽ diệt được tội chướng kia. Thế nên hôm nay tôi mới được trở về nơi đây, được chết trong niềm tin chánh đạo.

Chú tiểu chợt tỉnh dậy khi nghe có tiếng động vang lên từ bên ngoài. Trời đêm tĩnh lặng. Ngọn đèn điện vẫn toả sáng một góc phòng. Và trên bàn học, chú chim sẽ đã chết tự bao giờ. Trong giấc chiêm bao chập chờn, câu chuyện về tội phước chưa cạn lời, nhưng chim ắt sẽ hài lòng ra đi trong sự nhẹ nhàng

thanh thân. Chú chim con đã về với Phật. Tiểu Minh khẽ nói và thầm chú nguyện cho nó.

Những lời nói của chú chim con, dù chỉ thoáng qua trong giấc mộng, cũng giúp cho tiểu Minh hiểu sâu hơn về sự sống của muôn vật. Một sinh vật dù bé bỏng cũng mong muốn được sống chan hoà, cùng góp sức vươn lên một cách hoàn thiện. Khi lòng người luôn biết hướng đến những điều tốt đẹp vì hạnh phúc của muôn loài, thì thế giới này sẽ không còn cảnh nòi da nầu thịt, ý mạnh hiếp yếu, cây lớn hiếp bé. Từ đó mà nhân sinh cùng vạn vật được chung sống trong niềm an lạc vô biên, đầy tình yêu thương đùm bọc lẫn nhau.

**Bài học:** Câu chuyện trên về tâm sự của chú chim phóng sinh giúp chúng ta hiểu về nhân quả tội phước trong cuộc đời. Nếu chúng ta làm việc gì với tâm ý trong sạch thì sẽ có phước báu, còn nếu làm việc gì với tâm ý nhiễm ô, sẽ mang lại tội về sau. Người phóng sinh được phước vì muốn mang lại tự do cho chim, còn người bẫy chim để bán thì mang tội vì sinh sống bằng nghề nghiệp không chơn chánh. Tuy nhiên, việc mua chim phóng sinh vô tình đã tạo ra nhu cầu, và động cơ cho người bẫy chim để bán. Vì vậy, cũng gián tiếp gây tội. Chính vì vậy, ngày nay, nhiều chùa không khuyến khích phóng sinh, mà khuyến khích Phật tử nên nuôi dưỡng sự sống. Chúng ta cần biết tôn trọng sự cân bằng sinh thái và yêu quý thế giới tự nhiên.



## Thầy Tỳ kheo với con ngỗng

Một Thầy Tỳ kheo mang bình bát ghé một nhà giàu có để khát thực. Bà chủ nhà đang trò chuyện vô ý đánh rơi chiếc nhẫn xuống sàn nhà. Lúc đó có một con ngỗng đi qua và nuốt ngay chiếc nhẫn vào bụng. Khi chủ nhà biết mất chiếc nhẫn liền hỏi Thầy Tỳ kheo có thấy rơi chỗ nào không, nhưng Thầy Tỳ kheo vẫn im lặng không trả lời.

Sanh nghi Thầy Tỳ kheo nhạt và giấu chiếc nhẫn quý nên chủ nhà nhiếc mắng thậm tệ và đánh đập, nhưng Thầy Tỳ kheo vẫn im lặng chịu đau không nói gì cả.

Một lúc sau người nhà báo tin con ngỗng tự nhiên ngã ra chết. Bấy giờ Thầy Tỳ kheo mới chậm rãi nói rằng:

- Hồi nãy tôi thấy con ngỗng nuốt chiếc nhẫn của bà chủ. Chủ nhà cho người mổ ruột ngỗng và quả nhiên tìm thấy được chiếc nhẫn đã bị mất.

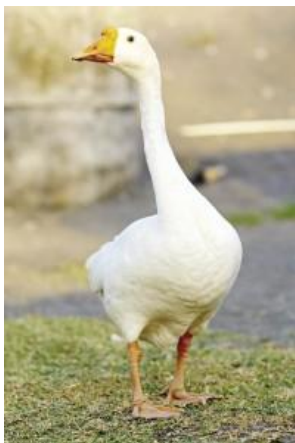
Quá hồi hận, chủ nhà liền sụp lạy Thầy Tỳ kheo và lễ phép thưa rằng:

- Trước đây Thầy thấy con ngỗng nuốt chiếc nhẫn, tại sao Thầy không cho con biết, con hỏi nhiều lần Thầy vẫn im lặng đến nỗi con xúc phạm đến thế, mà Thầy vẫn không trả lời?

Thầy Tỳ kheo chậm rãi nói:

- Thà tôi bị nhiếc mắng, bị đánh đập mà giữ được đạo hạnh chứ nếu tôi nói cho bà biết thì con ngỗng sẽ bị sát hại, việc ấy không bao giờ kẻ tu hành dám làm.

**Bài học:** Người tu hành cần phải lưu ý đến lời nói và hành động của mình, tránh làm hại đến bất kỳ ai hay vật nào. Trong câu chuyện trên, thầy tỳ kheo vì nguyên tắc “bất hại” mà chấp nhận chịu bị mắng chửi oan, để tránh gây hại cho con ngỗng. Câu chuyện cũng dạy chúng ta về bài học tránh nóng vội, dẫn đến hồ đồ, nghi oan cho người khác như người chủ nhà trên đây. Khi không có chứng cứ rõ ràng, không nên nghi oan, và làm tổn hại đến người khác. Đôi khi hành động nóng nảy, sân hận nhất thời sẽ gây ra hậu quả đáng tiếc, mà về sau có ân hận hay chuộc lỗi cũng không kịp nữa.



## Chuyện con bò

Thuở đó ở thành Xá-vệ, người cha của một gia chủ nọ qua đời. Người con bị nỗi ưu phiền hành hạ và cứ khóc than mãi. Trong khi kẻ ấy đi lang thang như một người điên, ông thường hỏi bất cứ kẻ nào ông gặp: “Thế người có thấy cha tôi chẳng?” Không ai có thể xoa tan nỗi ưu phiền của ông cả.

Nhưng trong lòng ông, như một ngọn đèn ở trong cái chai, đang bùng lên một khả năng đột xuất hướng về Nhập lưu đạo. Trong lúc bậc Đạo Sư đang quán sát thế gian vào buổi sáng, Ngài thấy điều kiện chắc chắn này và suy nghĩ: “Đưa đến cho người này quả Dự Lưu thật là thích hợp sau khi kẻ ấy đã kể lại sự việc quá khứ và dẹp bỏ sâu bi”.

Vì thế ngày hôm sau, Ngài đi khát thực về, liền cùng một Tỷ-kheo trẻ đến cửa nhà vị kia. Khi nghe bậc Đạo Sư đã đến, người ấy bước ra đón Ngài. Khi bậc Đạo Sư đã an tọa, vị gia chủ nói:

- Bạch Thế Tôn, Ngài có biết cha con đã đi về đâu rồi không?

Bậc Đạo Sư hỏi vị ấy:

- Nay cư sĩ, ông hỏi về cha ông ở đời này hay đời trước?

Khi nghe những lời này, nỗi buồn của vị ấy dịu bớt: “Ta có rất nhiều cha trong quá khứ” và vị ấy đã lấy lại được đôi chút thanh thần. Rồi bậc Đạo Sư thuyết một bài giảng ngắn, giúp vị ấy thoát được nỗi ưu phiền, rồi trở về nơi cư trú của Ngài. Sau đó chư Tỷ-kheo bắt đầu pháp thoại về câu chuyện này.

Khi vừa đến nơi, bậc Đạo Sư hỏi:

- Này chư Tỷ-kheo, chư vị đang bàn luận gì khi ngồi tụ tập ở đây?

Chư vị kể lại vấn đề. Ngài đáp:

- Không phải chỉ giờ đây ta mới xua tan nỗi ưu phiền của người kia, trong đời quá khứ nỗi ưu phiền của kẻ ấy cũng đã được tiêu trừ. Và theo lời thỉnh cầu của chư vị, Ngài kể câu chuyện đã xảy ra thời trước.

Thuở xưa tại thành Ba-la-nại, người cha của một gia chủ từ trần. Bị sàu bi trấn áp, vị ấy đập ngực than khóc và cung kính đi quanh đàn hỏa thiêu. Con trai vị ấy là *Sujàta*, một nam tử thông minh lanh lợi, đầy đủ trí tuệ tối thượng, đang suy xét một phương cách xua tan nỗi ưu phiền của cha, chợt thấy ngoài kinh thành một con bò chết, chàng liền đặt phía trước nó một ít nước và cõ chàng vừa đem tới nơi. Chàng đưa con bò một nắm cỏ, vừa ra lệnh như thể con bò đang sống, vừa đứng cạnh đó, chàng nói: “Ăn đi, ăn đi, uống đi, uống đi!”.

Khi người qua đường thấy chàng, họ nói:

- Này *Sujàta*, chú có điên không mà đưa cỏ với nước cho con bò chết?

Nhưng chàng không hề đáp lại lời nào. Vì thế dân chúng tìm đến cha chàng và bảo ông:

- Con trai ông đã nổi điên nên đưa cỏ và nước cho một con bò chết.

Khi vị gia chủ nghe việc này, nỗi ưu phiền về thân phụ liền mất đi. Lòng lo âu, vị ấy vội vàng đến trách cậu con trai:

- Con chẳng còn là *Sujàta* thông minh, lanh lợi và có trí tuệ nữa ư? Tại sao con lại đưa cỏ và nước cho một con bò chết?

*Sujàta* ngâm các vần kệ sau đáp lời:

*Bốn chân này với chiếc đầu này,  
Với cái đuôi và thân thể đây,  
Đôi mắt là đây còn đủ cả,  
Con bò phải đứng dậy lên ngay!*

*Song đôi tay với cả đôi chân,  
Thân thể và đầu tóc của ông,  
Nay chúng ở đâu, nào chẳng thấy,  
Khóc than đóng đất, phải cha khùng?*

Người cha đáp:

*Lòng ta quả thực nóng bừng  
Giống như sữa lạc đổ trong lửa đào,  
Nay vừa được tưới nước vào,  
Và làm tiêu tán biết bao khổ sầu.*

*Quả con nhỏ mũi tên đau  
Nổi sâu kia đã cắm sâu vào lòng,  
Con xua mọi nỗi đau buồn  
Vì cha thương tiếc phụ thân của mình.*

*Tâm ta đã được an bình,  
Nỗi buồn dứt bỏ trong mình từ nay,  
Ta không khóc nữa giờ đây,  
Sau khi nghe những lời này, con thân.*

*Vậy là các bậc trí nhân,  
Đầy lòng lân mẫn ân cần thiết tha  
Xua tan sầu não cho ta  
Như *Su-jà* với cha già giờ đây.*

Rồi người cha đi gọi đầu, ăn uống và tham gia công việc của mình bình thường trở lại. Khi từ trần, vị ấy tái sinh Thiên giới.

**Bài học:** Khi đối diện với nỗi khổ, niềm đau do mất người thân, con người dễ rơi vào suy sụp và đánh mất lý trí. Cần tập quán xét sâu sắc về giáo lý của Phật, như: đời là bể khổ, muôn pháp vô ngã, vòng luân hồi sanh tử, và lẽ vô thường của kiếp người... Khi đó, tâm con người sẽ trở nên định tĩnh hơn, lý trí có thể hoạt động và giúp họ vượt thắng được những cảm xúc tiêu cực, sâu bi trong cuộc đời.





## Con dao trong tâm

Ngày xưa ở thành Xá Vệ nước Ấn Độ, đức Phật đến hóa độ cho một gia đình kia, hai vợ chồng đều có tánh tham lam độc ác, không biết tôn trọng đạo đức. Ngài liền hóa thành một vị đạo nhân, mang bình bát đến khất thực.

Lúc ấy người chồng đi vắng, người vợ ở nhà, thấy vị đạo nhân vào liền mắng chửi ầm lên. Vị đạo nhân liền từ nói: “Tôi là người tu hành, chỉ xin ăn mà tự sống. Lòng chỉ mong gia chủ cho bát cơm để đỡ lòng, có sao lại mắng chửi tôi đủ điều thậm tệ như vậy”.

Người vợ tức giận hét ngược lên, thì vừa lúc ấy người chồng về, trong tay sẵn cầm con dao bén, chẳng nói chẳng rằng, người chồng lạng lẽ xông tới, định chém vị đạo sĩ.

Bỗng một bức thành bằng pha lê hiện lên, bao bọc người đạo sĩ, bức thành trong sáng, kiên cố, không có cửa, người chồng đến xô đập, đâm chém đủ cách cũng không sao chuyển được.

Người chồng liền nói: “Ông hãy mở cửa mau cho tôi vào với”.

Vị đạo sĩ trả lời: “Được, nhưng ông hãy quăng con dao bén đi đã”.

Người chồng tự nghĩ: “Mình to lớn như thế này, còn người đạo sĩ bé nhỏ thế kia, mình dùng hai tay không cũng đủ giết chết vị ấy”. Nghĩ đoạn, liền quăng con dao bén đi xa. Nhưng sao bức thành pha lê vẫn nguyên như cũ, người chồng tức giận hét lên:

“Tôi đã quăng con dao bén đi rồi sao ông không chịu mở cửa cho tôi vào”.

Vị đạo sĩ đáp: “Không, tôi không nói ông quăng con dao bén trong tay ông, tôi muốn ông quăng con dao bén trong tâm ông kia mà”.

Người chồng giật mình kinh sợ, nhận thấy vị đạo sĩ thấu hiểu tâm lý thâm kín của mình, nên đã bớt độ ác, cúi đầu lạy tạ, ăn năn hối lỗi. Khi đó, bức thành pha lê kiên cố ấy bỗng biến mất, vị đạo sĩ hiện thành đức Phật, phóng muôn ánh hào quang chói sáng rực rỡ một phương trời. Sau đó, đức Phật thuyết pháp để hoá độ cho hai vợ chồng người ấy.

**Bài học:** Bản chất của việc tu học được tóm tắt trong mấy câu rất đơn giản: “không làm việc ác, siêng làm điều lành, giữ tâm trong sạch”. Tuy nhiên, thực hành đòi hỏi người tu phải đi vào thực chất, chứ không dừng ở hình thức bên ngoài. Trong câu chuyện, đức Phật nhắc đến việc “quăng con dao trong tâm”, tức là việc “buông bỏ việc ác” từ trong tâm của mỗi người. Câu này đã làm người chồng tỉnh ngộ, và ăn năn hối lỗi. Từ đó, biết quy y và trở về với con đường sáng. Người tu học phải thường xuyên nhắc nhở mình “buông bỏ con dao” trong tâm, để sống đúng theo lời Phật dạy.



## Đường lầy

Có hai nhà sư, một già một trẻ, cùng thông dong bước xuống một con đường lầy. Con mưa nặng hạt vẫn còn rơi. Đến khúc đường queo, hai người gặp một cô gái xinh xắn trong chiếc áo Kimono và chiếc khăn quàng cổ bằng lụa, đang đứng bên lề đường vì không thể băng qua ngã tư đường lầy được. Lập tức, nhà sư già bảo với cô gái: "Đề tôi đưa cô qua ngã tư nhé!", rồi nhẹ nhàng đưa tay nhắc bổng cô gái lên và đưa qua quãng đường lầy.

Nhà sư trẻ thấy vậy, từ đó không buồn nói một tiếng nào, cho đến khi cả hai dừng lại trong một ngôi chùa. Rồi không còn chịu đựng được nữa, nhà sư trẻ lên tiếng: "Chúng ta là những nhà sư, không được phép gần đàn bà, nhất là với những người đàn bà trẻ đẹp. Nguy hiểm lắm! Sao sư huynh lại làm như vậy?"

Nhà sư già mỉm cười đáp: "Tôi đã bỏ nàng ở chỗ ngã tư rồi mà! Anh còn mang nàng về đến đây sao?"

**Bài học:** Sự thanh tịnh hay nhiễm ô là xuất phát từ tâm ý của mỗi người. Vị sư già tuy ẵm cô gái qua đường lầy, nhưng tâm ý thanh tịnh, vì vậy không phạm giới. Còn vị sư trẻ, tuy bên ngoài giữ giới, nhưng trong tâm không thanh tịnh, vì thế, thực sự đã vi phạm giới. Vì vậy, khi đánh giá một hành động cần xem xét tâm ý của người đó, mới có thể đánh giá chính xác được.



## Giọt nước màu xanh

Em là giọt nước màu xanh. Thân em bé bỏng và mong manh, nhưng em có thể long lanh màu nắng. Em biến ra hơi nước và trở thành một phần của mây. Em có khả năng hòa nhập lạ lùng. Có lúc, em thấm vào cánh hoa để làm cho đóa hoa tươi thắm. Có khi, em vươn lên trên chiếc lá để lấp lánh với ánh nắng mặt trời. Em có thể hòa vào dòng sông, con suối, khe nước, rừng cây, ruộng vườn... Lòng em không loại trừ bất cứ một hiện tượng nào trong sự sống. Tâm em trong suốt như pha lê, và em thường phản chiếu những đám mây trắng và cả bầu trời xanh thẳm thẳm. Đó là bài ca, mà em hát cho các anh chị nghe, nhờ một cuộc hành trình gian nan đi tìm lại quê hương.

Em thật là diễm phúc được trôi theo dòng sông Lam một cách thong dong, thoải mái. Em gặp dòng sông này ở trên đỉnh núi cao từ mấy năm về trước. Dòng sông thường khuyên bảo em: “Giọt nước ơi! Em cứ an tâm. Thế nào, chúng mình cũng sẽ ra tới biển cả”. Và, dòng sông tiếp tục ca ngợi vẻ đẹp tuyệt vời của biển cả. Dòng sông nói thật hay ho, thật tài tình. Dòng sông ca hát: Biển là bao la, vĩ đại. Biển có san hô, mã não, ngọc trai. Biển có hàng vạn loài đang sinh sống và có hàng ngàn con sông trở về với nó. Giọt nước có biết không? Sông thì có nhiều tên, nước thì có nhiều vị, nhưng khi nhập vào biển cả thì nó không còn tên riêng nữa và chỉ có một vị mặn. Cái mặn của biển là cái vị mặn mà, bao la, độ lượng.... Dòng sông Lam ca ngợi biển cả hết lời, nhưng giọt nước vẫn còn ngơ ngác, chưa hiểu, vì những ý niệm này thật là cao siêu, trừu tượng.

Giọt nước muốn tự mình chứng nghiệm về biển, cho nên nó còn có nhiều thắc mắc. Nhưng vì còn bé quá, nên nó cứ nhón nhơ, vui chơi, ca hát cho thỏa thích. Giọt nước tự nhủ từ từ thế nào mình cũng hiểu về biển, thế nào mình cũng nếm được vị mặn mà của nó, thế nào mình cũng hòa nhập với các dòng sông và hơn hết là mình sẽ trở thành biển cả. Nghĩ tới đây, giọt nước cảm thấy sung sướng. Nó nhảy tót lên cao làm nước tung tóe ra mà lấp lánh với nắng hồng.

Mỗi ngày, giọt nước chọn nơi yên tĩnh, không có dòng chảy siết để lắng nghe tiếng hát thì thầm từ hai bên bờ. Con sông này hát thật hay. Giọng ca của nó thật là mâu nhiệm. Nó hát mãi không ngừng nghỉ những bài ca yêu thương với âm điệu thanh tao, lên tiếng kêu gọi hòa bình, xây dựng tình anh em... Giọt nước cảm thấy may mắn gặp gỡ được dòng sông như vừa mới sinh ra thêm một lần. Giọt nước học cách sống hòa hợp để cùng anh chị em hát ca, uốn lượn và tuôn chảy về đại dương.

Nhưng trước hết, giọt nước muốn hiểu mình là ai? Vì thế, nó thường ngồi yên bên bờ sông tĩnh lặng. Chảy lặng xãng hoài mãi, giọt nước cảm thấy mệt! Cố nhiên, ai cũng muốn ra tới đại dương, nhưng mình nên đi thông thả, vừa đi vừa chơi, để thưởng thức hoa thơm cỏ lạ ở hai bên bờ và nơi những cánh đồng xa. Có lúc, giọt nước nhìn lên trời cao, và nó thấy mây trắng đang bay. Mây có thể bay chơi tự do trên bầu trời mênh mông. Mây có thể biến hình, đổi dạng như một nhà họa sĩ. Ước gì mình có thể trở thành mây thì vui biết mấy. Có những đêm, giọt nước ngủ không được. Theo thói quen, nó nhìn lên bầu trời cao và thấy quá nhiều sao. Sao lấp lánh suốt đêm như reo cười, như soi sáng. Giọt nước

muốn làm quen với sao đêm, nhưng sao ở xa quá, còn xa hơn cả mây trắng thì làm sao gặp nhau đây! Không biết sao có hiểu được tấm lòng bầu bạn của mình không nhỉ? Nghĩ vẫn nghĩ vợ nên giọt nước không thể nào đi vào giấc ngủ. Cuộc đời này có nhiều chuyện mà mình chưa biết, nhưng đâu có quan trọng. Quan trọng là hiểu được chính mình. Giọt nước tự hỏi: Mình từ đâu đến đây? Đâu là duyên nguyên? Đâu là bản thể?

Có phải mình đến từ dòng sông này không? Không! Rõ ràng là mình gặp dòng sông lam cách đây mấy năm. Lúc ấy, mình là một giọt nước xanh đang ham chơi la cà và bỗng nhiên rơi tuột xuống dòng sông. Mình đã hiện hữu từ trước rồi. Thế thì, mình là ai? Có một hôm, sương ở phương nào kéo về bay la đà lướt qua rừng thông. Và, sương đọng lại trên mỗi chiếc lá thông để lấp lánh chào đón bình minh. Cảnh tượng này thật là tuyệt!

Vậy, hạt sương là mình chăng? Không! Bởi một phần nhỏ của hạt sương thấm vào lá, nhưng giọt sương vẫn long lanh trong nắng. Đợi mặt trời lên cao, hạt sương tan thành mây khói. Như thế, sương không phải là mình.

Ô, hay mình là mây. Nếu là mây thì sung sướng làm sao! Mình có thể bay chơi trên bầu trời xanh. Nhưng, mây là sự tụ hội của hơi, khói và sương. Như vậy, mình là hơi, là khói, là sương sao? Có thể! Nếu mình là khói, là hơi thì mình có thể lan tỏa lên cao đến tận trời xanh để biến thành mây. Mây trắng có thể là mình lắm. Khi nào có đủ điều kiện, có hơi, có khí, có chất lạnh, có gió thì mây sẽ biến thành cơn mưa rơi xuống lòng đất.

Thế là, mình là giọt mưa. Ôi! là giọt mưa thì vui biết mấy, và mình có thể ca hát, rơi lách tách trên từng chiếc lá, đong đưa trên mỗi đọt cây. Mưa sẽ đi vào lòng đất, rừng cây, dòng sông, con suối, biển cả... Cuối cùng, mình là tất cả.

Mình có mặt trong dòng sông, con suối, rừng cây, hơi nước, khói sương. Giọt nước có cảm giác hình như nó bắt đầu hé mở được cánh cửa bí mật của uyên nguyên. Có một điều chắc chắn đó là: nó là nước. Cuộc đi tìm nguồn gốc của giọt nước thật là phiêu lưu, mạo hiểm, nhưng thú vị vô cùng.

Cuộc đời của giọt nước đâu êm xuôi như thế! Một hôm có một cơn bão tố lớn. Mưa tầm tã. Nước nguồn trên núi tràn về cuồn cuộn nhập vào dòng sông. Dòng sông Lam không còn là dòng sông năm xưa nữa. Bây giờ, màu xanh của nó biến thành màu vàng đục của mưa nguồn. Dòng sông bị ngập lụt dữ dội và nước sông tràn lan khắp nơi. Tội nghiệp cho nó, nhưng tội nghiệp nhất là giọt nước. Giọt nước bé bỏng quá, yếu đuối quá, nên nó bị nước nguồn làm ngập thở. Màu nước không còn trong xanh và mặt nước hết long lanh màu trời. Tuy nhiên, giọt nước vẫn cố bám chặt lấy dòng sông. Giọt nước tin tưởng dòng sông vĩ đại này có thể che chở, nâng niu và ôm ấp cho nó. Dòng sông có sức mạnh nên nó cứ tiếp tục trôi chảy. Nó hòa mình vào nước lũ và có khả năng làm lắng đọng những lớp phù sa để hóa thành màu xanh nguyên thủy. Nhưng trong lúc chiến đấu với mưa nguồn, dòng sông quên đi giọt nước. Giọt nước bị xô đẩy, bỏ rơi và trôi vào con suối nhỏ. Giọt nước không có trách móc, hờn dỗi gì dòng sông. Đó là chỉ tai nạn của cơn lũ lụt. Nước nguồn về mạnh quá nên dòng sông bị ngập tràn. Thế thôi! Ai có thể trách được thiên tai, lũ lụt.

Giọt nước bắt đầu học cách sống của con suối nhỏ. Con suối này chảy thì thâm, nhưng nó biết hát ca. Những giọt nước trong con suối không mạnh mẽ, không tự tin như các giọt nước của dòng sông lam, nhưng chúng cũng đi bên nhau, kề cận với nhau, tâm sự cùng nhau và biết ngồi yên để nghe tiếng vỗ đôi bờ. Con suối này biết nói tiếng thanh tao và cũng ca ngợi về biển cả. Nó nói: “Giọt nước có biết không? Chúng mình vốn có nguồn gốc từ biển cả. Kiếp xưa của chúng mình đã từng là biển rộng, trời cao. Chúng mình từng là mây, là mưa, là sương, là gió, là sông, là biển. Vì nhân duyên và nghiệp lực nên kiếp này chúng mình làm con suối nhỏ. Tuy bé bỏng, nhưng chúng mình cũng là nước. Giọt nước ơi! Em có còn mặc cảm là nhỏ bé chảy từ từ trôi chậm chậm nữa không? Chị hứa với em là trước sau gì, chúng mình cũng sẽ ra tới biển”.

Giọt nước tin lời con suối, nhưng nó vẫn nhớ về dòng sông. Dòng sông Lam sao mà vĩ đại! Ai ai cũng biết tới dòng sông ấy. Giọt nước còn nhớ rõ nó đã từng hãnh diện trôi bên dòng sông trong lúc hàng vạn người muốn chiêm ngưỡng và ca ngợi về vẻ đẹp của nó. Dòng sông Lam thật đáng ca ngợi, bởi nó thường ca bài ca thương yêu, tha thứ và bao dung. Có lúc, giọt nước cảm thấy tự hào và cố ý ngưỡng mặt lên trời với vẻ sung sướng. Nghĩ tới đây, nó có cảm giác xấu hổ, vì người ta ca ngợi dòng sông, chứ ai thêm ca ngợi giọt nước. Nó chỉ là giọt nước mong manh. Vậy mà, nó vẫn muốn trở về với dòng sông, không phải vì được nhiều người ngưỡng mộ, mà vì nó thương dòng sông. Có lần, nó muốn chạy trốn con suối nhỏ, nhưng làm sao đi trốn đây. Giọt nước cần phải có con suối hay dòng sông mới có thể trôi chảy, xuôi dòng, hiện hữu được.



Ước gì mình có thể lên bờ để đi bộ như mọi người. Con suối biết tất cả tâm tư của giọt nước, nhưng nó không trách móc. Nó vẫn kiên nhẫn, chấp nhận và chờ đợi sự tỉnh ngộ của giọt nước.

Một hôm, con suối nhỏ gặp một dòng sông khác. Nước trong hơn, dòng chảy siết hơn, cho nên giọt nước cảm thấy phấn khởi vô cùng. Nó cứ tưởng dòng sông này là dòng sông Lam của nó. Nó liền hỏi: Chị có phải dòng sông Lam ở miền Tây phát xuất từ dãy núi Hy Mã Lạp Sơn hay không?

Dòng sông dịu dàng trả lời: Không phải! Chị tên là sông Hương. Người ở xứ này gọi chị là Hương Giang. Chị ở miền Trung Việt Nam. Chị bắt nguồn từ các mạch nước trong núi Bạch Mã. Chị chảy qua thành phố Huế, băng ngang Cồn Hến, xuôi về Thuận An để ra biển Đông. Em có muốn ra biển với chị không? Chị sẽ đưa em đi.

Giọt nước tuy vui hơn một chút, nhưng nó vẫn còn nghi ngờ. Liền hỏi: Thật chị Hương Giang có thể đi ra tới biển không?

- Có chứ. Tại sao em hỏi như thế? À! Em có phải là giọt nước của một dòng sông khác không?

- Dạ vâng!

- Và dòng sông ấy thường nói về biển cả phải không? Em yêu dòng sông ấy lắm hả?

- Dạ vâng. Em yêu nó lắm. Nó thường ca hãy đi như một dòng sông thì giọt nước mới ra tới biển cả. Chị Hương Giang à! Thế thì có bao nhiêu dòng sông trên trái đất này?

- Giọt nước ơi! Em yêu dòng sông Lam là phải, bởi vì ai cũng ca ngợi về nó. Nhưng, em nên biết trên

đời này có rất nhiều dòng sông. Chi ở Việt Nam thôi đã có cả trăm con sông, chứ đừng nói gì tới trái đất này. Có một điều chị muốn nói cho em biết là dòng sông nào cũng đều đi ra biển cả. Em cứ an tâm theo chị. Dòng sông Lam kia rồi cũng ra biển. Chi Hương của em cũng sẽ ra biển. Chúng mình sẽ gặp nhau ở đó.

- Ồ! Em nhớ ra rồi. Năm xưa dòng sông Lam đã từng nói như thế. Biển cả có cả hàng ngàn con sông quay trở về.

- Vâng! Đúng thế. Đó là sự thật. Chúng mình đã có nhau từ muôn kiếp, mình chỉ là một, là nước.

Bây giờ, giọt nước mới cảm thấy an tâm. Năm xưa, nó còn nhỏ quá! Nó chỉ biết bơi lội, vui chơi trong một dòng sông, nên nó không cơ hội để tiếp xúc với vẻ đẹp của các dòng sông khác. Sự thật là dòng sông nào cũng đều hát ca, vui chơi, tuôn chảy bên nhau để đi về biển cả. Thật là tuyệt vời.

**Bài học:** Phật dạy “giống như nước biển chỉ có vị mặn, tất cả pháp Phật chỉ có 1 vị là vị giải thoát”. Tâm sự của giọt nước màu xanh, cho thấy bản chất của chúng sinh là một. Dù có biểu hiện dưới nhiều hình dạng khác nhau nhưng tất cả đều cùng một bản thể. Thấy như vậy giúp ta hiểu rõ về lý Vô ngã, và dễ khởi lên lòng yêu thương mọi người.



## Phận đẹp duyên may

Ngày xưa, tại một địa phương nọ bên Ấn Độ có một ngọn núi tên gọi là Âm Sơn. Trên núi cây cối um tùm, cỏ hoa tươi tốt, quanh năm ít có người qua lại, thật là một cảnh thích nghi cho những ai muốn lên đây tu hành. Về sau ngọn núi tinh mịch này được nhiều vị tu hành để ý mỗi ngày một nhiều, nên dần dà thành ra chốn đạo tràng của các vị thánh Tăng, được hàng vạn người kính mộ và lên núi cầu phúc, cúng dường, thiết trai luôn luôn không ngớt.

Một hôm có một vị Trưởng giả đem người nhà lên núi chuẩn bị một bữa cơm chay rất tinh khiết để cúng dường chúng Tăng. Mọi người lũ lượt lên núi, dự buổi tập phước này, trong số đó có một cô gái nghèo, tuổi 17, 18, cô nghĩ rằng: "Hôm nay nhà Phú ông cúng dường Chư Tăng trên núi, nếu ta lên theo chắc thế nào cũng được một bữa no nê, nhất là đã mấy hôm nay, ta chưa hề được bữa ăn nào gọi là lưng lửng dạ". Nghĩ xong, với một vẻ mặt hớn hờ, người con gái đó rảo bước chân đi.

Khi cô gái nghèo ấy lên đến đỉnh núi thấy cỗ chay của Trưởng giả bày ra đủ thứ mỹ vị thơm tho tinh khiết thì trong bụng nghĩ: "Kiếp trước vị Trưởng giả này chắc là dày công tu thân tích phước, nên ngày nay mới thành người giàu có, đó là quả báo đền bù. Đến ngày nay ông lại có Thiện tâm thiết trai cúng dường Chư Tăng, sửa tạo những công đức lớn, chắc rằng phước quả kiếp sau còn nhiều, có lẽ còn nhiều hơn cả đời hiện tại này nữa. Ngẫm lại thân ta - cô gái nghèo nghĩ tiếp - thực là đáng thương! Chỉ vì kiếp trước không biết tu tạo phước quả, cho nên bây giờ mới chịu cảnh cùng khổ như thế này. Nếu

giờ đây ta không lo tu phước thì kiếp sau chắc còn nghèo khó gấp mấy! Vậy, hiện tại trong lòng còn hai đồng tiền mà ta đã dành dụm được, sao ta chẳng đem ra cúng dâng các vị Hòa Thượng". Nghĩ rồi, cô gái nghèo lẳng lẳng đợi các vị Tăng Ni cùng dùng trai xong, liền móc trong bị ra hai đồng tiền cúng kính dâng lên Hòa Thượng.

Theo quy tắc đã định trên núi là: Nếu có ai bỏ thí cúng dường thì chỉ có vị sư tri khách đứng lên thay mặt chư Tăng hướng thí chủ mà chúc phước. Nhưng lần này cô gái nghèo lại được chính vị Hòa Thượng trụ trì thân hành ra trước mặt cô gái mà chúc phước rằng: "Tất cả bảo vật trên trái đất đều ở cả trong người đồng nữ này đã đem bố thí cho kẻ xuất gia, vật bố thí đây nguyên là việc tu phước. Vậy bản Tăng chúc cho thí chủ vĩnh viễn lìa khỏi nghèo khổ". Cô gái nghèo nghe xong, trong lòng không thể kể xiết nỗi niềm hân hoan. Rồi đợi chúng ai ai cũng cấp thức ăn cho cô, thật là một sự vui về đạo pháp không có gì sánh kịp.

Sau khi cô gái đã no nê liền đứng đỉnh ra khỏi cửa chùa tới dưới một gốc cây cổ thụ nằm nghỉ và chợp mắt đi lúc nào không biết. Lúc đó, vàng thái dương đã xế chiều, thế mà bóng cây vẫn y nguyên không thay đổi. Nhìn lên xem thấy trên đỉnh cây cao bỗng có đám mây ngũ sắc như chiếc tàn che cho cô gái. Đó là một chuyện hiếm thấy từ trước đến nay. Giữa lúc ấy, Đức Quốc Vương nước đó vừa vắn đi qua, nhân vì Hoàng Hậu mới từ trần, nên trong lòng Ngài u uất buồn rầu mới rủ xe đi du sơn ngoạn thủy để cho tiêu sầu giải muộn, bỗng nhiên gặp thiếu nữ nghèo nằm ngủ dưới gốc cây mà trên đỉnh ngọn cây có đám mây ngũ sắc che cho như chiếc tàn vàng thì Quốc Vương lấy làm kinh ngạc, khác

nào được thiên nữ hiện xuống dưới trần. Nhà vua tự tán thán: "Thiếu nữ này ở đâu mà dám nghĩ ngơi ở đây? Sắc đẹp của nàng chẳng kém gì Hằng Nga! Với cái thân hình yếu điệu, với vẻ mặt xinh tươi, nàng đã khiến cho nhiều người đê ý". Nói rồi, sai cung nữ ẵm nàng lên xe.

Cô gái trong cơn mộng chợt tỉnh, mở choàng mắt ra, thấy mấy người khiêng mình bỏ lên xe thì kinh hãi kêu lên: "Ôi Phật ơi! Các người là ai? Định mang tôi đi đâu?"

- Xin cô đừng sợ, chúng tôi không phải là quân gian phi đâu, chúng tôi vâng lệnh Quốc Vương đón cô về cung đây!

Cô gái nghèo sau khi đã được đặt nơi sau xe Quốc Vương ngồi rồi, Quốc Vương liền dịu dàng hỏi:

- Năm nay cô nương bao nhiêu tuổi?

- 18 tuổi

- Cô nương đẹp quá, rất đáng yêu, trẫm muốn đem cô nương về cung lập làm đệ nhất phu nhân. Vậy cô nương có bằng lòng không?

Cô gái nghèo liếc nhìn vị Quốc Vương thấy Ngài xinh đẹp trẻ trung thì nở một nụ cười. Nhưng trong lòng vẫn nghi nghi hoặc hoặc không tin, cô nghĩ: "Có lẽ nào ta lại được mạng vận quá tốt, đến nỗi đương từ một đứa con gái nghèo đi ăn xin mà bỗng trở nên một vị Đệ nhất phu nhân". Cô càng nghĩ càng ngây người ra, không nói được câu nào.

- Thế nào! Cô nương không vui lòng hay sao mà làm thinh không trả lời?

- Tâu Đại Vương! Tôi hoài nghi rằng: “Tôi đương ở cõi thực hay mà cõi mộng đây?”

- Không phải mộng mị gì đâu. Đây là cõi thực đấy!

Đoàn xe Quốc Vương đã về tới cung. Ngài liền tuyên bố với toàn quốc lập cô làm đệ nhất phu nhân. Sau khi đã trở thành người đàn bà cao sang nhất nước, nào ăn ngon, nào mặc đẹp lại được mọi người kính nể nhưng trong lòng cô vẫn không đoàn tuyệt với ý nghĩ: "Sở dĩ ta có hạnh phúc ngày nay chỉ vì đã có nhân duyên bố thí hai đồng tiền! Vậy thì vị sư phụ chúc phước cho ta hôm trước đã là một vị ân nhân tuyệt đối cao quý của ta".

Nghĩ rồi, liền bẩm với Quốc Vương:

- Tâu Đại Vương, tiện thiếp vốn là cô gái hèn mọn, ngày nay được đội ơn Đại Vương yêu mến, lập làm đệ nhất phu nhân, lẽ tất nhiên phải cảm tạ hồng ân của Vua. Nhưng nghĩ đến cái ân của vị xuất gia mà tiện thiếp đã bố thí hai đồng tiền, tiện thiếp muốn được đem chút gì lại chừa bố thí cúng dường để tỏ lòng báo ân. Vậy chẳng hay ý Đại Vương thế nào?

- Tốt lắm, tùy khanh định liệu, khanh muốn như thế nào trăm cũng vui lòng cho phép.

Rồi đó, Quốc Vương và Hoàng Hậu sắm sửa thật nhiều cỗ chay long trọng và tinh khiết, chất đầy hàng mấy chục xe đem lại núi Âm Sơn cúng dường.

Sau khi các vị Tăng thọ trai rồi đến lúc ra chúc phúc cho thí chủ, thì không thấy vị Hòa Thượng trụ trì thân ra chúc phúc như lần trước mà chỉ là vị Tri Khách thay mặt người chúc phúc thí chủ mà thôi. Việc này khiến cho cả Vương lẫn Hậu đều lấy làm kỳ quái mà rằng: “Ngày xưa, tôi đem bố thí hai

đồng tiền được vị sư phụ trụ trì ra chúc phước. Ngày nay, tôi bố thí biết bao nhiêu phẩm vật trân quý, thế mà không thấy sư phụ ra chúc phước là tại làm sao?”. Đại chúng đều nhận xét như thế và ai ai cũng thắc mắc như nhau.

Vị sư trụ trì thấy mọi người cùng xôn xao, liền vân tập quần chúng lại mở lời khai thị rằng: "Ngày trước, tuy Hoàng Hậu bố thí chỉ có hai đồng tiền là vật nhỏ mọn, nhưng là cả một tấm tâm thành phát ra, đây là điều chí cao và khả quý. Ngày nay Quốc Vương và Hoàng Hậu tuy bố thí rất nhiều, nhưng trong lòng có hàm chứa điều "ngã mạn" không giống như lần trước. Nên biết rằng Phật pháp không trọng "vật chất" mà trọng ở điều "phát tâm". Vì lẽ đó mà lần này ta không thân ra chúc phước. Vậy mọi người nên hiểu rõ Phật Pháp độ kẻ nghèo cùng bố thí là như thế nào! "

Quốc Vương và Hoàng Hậu nghe lời Hòa Thượng giảng giải thì trong lòng vừa thẹn vừa vui mừng. Bây giờ mới hiểu rõ nghĩa thực và giá trị của hai chữ Bố Thí.

**Bài học:** “Của cho không bằng cách cho” là một thành ngữ phù hợp với câu chuyện này. Ở đó nhấn mạnh cốt lõi của việc bố thí là sự thành tâm của người bố thí, và sự thanh tịnh của hành động bố thí. Cô gái nghèo chỉ bố thí 2 đồng tiền, nhưng đó là cả tài sản và tấm lòng của cô, nên phước báu có được là to lớn. Còn bà hoàng hậu bố thí rất nhiều tiền vàng, nhưng thiếu sự thanh tịnh vì lòng còn ngã mạn, nên phước báu không bằng là vậy.



## Thắc mắc của vua A Xà Thế

Vua A Xà Thế sau khi quy y theo Phật đã rất nhiệt tâm trong việc tu học, thường suy tư, tìm hiểu và ứng dụng lời Phật dạy vào việc trị quốc, an dân. Vì vậy, đất nước an bình, thịnh trị. Tuy nhiên, việc vua A Xà Thế theo Phật, thay đổi quan điểm trong việc trị quốc theo hướng nhân từ, không sát hại đã gặp phải sự bài bác, chống đối của các vị Bà La Môn.

Nhân sự việc 2 binh sĩ bỏ nhiệm vụ để trở thành tỳ kheo trong tăng đoàn của Phật, các vị Bà La Môn chất vấn vua A Xà Thế rằng, nếu ai cũng muốn thực hiện theo lời Phật dạy là không sát hại thì lấy ai chiến đấu bảo vệ đất nước và giữ gìn trị an?

Vua A Xà Thế bối rối trước tình huống này, nên đến xin ý kiến Phật để tìm cách hóa giải mâu thuẫn với các vị Bà La Môn, và cũng để giải quyết những khúc mắc trong lòng mình. Sau khi nghe những khúc mắc của vua A Xà Thế về mâu thuẫn giữa nguyên lý bất hại với nhu cầu chiến đấu, trừng phạt để bảo vệ sự an nguy của đất nước, Đức Phật bèn kể một câu chuyện như sau.

Ngày xưa, ở một vương quốc nọ, có một con rắn chúa sinh sống trong ngôi đền cổ. Con rắn này thường bò vào làng và cắn chết nhiều người, nên nó đã trở thành nỗi kinh hoàng của mọi người. Không ai dám đến gần ngôi đền và khu vực xung quanh.

Một hôm nọ, có vị đạo sĩ từ phương xa đến và dừng chân trú đêm lại trong ngôi đền đó. Con rắn chúa đã bò đến gần vị đạo sĩ, và định cắn như mọi khi. Tuy nhiên, vị đạo sĩ là người đã có giác ngộ, nên ngài đã dùng tâm từ để cảm hoá con rắn chúa. Ngài đã giảng giải cho nó nghe về nghiệp báo, khiến nó



nhận ra lỗi lầm do lòng tham sân si. Nó đã xin quy y với ngài, hứa giữ gìn ngũ giới và nguyện sẽ từ bỏ con đường sát hại.

Từ đó, con rắn trở nên hiền lành, không còn cắn ai nữa. Tuy thế, dần dần mọi người trong làng không còn sợ hãi con rắn, và còn xem thường nó nữa. Chẳng những vậy, nó lại bị lũ trẻ con trong làng chọc phá, dùng gậy gộc đánh một cách rất thảm thương. Con rắn phải trốn vào hang đá vào ban ngày, và ban đêm mới đi ra kiếm ăn. Nó chỉ ăn những thứ cỏ cây, sỏi đá mà không dám giết hại bất kỳ loại vật nào như đã hứa với vị đạo sĩ.

Một ngày kia, vị đạo sĩ trở lại ngôi làng đó, thấy tình cảnh thảm thương của con rắn, ngài nói với nó: "Ta chỉ bảo người không cắn người, chứ đâu bảo người phải từ bỏ bản chất của mình. Người vẫn có thể khò khè làm họ sợ để tự vệ chứ".

Kể đến đây, Đức Phật dạy vua A Xà Thế về trách nhiệm của người cầm quyền, nên dùng tâm nhân từ, công bằng đối xử với mọi người. Khi cần thiết vẫn có thể trừng phạt người phạm lỗi, và vẫn có thể duy trì quân đội để bảo vệ đất nước.

Ngài dạy thêm, điều quan trọng của việc tu tập là đi trên con đường trung đạo, không quá phóng túng, nhưng cũng không quá khắc khổ, cân linh động để ứng xử cho phù hợp với hoàn cảnh, tránh việc cố chấp, quá cứng nhắc trong ứng xử.

Ngoài ra, Đức Phật cũng chỉ cho vua A Xà Thế về bảy nguyên tắc để duy trì hòa bình, giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh, đó là:

1/ hai bên cần ngồi đối diện với nhau, cùng nỗ lực giải quyết vấn đề.

2/ mỗi bên trình bày vấn đề một cách rõ ràng, bình tĩnh tìm hiểu và ghi nhớ nguyên nhân của vấn đề.

3/ cần dùng trí tuệ khách quan/ công bằng xem xét từng vấn đề, sáng tạo trong việc tìm giải pháp.

4/ nếu nhận thấy điểm sai của mình thì chủ động xin lỗi, không cố chấp cãi bướng. Sẵn lòng tha thứ cho người và cho mình về những khuyết điểm.

5/ mọi quyết sách cần được sự tán đồng của người dân, nếu sau khi đọc lớn 3 lần quyết định trước công chúng mà không ai phản đối, thì mới được ban hành quyết định đó.

6/ trong quá trình giải quyết mâu thuẫn, các bên cần phải tuân theo quy tắc chung đã đặt ra.

7/ cần mời một người lớn tuổi, có uy tín đứng ra làm trọng tài/ trung gian hoà giải giữa 2 bên.

Phật nói tiếp, nếu đại vương thực hành theo bảy nguyên tắc trên, mọi tranh chấp sẽ có thể được hóa giải, mở ra con đường của hoà bình, an lạc và cùng chung sống giữa mọi người. Nghe xong, vua A Xà Thế vui mừng, tán thán Đức Phật, xin tuân theo lời chỉ dạy và trở về cung.

**Bài học:** Khi áp dụng lời Phật dạy vào cuộc sống, cần linh động, nên theo tinh thần trung đạo. Nguyên lý bất hại chỉ mang tính tương đối, nên cố gắng tránh sát hại đến mức tối đa. Trong một số tình huống bất khả kháng, việc trừng phạt, hay tiêu diệt kẻ ác để bảo vệ an bình của người thiện một cách công tâm cũng không vi phạm nguyên lý này.



## Thí dụ Phước điền

Thời ấy, ở Vương Xá có một người chủ ngân khố giàu sang vô cùng và chỉ được biết qua danh hiệu Đại phú ông (*Mahàdhanasetthi*). Ông có một con trai độc nhất rất khả ái và xinh đẹp. Khi cậu đến tuổi trưởng thành, cha mẹ cậu suy nghĩ như vậy: 'Nếu con ta chi tiêu một ngàn đồng mỗi ngày, thì dù cả trăm năm nữa số lượng tài sản này cũng sẽ không hết'.

Họ chẳng dạy cậu một nghề gì cả, vì suy nghĩ: 'Việc học nghề sẽ tốn nhiều công sức mệt nhọc, cứ để nó an nhàn thân tâm hưởng thọ giàu sang thỏa thích'.

Thay vì dạy nghề, khi cậu đến tuổi mười sáu, họ cưới cho cậu một cô dâu kiều diễm, nhưng hoàn toàn thiếu đạo hạnh. Cùng với cô vợ, cậu đồ hết thời giờ vào việc hưởng thụ, thích thú tầm cầu dục lạc.

Khi cha mẹ mất, cậu phung phí tiền của vào đám vũ nữ, ca nhân và các đám vui chơi khác; sau khi tiêu hết tài sản, cậu trở nên nghèo khó, phải cố xoay sở để sống bằng cách vay nợ. Nhưng khi cậu không còn có thể vay được nữa và bị các chủ nợ thúc bách, cậu đưa hết ruộng vườn, trang trại, nhà cửa cùng các gia sản khác rồi trở thành kẻ hành khất, sống trong nhà tế bần của thành phố ấy.

Bấy giờ, một hôm, bọn cướp gặp cậu và bảo:

- Này chú, xem đây, chú làm sao ra khỏi cuộc sống khốn khổ này, chú còn trẻ và có năng lực. Hãy đi theo bọn ta và sống đầy đủ thoải mái bằng cách trộm cắp. Bọn ta sẽ tập luyện cho chú.

Cậu đồng ý và đi theo chúng. Bọn trộm cướp cho cậu một cây gậy lớn; và trong khi chúng đột nhập vào một cái nhà mà bọn chúng đã đục thủng một lỗ lớn, chúng đặt cậu ở chỗ ra vào và nói:

- Nếu có ai đến, hãy đánh chết nó đi.

Cậu vốn tâm trí đần độn, không phân biệt bạn thù, liền đứng đó và chỉ chờ đợi người khác đi đến.

Bấy giờ, người trong nhà trở dậy, chạy đi thật nhanh, nhìn đây đó, chợt thấy cậu đứng ở lỗ thủng ấy. Họ vừa nói:

- Chúng đây rồi, quân khôn kiếp, lũ trộm cướp, họ vừa chụp lấy cậu đưa đến nhà vua, trình:

- Tâu Đại vương, tên trộm này bị bắt lúc đang phá nhà.

Vua ra lệnh cho đám quân giữ thành:

- Chặt đầu nó đi.

Bọn này giam cậu vào ngục và đưa đến nơi hành hình, chúng đánh cậu bằng roi trong lúc cậu đi theo tiếng trống xử tội. Cùng lúc quần chúng la lớn:

- Tên cướp phá hoại này đã bị bắt ở thành này.

Bấy giờ ở trong thành ấy, có nàng hoa khôi tên là *Sulasà* đang đứng bên cửa sổ. Nàng thấy cậu bị dẫn đi ngang, và vì nàng đã quen biết cậu từ thời trước nên nàng có cảm tình với cậu vốn là người từng đạt đại phú quý trong thành này, nàng liền cho gửi mứt bánh và nước uống, lại nhờ người nhắn với bọn giữ thành:

- Cầu mong các tôn ông đợi cho đến lúc người này ăn xong mứt bánh và uống nước.

Cùng lúc ấy trong thành này, Tôn giả *Mục Kiền Liên* đang quán sát bằng thiên nhãn và thấy tình cảnh nguy khốn của kẻ này, Tôn giả động lòng bi mẫn và suy nghĩ: 'Vì kẻ này chưa hề làm công đức gì, mà chỉ tạo ác nghiệp, y sẽ bị tái sanh vào địa ngục. Nay nếu ta đi ra và y cho ta mút bánh và nước uống, y sẽ được tái sanh vào hội chúng các địa thân. Ta phải giúp đỡ kẻ này'.

Vì vậy Tôn giả liền xuất hiện trước tội nhân ngay khi mút bánh và nước được mang đến. Khi cậu thấy vị Trưởng lão, tâm cậu được an lạc và cậu suy nghĩ: 'Ta có lợi ích gì nhờ ăn mút bánh này nếu ta phải chết? Giờ đây, chúng sẽ làm hành trang cho ta lên đường đi đến thế giới bên kia'.

Thế là cậu nhờ đưa bánh mút và nước uống đi cúng vị Trưởng lão. Khi Tôn giả *Mục Kiền Liên* thấy nỗi thống khổ của cậu đã trở thành hoan hỷ, Tôn giả ngồi xuống và ăn uống xong rồi đứng dậy đi lên đường.

Còn người ấy bị các đao phủ đưa đến nơi xử tội và chém đầu. Nhờ hành động tín thành đối với Trưởng lão *Mục Kiền Liên*, phước điền vô thượng ở đời, kẻ ấy xứng đáng được tái sanh vào thiên giới cao cả. Nhưng vì niềm luyến ái phát ra đối với *Sulasà* khi cậu suy nghĩ: 'Ta tạo được lễ cúng dường này là nhờ nạng', nên ngay lúc lâm chung, tâm cậu trở thành bất tịnh và cậu tái sanh vào cảnh giới thấp hơn, làm vị thần ở trong cây chuối lớn có tàn lá rậm rạp trong rừng hoang.

**Bài học:** Cha mẹ cần chú trọng đến việc truyền dạy tri thức và đạo đức cho con cái, hơn là chỉ để lại tài sản vật chất. Bởi tài sản nhiều mà không biết gìn giữ và tái tạo thì cũng sẽ hết. Hơn nữa, tài sản là

đầu mối của sự hư hỏng, và dẫn dắt con người vào những con đường tội lỗi, như: tà dâm, trộm cướp... Kết quả là cậu thanh niên bị xử tử vì tham gia trộm cướp. Tuy nhiên, nhờ còn chút thiện tâm, cậu đã phát tâm cúng dường ngài Mục Kiền Liên trước khi bị xử tử, nên đã được tái sinh làm vị thần cây. Vì vậy, khổ đau và hạnh phúc trong cuộc sống đều do những hành động ta đã làm trong quá khứ, cần phải hết sức giữ gìn tâm ý của mình, cần “tránh làm các việc ác, siêng làm các hạnh lành”.



## Tóm lược kinh A Di Đà

Một thuở nọ, Phật ở nước Xá Vệ, nơi vườn của ông Cấp Cô Độc và cây của ông Kỳ Đà, cùng với một nghìn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ Kheo tụ hội, đều là bậc đại A La Hán. Lại có hàng đại Bồ Tát, cùng với vô số chư Thiên, tất cả đại chúng dự hội.

Bấy giờ, Phật bảo Trưởng lão Xá Lợi Phất: “Từ đây tới phương Tây, trải qua mười vạn ức cõi Phật, có thế giới tên là Cực Lạc. Trong cõi đó, có đức Phật hiệu A Di Đà, hiện đang nói pháp.”

- “Xá Lợi Phất, vì sao cõi đó tên là Cực Lạc? Vì chúng sanh trong cõi nước đó không có những sự khổ, chỉ thọ hưởng các điều vui, nên cõi đó tên là Cực Lạc”.

- “Lại nữa, Xá Lợi Phất, nơi cõi nước Cực Lạc đó có bảy lớp dậu rào, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, đều bằng bốn chất báu, bao vòng khắp nơi, vì thế nên cõi nước đó tên là Cực Lạc”.

- “Nơi cõi nước Cực Lạc đó có ao bảy chất báu, trong ao tràn đầy tám nước công đức, đáy ao thuần bằng cát vàng trải làm mặt đất. Những lối đi bốn bên bờ ao là vàng, bạc, lưu ly, pha lê hợp thành. Trên đó, có lầu các, cũng đều nghiêm sức bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, trân châu, mã não. Trong ao, có hoa sen lớn như bánh xe: hoa sắc xanh ánh sáng xanh, hoa sắc vàng ánh sáng vàng, hoa sắc đỏ ánh sáng đỏ, hoa sắc trắng ánh sáng trắng, hương thơm vi diệu tinh khiết”.

- “Nơi cõi nước Phật đó thường trỗi nhạc trời, mặt đất bằng vàng, ngày đêm sáu thời có mưa hoa Mạn

Đà La. Chúng sanh trong cõi đó, thường mỗi sáng sớm, lấy vạt áo đựng những hoa kỳ diệu đó, cúng dường mười vạn ức Phật ở các phương khác. Đến giờ ăn, liền trở về nước của mình, ăn cơm, rồi kinh hành”.

- “Hơn nữa, nơi cõi nước đó thường có nhiều giống chim kỳ diệu, đủ các màu sắc: chim Bạch Hạc, Không Tước, Anh Võ, Xá Lợi, Ca Lăng Tần Già, Cộng Mạng. Các loài chim đó ngày đêm sáu thời hát ca thanh âm hòa nhã. Trong thanh âm đó diễn nói các pháp: Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần, các pháp như thế. Chúng sanh trong cõi đó nghe thanh âm ấy, tất cả đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Xá Lợi Phát, chớ nghĩ rằng những giống chim này thật do tội báo mà sanh ra. Vì sao vậy? Vì cõi nước Phật đó không có ba đường ác. Xá Lợi Phát, trong cõi nước Phật đó thường không có cái tên ác đạo, huống gì có ác đạo thật. Các giống chim ấy là do Phật A Di Đà muốn tuyên lưu tiếng pháp mà biến ra như vậy”.

- “Nơi cõi nước Phật đó có gió nhẹ thổi các hàng cây báu và các màn lưới báu, phát ra thanh âm huyền diệu, như trăm nghìn thứ nhạc cùng lúc hòa chung. Nghe thanh âm đó, mọi người đều tự nhiên khởi tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng”.

- “Xá Lợi Phát, Đức Phật đó vì sao hiệu là A Di Đà? Vì đức Phật đó có hào quang sáng chói vô lượng, chiếu soi các cõi nước mười phương không chỗ nào chướng ngại, vì thế nên hiệu là A Di Đà. Xá Lợi Phát, đức Phật đó và người dân cõi đó sống lâu vô cùng, nên có tên là A Di Đà”.

- “Xá Lợi Phát, đức Phật A Di Đà thành Phật cho đến nay đã được mười kiếp. Đức Phật đó có vô số



hàng Thanh Văn đệ tử, đều là bậc A La Hán, nhiều không thể tính đếm mà biết được. Các vị Bồ Tát cũng đông như thế. Nơi cõi nước Cực Lạc đó, chúng sanh được sanh về, đều là bậc chẳng thối chuyển. Trong đó có rất nhiều vị một đời thành Phật, số đó rất đông, nhiều không thể tính đếm mà biết được, chỉ có thể nói là vô số”.

- “Xá Lợi Phất, chúng sanh nào nghe được điều này, thì phải nên phát nguyện, nguyện sanh về cõi nước đó. Vì sao vậy? Vì được cùng các bậc Thượng thiện nhân như thế tụ hội một nơi”.

- “Xá Lợi Phất, chẳng thể có chút ít căn lành, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi nước đó. Nếu có người con trai lành, người con gái lành nào nghe nói đến Phật A Di Đà, rồi chấp trì danh hiệu, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, tâm chuyên nhất chẳng loạn. Người đó, lúc lâm chung, được Phật A Di Đà cùng các Thánh chúng hiện ra trước mặt. Người đó, khi chết, tâm không điên đảo, liền được sanh về cõi nước Cực Lạc của Phật A Di Đà”.

- “Xá Lợi Phất, ta thấy lợi ích ấy nên nói lời này. Nếu có chúng sanh nào nghe được điều này, thì phải nên phát nguyện sanh về cõi nước đó”.

- “Xá Lợi Phất, như ta hôm nay khen ngợi công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn của Phật A Di Đà, thì ở phương Đông, Tây, Nam, Bắc, Trên, Dưới cũng có nhiều vô số các đức Phật ở tại nước của mình, hiện ra tướng lưới rộng dài, trùm khắp ba nghìn cõi đại thiên thế giới mà nói lời chân thật: ‘Các chúng sanh phải tin kinh này, là kinh khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả các đức Phật hộ niệm’”.

- “Xá Lợi Phát, vì sao gọi là ‘kinh tất cả các đức Phật hộ niệm’? Vì nếu có người con trai lành, người con gái lành nào nghe được kinh này mà thọ trì, và nghe được danh hiệu của các đức Phật, thì những người con trai lành, những người con gái lành đó đều được tất cả các đức Phật hộ niệm, đều được chẳng thôi chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Cho nên, Xá Lợi Phát, các người đều phải tin nhận lời của ta và các đức Phật nói”.

- “Xá Lợi Phát, nếu có người đã phát nguyện, hiện nay phát nguyện, sẽ phát nguyện, muốn sanh về cõi nước Phật A Di Đà, thì các người đó đều được chẳng thôi chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ở cõi nước đó. Cho nên, Xá Lợi Phát, những người con trai lành, những người con gái lành, nếu có lòng tin thì phải nên phát nguyện sanh về cõi nước đó”.

- “Xá Lợi Phát, như ta hôm nay khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn của các đức Phật, thì các đức Phật đó cũng khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn của ta mà nói lời này: ‘Thích Ca Mâu Ni Phật hay làm những việc rất khó, ít có, ở cõi Ta Bà ngũ trược ác thế, đã chứng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì các chúng sanh nói pháp mà tất cả thế gian khó tin”.

- “Xá Lợi Phát, phải biết rằng, ta ở cõi đời ngũ trược ác thế, làm những việc khó này, chứng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì tất cả thế gian mà nói pháp khó tin này, đó là rất khó”.

Phật nói kinh này xong, ngài Xá Lợi Phát và các vị Tỳ Kheo, tất cả Trời, Người, A Tu La, nghe lời Phật nói, vui mừng tin nhận, đánh lễ rồi lui ra.

**Bài học:** Đức Phật A Di Đà trong quá khứ đã từng phát ra 48 đại nguyện, trong đó, nguyện thứ 18 sẽ tiếp dẫn chúng sanh về thế giới Cực Lạc nếu thường niệm danh hiệu ngài. Người nào cảm thấy cõi Ta bà nhiều đau khổ, nghiệp chướng chúng sanh thời mạt pháp sâu dày, khó có thể thành tựu đạo quả trong đời này, thì nên phát tâm cầu sanh về thế giới Cực lạc của Phật A Di Đà. Ở đó sẽ gặp được nhiều bậc thượng thiện nhân, được nghe Phật thuyết pháp và dễ tu thành chánh quả. Đây là một kinh đặc biệt, bởi được Phật thuyết giảng mà không cần có người hỏi. Tịnh Độ là 1 tông phái rất phổ biến hiện nay, dựa chủ yếu trên Kinh A Di Đà này. Người tu Tịnh Độ cần đặt căn bản trên Tín, Nguyện, Hạnh, và chủ yếu niệm danh hiệu A Di Đà Phật để thanh tịnh tâm ý và cầu vãng sanh Cực Lạc.



NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT

## Bồ-tát Di Lặc

Trong vô số kiếp trước, có Đức Phật ra đời hiệu là Đại Thống Trí Như Lai thì lúc bấy giờ Đức Di Lặc (tiền thân) và Đức Phật Thích Ca (tiền thân) đồng phát tâm Bồ-đề. Đến khi Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh ra đời thì Đức Di Lặc (tiền thân) mới phát tâm xuất gia. Mặc dầu đã xuất gia nhưng tánh Ngài lại hay câu thả và quen theo lối phong lưu đài các. Cộng thêm tính phóng túng cũng như chẳng chịu chú tâm tu hành nên Ngài thành Phật trễ sau Đức Thích Ca gần mười tiểu kiếp. Về sau, nhờ Đức Phật Thích Ca dạy cho pháp tu Duy Thức nên Ngài mới chứng được “Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức”.

Vì nhận thấy giàu sang phú quý, danh vọng quyền tước đều như chiếc bóng trong gương, như trăng dưới nước nên Ngài tận diệt hết vọng tưởng say mê và hư vọng giả cảnh. Bởi thế Ngài được Phật Thích Ca thọ ký cho Ngài sau sẽ thành Phật ở thế giới Ta bà này.

Khi Đức Phật Thích Ca giảng sinh ở Ấn Độ cách đây trên 2500 năm thì Ngài hiện thân vào gia đình của người Bà-la-môn tên là Ba Ba Lợi ở về phía Nam Ấn Độ nhằm ngày mừng một tháng giêng âm lịch. Vì vậy, ngày mừng một tết thường được xem là ngày vía Bồ tát Di Lặc. Họ của Ngài là A Dật Đa (không ai hơn) và tên là Di Lặc (từ thị). Tên họ này tiêu biểu cho lòng từ bi hỷ xả vô biên của Ngài. Từ bao nhiêu kiếp cho đến ngày thành Phật, Ngài vẫn lấy hiệu là Di Lặc.

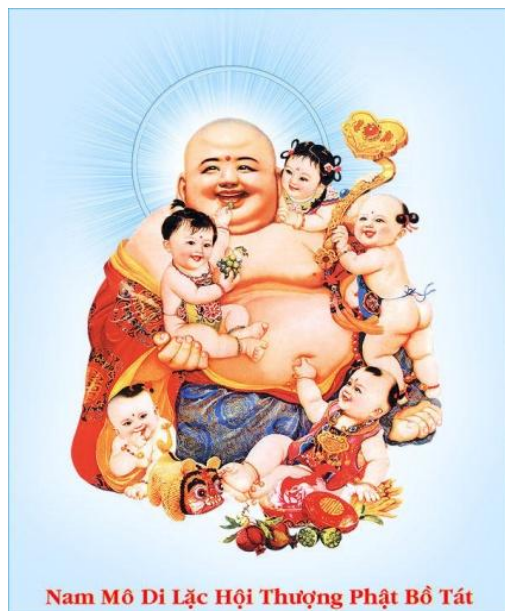
Kinh Di Lặc thượng sanh có nói: Ngày rằm tháng hai sau khi giảng kinh này 12 năm thì Ngài nhập diệt nơi Ngài sinh trưởng. Sau đó, Ngài sẽ sanh lên

cõi trời Đâu suất để chờ khi tuổi thọ của con người trên thế gian này giảm rồi tăng trở lại. Trong khoảng kiếp tuổi thọ tăng thì loài người sẽ sống đến tám vạn tuổi. Và đến bây giờ thì Ngài mới giáng sinh xuống cõi này. Sau đó Ngài đến cây Long Hoa tu thành ngôi Chánh Giác. Khi Ngài thành Phật thì Ngài sẽ hóa độ chúng sinh vô lượng đến sáu vạn năm mới nhập diệt.

Ngài đã hiện ra thành nhiều hóa thân để lẫn lộn với loài người ngộ hầu có cơ hội hóa độ chúng sinh. Trong các hóa thân của Ngài thì Phật tử ở Trung Hoa cũng như ở Việt Nam biết và thờ nhiều hơn hết là Bồ Đại Hòa thượng. Chính Ngài đã hiện thân làm một vị Hòa thượng tại đất Minh châu huyện Phụng Hóa bên Trung Hoa. Ngài thường quây cái đũa bằng vải và đi khắp chợ búa xóm làng. Ngài thường tụ họp các trẻ con lại rồi phân phát cho chúng bánh kẹo. Ngài giảng dạy Phật pháp và nói chuyện rất vui thú nên Ngài đi đến đâu thì các em tụ họp đông đảo đến đó. Ngài thường giảng kinh cho người nghèo và làm nhiều điều mẫu nhiệm lạ thường. Lúc bấy giờ không ai biết Ngài là người như thế nào cả, do đó họ chỉ cùng nhau kêu là Bồ Đại Hòa thượng (ông Hòa thượng mang đũa bằng vải).

Vì căn cứ theo ứng thân này nên trong các chùa ở Trung Hoa thường thờ tượng Ngài Bồ Đại Hòa thượng với vẻ mặt hiền hòa hân hoan. Miệng thì cười vui vẻ và đó là tượng trưng cho đức hoan hỷ. Ngài thì người béo, bụng to và tay cầm cái đũa. Chung quanh có sáu em bé đang leo trèo trên mình Ngài. Đó là tượng trưng cho lục tặc khi đã bị Ngài hàng phục. Sự hóa thân này là một trong trăm ngàn hóa thân của Đức Di Lặc.

**Bài học:** Đức Di Lặc là một vị Bồ-tát đang ở trên cung trời Đâu suất. Ngài đợi đến khi thế giới này hết kiếp giảm thứ 9 rồi đến kiếp tăng thứ 10, khi đó con người sẽ hưởng thọ được trên tám vạn tuổi, thì Ngài mới giáng sinh xuống cõi này, mở pháp hội Long Hoa, độ cho vô số người. Bồ tát Di Lặc là biểu tượng của sự từ bi, hỷ xả. Ngày xuân đi chùa, mọi người thường chúc nhau “mùa xuân Di Lặc”, để nhắc đến câu chuyện này, và cùng hẹn nhau ở một pháp hội Long Hoa trong tương lai, nơi có đức Phật Di Lặc hạ sanh.



## Bút thần

Có một cậu bé thích mơ. Cậu mơ có nhiều đồ chơi. Cậu mơ có nhiều thú vật. Cậu tin tưởng vào ước mơ của mình. Nghe nói, bên Tây phương có ông tiên có thể làm ra phép lạ bằng chiếc đũa thần. Từ đó, đứng vào lúc hoàng hôn xuống, cậu đều cầu nguyện cho giấc mơ của mình thành hiện thực một cách tha thiết, cho đến lúc lên giường đi ngủ: “Mong sao cho ông tiên hiện ra!”. Đó là ước mơ, giấc mơ, là lời cầu nguyện. Cậu cố gắng đưa lời cầu nguyện này vào trong giấc mơ.

Cậu cầu nguyện liên tục như thế trong suốt thời gian dài một năm mà không hề nản chí. Một hôm, đang quỳ gối cầu nguyện bên cửa sổ. Bỗng nhiên, cậu bé chợt thấy một luồng ánh sáng từ xa xẹt mạnh, bay thẳng vào trong phòng ngủ. Ngược đầu lên, cậu bé trông thấy ông tiên.

Ông nói:

- Ta là ông tiên đây. Sao con cứ gọi ta hoài mãi như thế? Có chuyện gì quan trọng không con?

Mừng quá! Cậu vừa xúc động, vừa hồi hộp trả lời:

- Con buồn lắm ông ơi! Không có ai muốn chơi với con hết. Ba mẹ con cứ bận làm việc suốt cả ngày. Gần tối, họ mới về. Ăn cơm qua loa là cả nhà đi ngủ hết. Con muốn có nhiều đồ chơi và nhiều thú vật để chơi.

- Tội nghiệp con chưa! Đây! Ta cho con cây bút thần này nhé. Con muốn gì thì hãy dùng nó mà vẽ. Vẽ một cái là phép lạ sẽ hiện ra ngay. Nhưng, ta cảnh cáo với con là vẽ gì thì phải sống hết lòng với nó. Con có làm được như vậy hay không?

- Dạ vâng! Con xin ghi nhớ lời căn dặn của ông.  
Con cảm ơn ông!

Vừa mới nói xong, ông tiên biến mất. Cậu cứ tưởng là mình đang ở trong giấc mơ. Sáng mai thức dậy. Cậu bé giật mình kinh ngạc! Cây bút thần đang nằm ở trong lòng bàn tay của cậu.

Mừng quá! Cậu vẽ thử. Cậu vẽ con ngựa thì con ngựa hiện ra trước sân nhà. Nó hí lên một tiếng dài. Sung sướng quá! Cậu chạy ra sân vuốt ve con ngựa, cho con ngựa ăn cỏ và uống nước suối. Cứ như thế, ngày nào, cậu cũng vẽ một vài đồ chơi hoặc vài con thú.

Một thời gian không lâu, cậu có thật nhiều đồ chơi trong phòng như búp bê, xe điện, chiếc cầu... Cậu cũng có nhiều loài thú vật, chứa đầy cả sân nhà như ngựa, chó, lạc đà, khi, dê, gà, vịt, chim chóc...

Lúc ban đầu, cậu biết quý đồ chơi và các loài thú vật. Cậu dành nhiều thì giờ chơi với đồ chơi của mình. Cậu dùng nhiều thì giờ chăm sóc cho từng con thú.

Nhưng, gần đây, nghe các bạn bảo: “Trò chơi điện tử mới hấp dẫn nhất.” Thế là, cậu vẽ ra các trò chơi điện tử. Nào là siêu nhân, dàn trận, giết nhau, đánh nhau, múa kiếm, phim chưởng, ngựa thần, người máy, xe tăng, máy bay, phi thuyền... Cậu đam mê hết cỡ các trò chơi điện tử này. Cậu chơi ngày, chơi đêm, bỏ luôn cả ăn, uống, ngủ nghỉ. Cậu cảm thấy chán nản các trò chơi với các loài thú vật, giờ cậu thấy các trò ấy sao mà tầm thường quá! Hơn nữa, cậu cũng không có thì giờ chăm sóc cho bọn thú. Cậu bận chơi ‘game’ suốt ngày. Chúng không có thức ăn nên đói meo. Chúng không có uống nước



nên khát lắm. Vậy mà, cậu đâu có thêm để ý. Cậu đánh mất lòng biết ơn và sự trân quý đối với những gì mình đang có.

Các con thú đói quá và khát quá nên chúng kêu la om sòm một cách thảm thiết. Ông tiên ở trên cao nghe tiếng kêu la của bọn thú, biết rằng đứa bé đã không giữ lời hứa.

Ông đưa chiếc đĩa thần lên cao, đọc thầm một bài thần chú rồi dùng chiếc đĩa múa một điệu thật lạ kỳ, thì tất cả đồ chơi và các loài thú của cậu biến mất hết.

Bỗng chốc, cậu mất tất cả. Bút thần không còn nữa. Cậu bé ân hận quá! Quỳ đầu gối xuống đất, thành khẩn cầu nguyện và xin chuộc tội với ông tiên. Nhưng, không bao giờ ông tiên còn hiện về nữa.

**Bài học:** Câu chuyện dạy chúng ta về bài học giữ lời hứa. Trong câu chuyện trên cậu bé đã không giữ lời hứa với ông tiên, cậu không hết lòng với những món đồ chơi đã vẽ ra, vì vậy đã bị mất tất cả. Ngày nay, nhiều em nhỏ rất mê chơi trò chơi điện tử, bỏ cả việc học hành, ngủ nghỉ, như thế là không tốt cho sức khỏe. Vui chơi chút đỉnh để giải trí sau những giờ học tập căng thẳng thì được, chứ không nên quá mê chơi, trở thành nghiện, thì sẽ quên hết những điều tốt đẹp và sẽ đau khổ (bởi ham chơi).



## Cậu bé Tích Chu

Ngày xưa, có một bạn tên là Tích Chu. Bố mẹ Tích Chu mất sớm, Tích Chu ở với bà.

Hàng ngày bà phải làm việc quần quật kiếm tiền nuôi Tích Chu, có thức gì ngon bà cũng dành cho Tích Chu. Ban đêm, khi Tích Chu ngủ thì bà thức quạt. Thấy bà thương Tích Chu, có người bảo:

– Bà ơi! Lòng bà thương Tích Chu cao hơn trời, rộng hơn biển. Lớn lên, Tích Chu sẽ không khi nào quên ơn bà.

Thế nhưng lớn lên, Tích Chu lại chẳng thương bà. Bà thì suốt ngày làm việc vất vả, còn Tích Chu suốt ngày rong chơi. Vì làm việc vất vả, ăn uống lại kham khổ nên bà bị ốm. Bà lên cơn sốt nhưng chẳng ai trông nom. Tích Chu mãi rong chơi với bạn bè, chẳng nghĩ gì đến bà đang ốm. Một buổi trưa, trời nóng nực, cơn sốt lên cao, bà khát nước quá liền gọi:

– Tích Chu ơi, cho bà ngụm nước. Bà khát khô cổ rồi!

Bà gọi một lần, hai lần...rồi ba lần nhưng vẫn không thấy Tích Chu đáp lại. Mãi sau Tích Chu thấy đói mới chạy về nhà kiếm cái ăn. Tích Chu ngạc nhiên hết sức thấy bà biến thành chim và vỗ cánh bay lên trời. Tích Chu hoảng quá kêu lên:

– Bà ơi! Bà đi đâu? Bà ở lại với cháu. Cháu sẽ mang nước cho bà, bà ơi!

– Cúc cu ... cu! Cúc ... cu cu! Chạm mắt rồi cháu ạ, bà khát quá không thể chịu nổi phải hóa thành chim để bay đi kiếm nước. Bà đi đây, bà không về nữa đâu!

Nói rồi chim vỗ cánh bay đi. Tích Chu hoảng quá chạy theo bà, cứ nhằm theo hướng chim bay mà chạy. Cuối cùng Tích Chu gặp chim đang uống nước ở một dòng suối mát. Tích Chu gọi:

– Bà ơi! Bà trở về với cháu đi. Cháu sẽ đi lấy nước cho bà, cháu sẽ giúp đỡ bà, cháu sẽ không làm bà buồn nữa!

– Cúc ...cúc...cúc, muộn quá rồi cháu ơi! Bà không trở lại được nữa đâu!

Nghe chim nói, Tích Chu òa khóc, Tích Chu thương bà và hối hận. Giữa lúc đó, có một bà tiên hiện ra, bà bảo Tích Chu:

– Nếu cháu muốn bà trở lại thành người thì cháu phải đi lấy nước suối Tiên cho bà cháu uống. Đường lên suối Tiên xa lắm, cháu có đi được không?

Nghe bà Tiên nói, Tích Chu mừng rỡ vô cùng, vội vàng hỏi đường đến suối Tiên, rồi chẳng một phút chần chừ, Tích Chu hăng hái đi ngay.

Trải qua nhiều ngày đêm lặn lội trên đường, vượt qua rất nhiều nguy hiểm, cuối cùng Tích Chu đã lấy được nước suối mang về cho bà uống. Được uống nước suối Tiên, bà Tích Chu trở lại thành người và về ở với Tích Chu. Từ đây, Tích Chu hết lòng yêu thương chăm sóc bà.

**Bài học:** Ở đời cần biết nhớ công ơn người sinh thành, dưỡng dục. Người bà đã vất vả nuôi nấng Tích Chu khôn lớn. Nhưng vì mãi mê chơi, Tích Chu đã quên quan tâm, chăm sóc cho bà của mình khi bà đau ốm, cần đến sự giúp đỡ của cậu. Đôi khi, trong cuộc sống, vì mãi mê công việc, chúng ta

cũng vô tình, quên quan tâm, chăm sóc cha mẹ, ông bà khi già yếu, đau ốm. Trong câu chuyện này, nhờ bà tiên hướng dẫn nên Tích Chu còn có cơ hội đi tìm nước suối tiên để chuộc lỗi với bà, cứu bà sống lại, và được sống với bà. Trong thực tế, không phải lúc nào cũng có bà tiên xuất hiện, vì vậy ta cần phải luôn biết trân trọng và quan tâm, chăm sóc đến những người thân yêu xung quanh mình, để không phải hối tiếc về sau.



## Sự tích hoa Đại

Từ thuở xa xưa, có hai mẹ con sống rất nghèo, hằng ngày phải đi làm mướn để kiếm bữa ăn tạm qua ngày. Cậu bé chỉ mới lên mười, dù rất thương mẹ nhưng em đành phải xa mẹ đi ở cho một lão nhà giàu chuyên nghề mổ lợn.

Ngày ngày, lão đồ tể bắt em lên rừng hái củi để đun nước giết lợn, cạo lông. Những ngày đầu lên rừng, em còn phải đi theo các bác đốt than để khỏi phải lạc đường, rồi sau đó em tự đi một mình. Cứ vài ngày một lần, em đi đường vòng xa hơn để ghé qua nhà thăm mẹ cho đỡ nhớ. Nhân tiện, em để cho mẹ một mớ củi và một ít sim rừng, ổi rừng.

Một hôm, em đang chặt củi ở bên sườn núi thì bỗng thấy một con hươu con bị sa xuống hố. Chú hươu con lo lắng và kêu lên một cách tuyệt vọng. Chú cứ mở to đôi mắt, ngẩng đầu lên nhìn quanh như đợi mẹ mình đến cứu. Chú bé cũng nhìn quanh tìm kiếm xem có hươu mẹ ở đâu đây không, nhưng chỉ thấy cây rừng và tiếng gió thổi xào xạc. Em liền lần xuống hố ẵm chú hươu con lên. Thấy có người, lúc đầu chú hươu con sợ sệt né tránh, nhưng chỉ một lúc, chú để yên cho cậu bé vuốt ve. Cậu bứt một ít cỏ non cho hươu con ăn, rồi lại bẻ một miếng cơm từ nắm cơm – bữa trưa ít ỏi của mình chấm muối bón thử cho hươu ăn. Hươu con chưa quen ăn cơm, nhưng hình như rất thích vị mặn mặn của muối. Cậu bé rất muốn đem hươu con về nhà mẹ nuôi nhưng sợ lão chủ biết. Còn nếu đem về nhà lão đồ tể, chắc chắn lão sẽ thịt hươu con mất, bởi lão vẫn thường nói với mọi người rằng lão rất thèm thịt hươu. Cậu có ý trông đợi hươu mẹ trở lại để giao hươu con vì không ai là không muốn sống với mẹ.

Cậu nhủ thầm với con hươu mà như là nói với chính mình vậy.

Trời đã xế chiều nhưng vẫn không thấy hươu mẹ đâu cả, cậu bé đành tìm một cái hang nhỏ, cho hươu con vào đó và lấy đá chặn kín lại.

– Ngày mai ta sẽ lên với hươu con! Hươu con đừng lo, cứ ngủ cho ngon nhé! – Cậu bé nói.

Hôm sau, cậu bé lại lên rừng. Em thở phào mừng rỡ khi thấy hươu con vẫn còn đó. Gặp lại em, hươu con tỏ vẻ mừng rỡ, cứ lấy mũi người người vào tay em.

– À! Mày muốn ăn cơm với muối chứ gì? – Cậu bé bẻ một miếng cơm chấm vào muối rồi bón cho hươu con, sau đó đi hái cỏ non cho nó. Trong lúc chặt củi, em cho hươu con đứng bên cạnh. Có hươu con, em chặt củi không biết mệt một chút nào cả. Từ đó, cậu bé và hươu con trở thành đôi bạn thân, ngày nào cũng gặp nhau, chỉ có đêm là cả hai đành phải tạm xa nhau. Thương hươu con không có mẹ nên quẩn quít với mình, nhiều đêm em nằm mơ gặp hươu con và đùa giỡn với nó. Một đêm nọ, lão đồ tể thức dậy ra sân xem trời gần sáng chưa để giết lợn. Bỗng hắn nghe ở dưới bếp tiếng cậu bé đang nằm nói mê rất rõ như đang thức:

– Hươu à, hươu ăn chóng lớn, hươu mọc đôi sừng thật cao, thật đẹp nhé!

Lần ấy lão không để ý mấy, nhưng sau đó lão nghe bọn người làm mách là cậu bé cứ thường nói mê như thế. Lão đồ tể cau mày nghĩ bụng:

– Biết đâu thằng bé gặp hươu thật!

Thế là lão sai người nhà lén theo cậu lên rừng. Hấn chứng kiến cảnh em cùng chú hươu con gặp nhau và quần quýt bên nhau suốt ngày nên liền về mách với lão chủ. Lão chủ liền nói:

– Đúng vậy thì ngày mai tao sẽ đi xem, chúng mày theo tao bắt cho kỳ được con hươu đem về.

Hôm sau, cậu bé lại lên rừng và mong gặp hươu con biết bao. Chỉ trong một thời gian ngắn, hươu con đã to lớn trông thấy và ngày càng tỏ ra khôn ngoan hơn. Hình như cậu bé nói gì, nghĩ gì, hươu con đều hiểu được cả và ngoan ngoãn làm theo. Nhưng hôm đó, khi em vừa đón hươu con từ trong hang ra, chưa kịp cho ăn, thì lão đồ tể cùng hai tên người làm ập tới chỗ hươu đứng. Cậu bé đành quát to:

– Chạy đi hươu ơi! Chạy đi!

Thấy hươu còn chân chừ, cậu bé bèn phát vào cổ nó một cái thật mạnh và quát:

– Chạy nhanh đi!

Hươu con hiểu ý phóng như bay vào rừng. Lão đồ tể và hai tên người làm đuổi theo nhưng không kịp. Hươu con đã phóng mất dạng khiến bọn họ không biết đâu mà tìm. Lão đồ tể giận lắm, quay lại đánh cậu bé một trận. Trong cơn điên tiết, lão lấy một hòn đá nện vào lưng cậu. Không may hòn đá đánh trúng vào đầu khiến cậu bé ngã lăn ra nằm không động đậy. Lão đồ tể bỏ mặc em giữa rừng, cùng hai tên người làm trở về nhà. Hươu con chạy rất xa, lên đỉnh đồi nhìn xuống. Thấy lão đồ tể độc ác cùng hai tên người làm đã về thật rồi, hươu con chạy xuống với người bạn thân thiết của mình. Hươu con hà hơi ấm vào lưng và ngực của cậu bé. Một lúc sau, cậu

bé tỉnh dậy. Thấy hươu con, cậu mừng quá, ôm lấy cổ hươu mà khóc.

– Không có hươu thì ta chết mất rồi!

Thế là người và hươu kéo nhau đi sang khu rừng khác, tránh ngày mai lão đồ tể có thể đưa người và chó lên lưng sục. Phải đi nhanh thật xa nơi này. Nghĩ vậy, dù trời đã tối và đau đớn khắp người, nhưng cậu bé và hươu con vẫn nương vào nhau mà đi nhanh. Vết thương trên đầu đau nhức nhưng muốn cứu hươu và cứu mình, cậu bé cố bước đi. Đến những lúc mệt quá, cậu lại ngồi bệt xuống cỏ nghỉ ngơi. Lúc đó, hươu con lại quẩn quýt bên cạnh như vỗ về, an ủi và lại hà hơi ấm vào lưng và ngực cho cậu. Hôm sau, lão đồ tể đưa người và chó lên thật. Nhưng lưng sục mãi, lão vẫn không tìm thấy hươu và cậu bé đâu cả nên đành hậm hực trở về. Cậu bé ở với hươu mấy ngày liền trong khu rừng sâu và tự tìm lá để chữa vết thương. Cả người và hươu cố kiếm quả rừng, củ rừng để ăn tạm. Nhưng được mấy ngày nhớ mẹ quá, cậu bé nói với hươu con rằng:

– Hươu ơi, ta nhớ mẹ quá. Ta muốn về thăm nhà một bữa rồi sẽ trở lên ngay với hươu.

Hươu con như hiểu ý của cậu bé. Nó mở to đôi mắt nhìn người chủ nhỏ và rơm rớm nước như đang khóc, rồi gật đầu liền mấy cái. Hươu con đưa người chủ nhỏ ra tận bìa rừng, sau đó đứng trên một hòn đá to nhìn theo cho đến khi dáng nhỏ nhắn của cậu bé khuất hẳn.

Cậu bé về gặp mẹ và biết được cách đây vài hôm, lão đồ tể có sai người đến dò hỏi cậu có trốn về không. Mẹ cậu không hề hay biết cậu đã bị lão đánh



suýt chết. Cậu bé về lần này đúng vào dịp người chú chèo thuyền thuê cũng ghé về thăm nhà. Nghe cậu kể chuyện, người chú liền nói:

– Đã vậy thì cháu nên đi theo chú. Chú sẽ giúp cháu ăn học nên người.

Nhưng cậu bé lo lắng nói:

– Nhưng còn hươu con thì sao?

– Hươu con ở trong rừng thì cháu cần lo gì?

– Cháu đã hẹn với hươu con là sẽ trở lại với nó mà!

– Hươu làm sao hiểu được lời người nói?

– Chú ơi, nó hiểu được đấy! Nó tiễn cháu đi và còn khóc nữa kia mà!

– Thì cháu cứ theo chú ăn học. Ngày sau khôn lớn trở về, lúc đó cháu gặp lại hươu con vẫn không muộn mà.

– Liệu hươu con có chờ cháu không?

– Có chứ! Nó khôn vậy thì nó sẽ biết chờ.

– Cháu chỉ thương nó sống một mình như thế thì sẽ buồn lắm!

– Cháu đừng lo! Rồi nó sẽ tìm bầy đàn của nó để sống mà.

– Nhưng như thế nó có quên cháu không?

– Nó thương cháu nhiều như thế thì chắc sẽ không quên cháu đâu.

Không biết làm gì hơn, cậu bé đành nghe theo lời dỗ dành của chú và mẹ. Ngay tối hôm đó, người chú ra đi cho kịp ngày hẹn với chủ thuyền. Và cũng đêm đó, cậu bé ngồi ở đầu mũi thuyền nhìn về

hướng núi cao và nói vọng lên “Hươu con ơi! Hươu chờ ta nhé! Ta sẽ về, và sẽ đưa hươu xuống dưới này sống với mẹ con ta”.

Lòng cậu bé muốn vậy, nhưng cuộc đời đâu phải muốn gì được nấy. Cậu bé đi với chú mình, và được ông gửi cho đi học ở một ông đồ nghèo nhưng rất thương người. Và trong một chuyến đi xa, thuyền của chú cậu bé bị đắm và ông mãi mãi không trở về nữa. Cậu bé được ông đồ nuôi dạy, nhưng từ đó phải ở luôn với ông.

Đường về quê mẹ xa quá, cậu càng nhớ thương mẹ gấp bội. Sau đó vài năm, cậu nghe tin mẹ mình đã mất. Hết thương mẹ, cậu lại nhớ đến hươu. Chú hươu con ngày nào không biết bây giờ đã lớn và đã nhập đàn sống với đồng loại chưa? Chú hươu con còn nhớ mình hay đã quên rồi?

Nhưng con hươu không quên. Nó vẫn nhớ người bạn, người chủ nhỏ của mình. Hằng ngày nó vẫn đến nơi chia tay với cậu bé để ngóng trông người bạn đã từng hứa sẽ trở lại với mình, nhưng chẳng thấy bóng dáng đâu cả. Nhiều năm trôi qua, hươu lớn lên, sừng bắt đầu mọc. Đôi sừng ngày càng to lớn, nhưng chú hươu vẫn hiền lành như xưa. Hươu vẫn luôn mong chờ người bạn cũ của mình. Nhưng đời hươu không dài bằng đời người được.

Bây giờ hươu đã trở thành con hươu đầu đàn. Một hôm, hươu bỗng gặp một đoàn người đốt than. Hươu muốn đến gần nhưng rất ngại họ. Chờ cho đến khi mọi người về hết, hươu mới rời đàn, một mình đến gần chỗ họ đã ngồi trước đó. Trông thấy một ít muối rơi vãi dưới đất, hươu ném vị mằn mặn của muối mà bỗng nhớ người bạn của mình khôn tả xiết. Thế là, nó để bày đàn lại cho một con hươu

khác dẫn đầu, rồi một mình tìm đến chốn cũ, nơi có cái hang năm xưa hươu đã sống ở đó hằng ngày và chờ cậu bé. Cái hang vẫn như xưa và nó sống quanh quẩn ở đó. Bấy giờ cỏ mọc quanh miệng hang um tùm và hươu mỗi ngày một già đi. Đến một ngày nọ, mặt trời sắp lặn, hươu già nằm xuống, giấu mình trong bụi rậm ở ngay bên cạnh hang và chết.

Lúc này, người bạn của hươu đang ở một nơi rất xa và đã có vợ con. Một hôm, thấy người đi bán sừng hươu, anh bỗng nhớ lại chuyện cũ và kể cho vợ con nghe. Đưa con lập tức đòi bố đưa về thăm quê, viếng mộ bà và lên rừng tìm xem chú hươu còn không? Thương con, nhớ mẹ và nhớ hươu, anh liền thu xếp đưa vợ con về quê.

Về đến làng xưa, hỏi ra mới biết lão đồ tể độc ác một hôm dẫn chó lên rừng đi săn đã bị rắn độc cắn chết. Sau khi thăm mộ mẹ xong, anh liền đưa con lên rừng. Thỉnh thoảng con gió rừng thổi thoảng thoảng đem lại mùi hương vừa gần gũi, vừa xa xôi như chào đón như dẫn đường anh. Theo mùi hương, hai bố con đến ngay cái hang ngày xưa mà anh đã giấu chú hươu con. Cả hai bố con chột sững sốt và đứng im lặng mãi với cảnh tượng trước mắt. Bên cạnh miệng hang mọc lên một loài cây lạ và đang nở đầy hoa. Mùi hương của nó thật đậm đà. Nhìn kỹ thì cành cây rất giống sừng hươu.

Lúc đó, có mấy người đốt than đi ngang. Họ kể rằng, trước đây ngay tại chỗ cây hoa đang nở, có một con hươu già từ đâu không biết, đến ở đó rồi nằm chết luôn. Sau đó, ở gần miệng hang bỗng mọc lên loài cây này, lá to giống tai hươu và cành giống sừng hươu. Người bố nghe nói, liền đoán ngay đây là chú hươu con ngày xưa. Thì ra chú vẫn nhớ tới

người bạn nhỏ của mình và vẫn chờ đợi mình. Lòng đầy ân hận, anh liền nói:

– Hươu ơi, ta muốn về với hươu nhưng nào có được. Dù sao bây giờ ta cũng đã gặp lại nhau.

Hai bố con cùng khẩn xin hươu cho mình mang giống cây lạ về quê trồng, và để luôn nhớ tới hươu. Ngày nay, loài cây trở hoa có cánh giống như sừng hươu ấy được gọi là cây hoa Đại. Có người bảo, chữ Đại là từ chữ Đợi, chờ đợi mà có.

**Bài học:** Trong câu chuyện này, lòng hiếu thảo của cậu bé và tình bạn giữa cậu bé và con hươu thật là đẹp. Mặc dù, vì hoàn cảnh phải mưu sinh, và đi xa khỏi quê, cậu bé vẫn luôn nhớ mẹ, và nhớ về người bạn hươu của mình. Người mẹ cũng rất thương con, vì bảo vệ tính mạng con, bà sẵn sàng cho con đi theo người chú, và chấp nhận xa con, kể cả lúc mắt cũng không được gặp con. Con hươu vì nhớ bạn, nên đã chết tại nơi hẹn xưa, và mọc thành loài hoa Đại như hình sừng hươu, tỏa hương thơm ngát. Nếu hoàn cảnh thuận lợi hơn, lẽ ra cậu bé nên về thăm mẹ khi bà còn sống, và thăm lại bạn hươu thì câu chuyện sẽ đẹp và hay hơn nhiều.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chân Pháp Đăng & Chân Pháp Nhật, (2012). Em hồn nhiên (truyện ngắn cho thiếu nhi). Truy xuất từ: <http://thuvienhoasen.org/>
2. Gil Fronsdal, Đức Phật dạy con như thế nào, Truy xuất từ: <http://www.insightmeditationcenter.org/>
3. Jing Yin, Ken Hudson, W.Y. Ho, (2002), Dharma for Children, Buddhist Education Foundation, UK – Bản dịch: Tâm Minh Ngô Tằng Giao (2011), Phật pháp cho Trẻ em, Thư viện Hoa sen.
4. Khuddaka Nikàya, Đại tạng kinh Việt Nam (Kinh tiểu bộ - chuyện tiền thân Đức Phật), Bản dịch: Thích Minh Châu & Trần Phương Lan.
5. Nguyễn Đồng Chi, (2008), Kho tàng Truyện Cổ Việt Nam (tập 1-5), NXB. Trẻ, Tp.HCM
6. Thích Đức Niệm, (1998), Lược truyện tiền thân đức Phật, Phật học viện Quốc tế, California.
7. Thích Minh Châu, (1991), Chuyện tiền thân Đức Phật, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam.
8. Thích Minh Chiếu, (1994), Truyện cổ Phật giáo (tập 1 – 4), NXB. Tôn Giáo
9. Thích nữ Trí Hải, (2004), Từ nguồn Diệu Pháp, NXB. Tôn Giáo, Hà Nội.
10. Thích Tinh Vân (dịch giả: Như Đức), (2001), Thập đại đệ tử truyện, NXB. Tôn Giáo, Hà Nội.

11. Thích Minh Quang, (2014), Kinh Pháp Cú Thí Dụ, NXB. Tôn giáo Hà Nội.
12. Vân Hà, (2006), Đức Phật Thích Ca và thập đại đệ tử diễn ngâm, NXB. Tôn Giáo.
13. Võ Đình Cường, (2004), Ánh Đạo Vàng, NXB. Tôn Giáo, Hà Nội.
14. Website về Truyện cổ tích, như:  
<http://truyencotich.vn/> ,  
<http://doctruyencotich.com/>
15. Website về Đức Phật, như:  
<http://tuvien.com/http://www.budsas.org/> ,  
<http://www.quangduc.com/>,  
<http://www.phoquang.org/>,  
<http://www.phatgiao.org.vn/>,  
<http://www.langmai.org/> ,  
<http://www.vinhnghiem.de/>  
,<http://www.thuvienhoasen.com/>,  
<http://giacngo.vn/>, <http://thuvienhoasen.org/>